ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:6413 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 15 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố và phê duyệt danh mục, nội dung, quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ do cấp tỉnh thực hiện trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi, chức năng quản lý của ngành Xây dựng tỉnh Tây Ninh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2478/QĐ-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3511/TTr-SXD ngày 27 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục, nội dung và quy trình nội bộ giải quyết 11 thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung (bao gồm: 05 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây Dựng; 07 TTHC do Cơ sở

đăng kiểm thực hiện), 01 TTHC bị bãi bỏ do Cơ sở đăng kiểm thực hiện thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Xây dựng tỉnh Tây Ninh *(kèm theo 133 trang phụ lục).*

Điều 2. Giao Sở Xây dựng, Cơ sở đăng kiểm:

1. Triển khai thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo quy trình nội bộ được phê duyệt tại quyết định này đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở, Cơ sở.

2. Trên cơ sở nội dung quy trình nội bộ được phê duyệt tại quyết định này, Sở Xây dựng, Cơ sở đăng kiểm phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng quy trình điện tử giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của ngành theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các danh mục, nội dung và quy trình nội bộ giải quyết TTHC cấp tỉnh có mã số tương ứng được công bố trước đây.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Cơ sở đăng kiểm; Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC (Bộ Tư pháp);
- CT, PCT. UBND tỉnh "VHXH";
- CVP, các PCVP.UBND tỉnh "VHXH";
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT.

QDCB-TTr3511-DANGKIEM-QD2478

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Tấn Hòa

PHỤ LỤC I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BÃI BỎ THUỘC LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH TÂY NINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6413/QĐ-UBND ngày 15 / 4/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên TTHC	Mã số TTHC (CSQLQG)	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm thực hiện	Cơ quan giải quyết TTHC	Cách thức thực hiện			Quyết định công bố của Bộ ngành
							Trực tiếp	BC CI	Trực tuyến	
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO SỞ XÂY DỰNG THỰC HIỆN: 04 TTHC										
1	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	1.013105	- Tiếp nhận hồ sơ: 01 ngày làm việc. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 10 ngày. - Cấp Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo của Tỉnh ủy Tây Ninh)*	Không có	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn	Sở Xây dựng	x	x	Toàn trình	Quyết định số 2478/QĐ-BXD ngày 31/12/2025

					tỉnh Tây Ninh					
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	1.013110	- Tiếp nhận hồ sơ: 01 ngày làm việc. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 10 ngày. - Cấp Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết the chỉ đạo của Tỉnh ủy Tây Ninh)*	Không có	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Sở Xây dựng	x	x	Toàn trình	Quyết định số 2478/QĐ-BXD ngày 31/12/2025
3	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	1.001322	- Tiếp nhận hồ sơ: 01 ngày làm việc. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 10 ngày. - Cấp Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo của Tỉnh ủy Tây Ninh)*	Không có	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Sở Xây dựng	x	x	Toàn trình	Quyết định số 2478/QĐ-BXD ngày 31/12/2025

4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	1.001296	- Tiếp nhận hồ sơ: 01 ngày làm việc. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 10 ngày. - Cấp Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo của Tỉnh ủy Tây Ninh)*	Không có	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Sở Xây dựng	x	x	Toàn trình	Quyết định số 2478/QĐ-BXD ngày 31/12/2025
II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM THỰC HIỆN: 07 TTHC										
5	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong	1.013089	04 giờ làm việc	Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới	Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới	x	x	Một phần	Quyết định số 2478/QĐ-BXD ngày 31/12/2025

	trường hợp miễn kiểm định lần đầu									
6	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)	1.005103	Trong ngày làm việc	- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định - Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới	Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới	x	x	Một phần	Quyết định số 2478/QĐ-BXD ngày 31/12/2025

				Bộ trưởng Bộ Tài chính.						
7	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe máy chuyên dùng	1.013205	Trong ngày làm việc	- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định - Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới	Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới	x	x	Một phần	Quyết định số 2478/QĐ-BXD ngày 31/12/2025
8	Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và	1.013092	Trường hợp bị sai thông tin, bị hỏng: trong 04 giờ làm việc	Giá dịch vụ in lại Giấy chứng nhận: 23.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định tem	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới	Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới	x	x	Một phần	Quyết định số 2478/QĐ-BXD ngày 31/12/2025

	bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng			kiểm định xe cơ giới						
9	Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo	1.013206	- Kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế cải tạo (trường hợp phải lập hồ sơ thiết kế): 03 ngày làm việc - Cấp Giấy chứng nhận: +Trường hợp xe phải lập hồ sơ thiết kế: 03 ngày. +Trường hợp không phải lập hồ sơ thiết kế: ngay trong ngày	- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định - Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới	Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới	x	x	Một phần	Quyết định số 2478/QĐ-BXD ngày 31/12/2025

				238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.						
10	Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo	1.013097	01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm; trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm khác	- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định - Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới	Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới	x	x	Một phần	Quyết định số 2478/QĐ-BXD ngày 31/12/2025

				ngày 11/11/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.						
11	Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	1.013101	04 giờ làm việc	Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Cơ sở đăng kiểm	Cơ sở đăng kiểm	x	x	Một phần	Quyết định số 2478/QĐ-BXD ngày 31/12/2025

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Văn bản quy định
1	Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trong trường hợp còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng, rách hoặc có sự sai khác về thông tin	1.012875	Quyết định số 2478/QĐ-BXD ngày 31/12/2025

PHỤ LỤC II
NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH TÂY NINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6413/QĐ-UBND ngày 15/ 4 /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO SỞ XÂY DỰNG THỰC HIỆN

1. Thủ tục Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy – Mã TTHC: 1.013105

a) Trình tự thực hiện:

**** Bước 1: Nộp hồ sơ***

Tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh *(cơ sở 1 tại địa chỉ: Khối nhà cơ quan 4, đường song hành, Quốc lộ tránh 1A, phường Long An, tỉnh Tây Ninh; cơ sở 2 tại địa chỉ: Số 83, đường Phạm Tung, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh)*; hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; hoặc nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến Cổng dịch vụ công quốc gia https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-dich-vu-cong-truc-tuyen.html.

- Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ:

+ Trường hợp nộp trực tiếp: Sở Xây dựng kiểm tra thành phần hồ sơ trong ngày làm việc; nếu chưa đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải hoàn thiện hồ sơ; nếu đầy đủ theo quy định, lập phiếu kiểm soát, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, trong đó ghi rõ thông tin về lịch kiểm tra, đánh giá thực tế;

+ Trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ, Sở Xây dựng kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải; nếu đầy đủ theo quy định, lập phiếu kiểm soát, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, trong đó ghi rõ thông tin về lịch kiểm tra, đánh giá thực tế.

+ Chuyển hồ sơ đến Sở Xây dựng.

**** Bước 2: Giải quyết hồ sơ***

Việc kiểm tra, đánh giá thực tế được thực hiện trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ như sau:

- Kiểm tra, đánh giá cơ sở kiểm định khí thải phù hợp với yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở

đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy để ghi nhận vào biên bản;

- Kiểm tra, đánh giá cơ sở kiểm định khí thải theo quy định tại Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới và tổng hợp kết quả kiểm tra, đánh giá ghi nhận các nội dung tương ứng vào biên bản.

- Xử lý kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế

- Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu: Sở Xây dựng thực hiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

- Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế không đạt yêu cầu: Sở Xây dựng ghi rõ lý do vào biên bản và gửi cho tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải để khắc phục các nội dung không đạt yêu cầu.

- Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu, Sở Xây dựng cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; mã số cơ sở kiểm định khí thải.

- Khắc phục đối với trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu

- Việc khắc phục và kiểm tra, đánh giá lại được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thông báo các nội dung không đạt yêu cầu. Quá thời hạn này, để tiếp tục, tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải thực hiện trình tự, thủ tục lại từ đầu;

- Sau khi khắc phục các nội dung không đạt, tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải gửi văn bản đề nghị tới Sở Xây dựng. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở Xây dựng thực hiện các bước quy định. Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá lại không đạt yêu cầu, nêu rõ lý do không đạt và kết luận cơ sở kiểm định khí thải không đủ điều kiện hoạt động, dừng thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

**** Bước 3. Trả kết quả***

- Trung tâm Phục vụ hành chính công đã tiếp nhận hồ sơ thông báo cho người nộp hồ sơ để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan (nếu có).

- Trung tâm Phục vụ hành chính công đã tiếp nhận hồ sơ thực hiện trả kết quả cho người nộp hồ sơ theo hình thức đã đăng ký khi nộp hồ sơ.

- Cơ sở kiểm định khí thải nộp hồ sơ mang theo Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi nhận hồ sơ để được

hướng dẫn thực hiện các nghĩa vụ có liên quan (nếu có) và nhận kết quả trực tiếp (hoặc yêu cầu Trung tâm chuyển kết quả qua bưu điện).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-dich-vu-cong-truc-tuyen.html.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ**

STT	Thành phần hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hóa (đánh "X")
1	Văn bản đề nghị kèm theo bản thông tin về cơ sở kiểm định khí thải	x
2	Bản vẽ bố trí chung của cơ sở kiểm định khí thải thể hiện được vị trí kiểm tra	x
3	Danh sách trích ngang nhân lực	x
4	Danh sách thiết bị kiểm tra.	x

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc.

- Kiểm tra, đánh giá thực tế: 10 ngày.

- Cấp Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm.

đ) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng

- Cơ quan phối hợp: không có.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

h) Phí, lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu Văn bản đề nghị;

- Mẫu Danh sách trích ngang;

- Mẫu Danh sách thiết bị;

- Mẫu Giấy chứng nhận chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Cơ sở đăng kiểm là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp hoặc hợp tác xã được thành lập theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

- Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

TÊN TỔ CHỨC THÀNH LẬP CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM [(1)]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:	

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG

□ Kiểm định xe cơ giới □ Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

Kính gửi: ……[(2)]……

1. Tên tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm/cơ sở đăng kiểm: ……

2. Địa chỉ: ……..……

3. Số điện thoại: .....Email: .....

4. Đề nghị:

□ Cấp mới

□ Cấp lại

- Số giấy chứng nhận lần gần nhất: .....

- Lý do cấp lại: □ Mất □ Hỏng □ Thay đổi nội dung giấy chứng nhận

□ Kiểm tra, đánh giá lại

- Các nội dung đã khắc phục (theo kết luận tại biên bản kiểm tra, đánh giá điều kiện hoạt động số ....):…….……

……[(1)]…… cam kết các thông tin trên là chính xác.

……, ngày …… tháng …… năm ……

Nơi nhận:	**TỔ CHỨC THÀNH LẬP CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM[(1)]**
- Như kính gửi;	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
- Lưu…	

Hướng dẫn ghi:

(1) Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với trường hợp cấp mới;

(2) Cơ quan thực hiện kiểm tra, đánh giá.

BẢN THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI

(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định ngày ... tháng ... năm của ...)

TT	Nội dung	Quy định	Theo thực tế
1	Diện tích khu vực kiểm định khí thải	≥ 15m^2 tương ứng với 01 phương tiện đo khí thải	
2	Các thông tin niêm yết theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Có	
3	Khu vực chờ và trả kết quả kiểm định	Có	
4	Khu vực kiểm định	Có	
5	Camera giám sát khu vực kiểm định khí thải	Có	

.... [1].... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Cơ sở kiểm định khí thải/Tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải[2]
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

[1] Cơ sở kiểm định khí thải/Tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải;

[2] Tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải đối với trường hợp kiểm tra, đánh giá cấp mới giấy chứng nhận.

Tổ chức/Cơ sở đăng kiểm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÍCH NGANG NHÂN LỰC CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

TT	Họ và tên	Năm sinh	Số CCCD/ Số Căn cước/ Số hộ chiếu	Chức danh/ chức vụ	Số Chứng chỉ ĐKV	Kỷ luật (Có/Không/ Thời hạn)	Điện thoại	Ghi chú
I. Bộ phận lãnh đạo								
1								
...								
II. Bộ phận kiểm định								
1								
...								
III. Bộ phận văn phòng								
1								
....								

.....ngày.....tháng.....năm.....
TỔ CHỨC/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Tổ chức/Cơ sở đăng kiểm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THIẾT BỊ KIỂM TRA CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

TT	Tên thiết bị	Nhãn hiệu	Số seri	Năm sản xuất	Xuất xứ	Tình trạng[1]	Ghi chú
1							
...							
...							

.....ngày.....tháng.....năm.....
TỔ CHỨC/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

[1] - Chưa qua sử dụng/đã qua sử dụng.

ỦY BAN NHÂN DÂN……	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỞ XÂY DỰNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-------	**----------**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY

Số: …[1]…

Căn cứ [2] ……

Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy số[3] ... ngày ... tháng ... năm;

Căn cứ Biên bản kiểm tra, đánh giá cơ sở kiểm định khí thải số[4] ……, ngày …… tháng …… năm ……

CHỨNG NHẬN

Cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy…[5]…

Địa chỉ[6]: ……

Loại phương tiện xe mô tô, xe gắn máy được kiểm định khí thải[7]:

□ Xe mô tô, xe gắn máy sử dụng động cơ cháy cưỡng bức (động cơ xăng)

Số lượng thiết bị kiểm tra: ……..

□ Xe mô tô, xe gắn máy sử dụng động cơ cháy do nén (động cơ diesel)

Số lượng thiết bị kiểm tra: ……..

Cơ sở kiểm định khí thải có trách nhiệm duy trì cơ sở vật chất kỹ thuật đã được kiểm tra, đánh giá và chứng nhận theo quy định./.

……, ngày …… tháng …… năm ……
……[8]
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Hướng dẫn ghi:

[1] Ghi theo mã số hồ sơ của Phiếu kiểm soát quá trình;

[2] Các căn cứ để cấp giấy chứng nhận;

[3] Số hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận;

[4] Số biên bản đánh giá;

[5] Mã số cơ sở được cấp giấy chứng nhận;

[6] Địa chỉ của cơ sở kiểm định khí thải;

[7] Chỉ ghi các nội dung được chứng nhận;

[8] Chức danh, họ tên của người ký giấy chứng nhận.

2. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy – Mã TTHC: 1.013110

a) Trình tự thực hiện:

**** Bước 1: Nộp hồ sơ***

Cơ sở kiểm định khí thải nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh *(cơ sở 1 tại địa chỉ: Khối nhà cơ quan 4, đường song hành, Quốc lộ tránh 1A, phường Long An, tỉnh Tây Ninh; cơ sở 2 tại địa chỉ: Số 83, đường Phạm Tung, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh)*; hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; hoặc nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến Cổng dịch vụ công quốc gia https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-dich-vu-cong-truc-tuyen.html.

- Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ:

Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: kiểm tra thành phần hồ sơ trong ngày làm việc; nếu chưa đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn cơ sở kiểm định khí thải hoàn thiện hồ sơ

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu chưa đầy đủ theo quy định, lập thông báo cho cơ sở kiểm định khí thải

Trường hợp cấp lại do cơ sở kiểm định khí thải thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: kiểm tra thành phần hồ sơ trong ngày làm việc; nếu chưa đầy đủ theo quy định, hướng dẫn cơ sở kiểm định khí thải hoàn thiện hồ sơ.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho cơ sở kiểm định khí thải.

+ Chuyển hồ sơ đến Sở Xây dựng.

**** Bước 2: Giải quyết hồ sơ***

Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: nếu đầy đủ theo quy định trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, căn cứ hồ sơ lưu trữ Sở Xây dựng thực hiện cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: nếu đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị, căn cứ hồ sơ lưu trữ Sở Xây dựng thực hiện cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

Trường hợp cấp lại do cơ sở kiểm định khí thải thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: nếu đầy đủ theo quy định, thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định. Mã số cơ sở kiểm định khí thải ghi trong giấy chứng nhận đủ điều kiện là mã số được cấp trước đây;

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: nếu đầy đủ theo quy định, thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định. Mã số cơ sở kiểm định khí thải ghi trong giấy chứng nhận đủ điều kiện là mã số được cấp trước đây.

**** Bước 3. Trả kết quả***

- Trung tâm Phục vụ hành chính công đã tiếp nhận hồ sơ thông báo cho người nộp hồ sơ để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan (nếu có).

- Trung tâm Phục vụ hành chính công đã tiếp nhận hồ sơ thực hiện trả kết quả cho người nộp hồ sơ theo hình thức đã đăng ký khi nộp hồ sơ.

- Cơ sở kiểm định khí thải nộp hồ sơ mang theo Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi nhận hồ sơ để được hướng dẫn thực hiện các nghĩa vụ có liên quan (nếu có) và nhận kết quả trực tiếp (hoặc yêu cầu Trung tâm chuyển kết quả qua bưu điện).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-dich-vu-cong-truc-tuyen.html.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ**

STT	Thành phần hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hóa (đánh "X")
I	Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bị mất	
1	Văn bản đề nghị kèm theo bản thông tin về cơ sở kiểm định khí thải;	**x**
II	Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bị hỏng	
1	Văn bản đề nghị kèm theo bản thông tin về cơ sở kiểm định khí thải	**x**
2	Giấy chứng nhận bị hỏng	**x**
III	Trường hợp cấp lại do cơ sở kiểm định khí thải thay đổi thông tin địa giới hành chính ghi trên giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	
1	Văn bản đề nghị kèm theo bản thông tin về cơ sở kiểm định khí thải	x
2	Tài liệu có liên quan đối với trường hợp thay đổi thông tin địa giới hành chính	x
IV	Trường hợp cấp lại do cơ sở kiểm định khí thải thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	
1	Văn bản đề nghị kèm theo bản thông tin về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới	x
2	Bản vẽ bố trí chung của cơ sở kiểm định khí thải thể hiện được vị trí kiểm tra	x
3	Danh sách trích ngang nhân lực	x
4	Danh sách thiết bị kiểm tra	x

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc.

- Kiểm tra, đánh giá thực tế: 10 ngày.

- Cấp Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm.

đ) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng

- Cơ quan phối hợp: không có.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

h) Phí, lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu Văn bản đề nghị;

- Mẫu Danh sách trích ngang;

- Mẫu Danh sách thiết bị;

- Mẫu Giấy chứng nhận chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Cơ sở đăng kiểm là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp hoặc hợp tác xã được thành lập theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

- Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

TÊN TỔ CHỨC THÀNH LẬP CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM [1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:	

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG

□ Kiểm định xe cơ giới □ Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

Kính gửi: ……[2]……

1. Tên tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm/cơ sở đăng kiểm: ……

2. Địa chỉ: ……

3. Số điện thoại: .....Email: .....

4. Đề nghị:

□ Cấp mới

□ Cấp lại

- Số giấy chứng nhận lần gần nhất: .....

- Lý do cấp lại: □ Mất □ Hỏng □ Thay đổi nội dung giấy chứng nhận

□ Kiểm tra, đánh giá lại

- Các nội dung đã khắc phục (theo kết luận tại biên bản kiểm tra, đánh giá điều kiện hoạt động số ....):……

……[1]…… cam kết các thông tin trên là chính xác.

……, ngày …… tháng …… năm ……

Nơi nhận:	**TỔ CHỨC THÀNH LẬP CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM[1]**
- Như kính gửi;	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
- Lưu…	

Hướng dẫn ghi:

[1] Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với trường hợp cấp mới;

[2] Cơ quan thực hiện kiểm tra, đánh giá.

BẢN THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI

(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định ngày ... tháng ... năm của ...)

TT	Nội dung	Quy định	Theo thực tế
1	Diện tích khu vực kiểm định khí thải	≥ 15m^2 tương ứng với 01 phương tiện đo khí thải	
2	Các thông tin niêm yết theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Có	
3	Khu vực chờ và trả kết quả kiểm định	Có	
4	Khu vực kiểm định	Có	
5	Camera giám sát khu vực kiểm định khí thải	Có	

.... [(1)].... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Cơ sở kiểm định khí thải/Tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải[(2)]
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

[(1)] Cơ sở kiểm định khí thải/Tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải;

[(2)] Tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải đối với trường hợp kiểm tra, đánh giá cấp mới giấy chứng nhận.

Tổ chức/Cơ sở đăng kiểm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÍCH NGANG NHÂN LỰC CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

TT	Họ và tên	Năm sinh	Số CCCD/ Số Căn cước/ Số hộ chiếu	Chức danh/ chức vụ	Số Chứng chỉ ĐKV	Kỷ luật (Có/Không/ Thời hạn)	Điện thoại	Ghi chú
I. Bộ phận lãnh đạo								
1								
...								
II. Bộ phận kiểm định								
1								
...								
III. Bộ phận văn phòng								
1								
....								

.....ngày.....tháng.....năm.....
TỔ CHỨC/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Tổ chức/Cơ sở đăng kiểm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THIẾT BỊ KIỂM TRA CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

TT	Tên thiết bị	Nhãn hiệu	Số seri	Năm sản xuất	Xuất xứ	Tình trạng[1]	Ghi chú
1							
...							
...							

.....ngày.....tháng.....năm.....
TỔ CHỨC/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

[1] - Chưa qua sử dụng/đã qua sử dụng.

ỦY BAN NHÂN DÂN……	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỞ XÂY DỰNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-------	**----------**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY

Số: …[1]…

Căn cứ [2] ……

Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy số[3] ... ngày ... tháng ... năm;

Căn cứ Biên bản kiểm tra, đánh giá cơ sở kiểm định khí thải số[4] ……, ngày …… tháng …… năm ……

CHỨNG NHẬN

Cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy…[5]…

Địa chỉ[6]: ……

Loại phương tiện xe mô tô, xe gắn máy được kiểm định khí thải[7]:

□ Xe mô tô, xe gắn máy sử dụng động cơ cháy cưỡng bức (động cơ xăng)

Số lượng thiết bị kiểm tra: ……..

□ Xe mô tô, xe gắn máy sử dụng động cơ cháy do nén (động cơ diesel)

Số lượng thiết bị kiểm tra: ……..

Cơ sở kiểm định khí thải có trách nhiệm duy trì cơ sở vật chất kỹ thuật đã được kiểm tra, đánh giá và chứng nhận theo quy định./.

……, ngày …… tháng …… năm ……
……[8]
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Hướng dẫn ghi:

[1] Ghi theo mã số hồ sơ của Phiếu kiểm soát quá trình;

[2] Các căn cứ để cấp giấy chứng nhận;

[3] Số hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận;

[4] Số biên bản đánh giá;

[5] Mã số cơ sở được cấp giấy chứng nhận;

[6] Địa chỉ của cơ sở kiểm định khí thải;

[7] Chỉ ghi các nội dung được chứng nhận;

[8] Chức danh, họ tên của người ký giấy chứng nhận.

3. Thủ tục Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới – Mã TTHC: 1.001322

a) Trình tự thực hiện:

**** Bước 1: Nộp hồ sơ***

Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới có yêu cầu nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh *(cơ sở 1 tại địa chỉ: Khối nhà cơ quan 4, đường song hành, Quốc lộ tránh 1A, phường Long An, tỉnh Tây Ninh; cơ sở 2 tại địa chỉ: Số 83, đường Phạm Tung, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh)*; hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; hoặc nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến Cổng dịch vụ công quốc gia https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-dich-vu-cong-truc-tuyen.html.

- Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ:

+ Trường hợp nộp trực tiếp: Sở Xây dựng kiểm tra thành phần hồ sơ trong ngày làm việc, nếu chưa đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới hoàn thiện hồ sơ; nếu đầy đủ theo quy định, lập phiếu kiểm soát quá trình kiểm tra, đánh giá, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, trong đó ghi rõ thông tin về lịch kiểm tra, đánh giá thực tế;

+ Trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ, nếu chưa đầy đủ theo quy định, Sở Xây dựng thông báo cho tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; nếu đầy đủ theo quy định, lập phiếu kiểm soát quá trình kiểm tra, đánh giá, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, trong đó ghi rõ thông tin về lịch kiểm tra, đánh giá thực tế.

+ Chuyển hồ sơ đến Sở Xây dựng.

**** Bước 2: Giải quyết hồ sơ***

Việc kiểm tra, đánh giá thực tế được thực hiện trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, cụ thể như sau:

- Sở Xây dựng kiểm tra, đánh giá điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới theo quy định tại Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới và lập biên bản;

- Sở Xây dựng đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam tham gia kiểm tra, đánh giá cơ sở đăng kiểm xe cơ giới theo yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. Nội dung kiểm tra, đánh giá ghi nhận vào biên bản. Khi có tổ chức đánh giá sự phù hợp, việc kiểm tra, đánh giá được thay thế bằng kết quả đánh giá, chứng nhận cơ sở đăng kiểm xe cơ giới phù hợp

với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của tổ chức đánh giá sự phù hợp;

- Tổng hợp kết quả và ghi nhận các nội dung.

- Xử lý kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế

- Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu: Sở Xây dựng thực hiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới;

- Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế không đạt yêu cầu: Sở Xây dựng ghi rõ lý do vào biên bản gửi tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới để khắc phục các nội dung không đạt yêu cầu.

- Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu, Sở Xây dựng cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

- Khắc phục đối với trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu

- Việc khắc phục các nội dung không đạt và việc kiểm tra, đánh giá lại được thực hiện trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có thông báo các nội dung không đạt yêu cầu. Quá thời hạn này, tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thực hiện trình tự, thủ tục lại từ đầu;

- Sau khi khắc phục các nội dung không đạt, tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới gửi văn bản đề nghị kiểm tra, đánh giá lại đến Sở Xây dựng. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở Xây dựng thực hiện từ bước kiểm tra, đánh giá thực tế. Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá lại không đạt yêu cầu, kết luận cơ sở đăng kiểm xe cơ giới không đủ điều kiện hoạt động đồng thời dừng thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

**** Bước 3. Trả kết quả***

- Trung tâm Phục vụ hành chính công đã tiếp nhận hồ sơ thông báo cho người nộp hồ sơ để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan (nếu có).

- Trung tâm Phục vụ hành chính công đã tiếp nhận hồ sơ thực hiện trả kết quả cho người nộp hồ sơ theo hình thức đã đăng ký khi nộp hồ sơ.

- Người nộp hồ sơ mang theo Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi nhận hồ sơ để được hướng dẫn thực hiện các nghĩa vụ có liên quan (nếu có) và nhận kết quả trực tiếp (hoặc yêu cầu Trung tâm chuyển kết quả qua bưu điện).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-dich-vu-cong-truc-tuyen.html.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ**

STT	Thành phần hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hóa (đánh "X")
1	Văn bản đề nghị kèm theo bản thông tin về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới	x
2	Bản vẽ mặt bằng tổng thể, mặt bằng nhà xưởng có bố trí dây chuyền kiểm định thể hiện đầy đủ vị trí kiểm tra, thiết bị kiểm tra, thiết bị hỗ trợ kiểm tra	x
3	Kết quả đánh giá, chứng nhận cơ sở đăng kiểm xe cơ giới phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của tổ chức đánh giá sự phù hợp (thành phần hồ sơ này được áp dụng khi có tổ chức đánh giá sự phù hợp)	x
4	Danh sách trích ngang nhân lực	x
5	Danh sách thiết bị kiểm tra.	x

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc.

- Kiểm tra, đánh giá thực tế: 10 ngày.

- Cấp Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm.

đ) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng

- Cơ quan phối hợp: Cục Đăng kiểm Việt Nam.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

h) Phí, lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu Văn bản đề nghị;

- Mẫu Danh sách trích ngang;

- Mẫu Danh sách thiết bị;

- Mẫu Giấy chứng nhận chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Cơ sở đăng kiểm là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp hoặc hợp tác xã được thành lập theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

- Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

TÊN TỔ CHỨC THÀNH LẬP CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM [1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:	

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG

□ Kiểm định xe cơ giới □ Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

Kính gửi: ……[2]……

1. Tên tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm/cơ sở đăng kiểm: ……

2. Địa chỉ: ……..……

3. Số điện thoại: .....Email: .....

4. Đề nghị:

□ Cấp mới

□ Cấp lại

- Số giấy chứng nhận lần gần nhất: .....

- Lý do cấp lại: □ Mất □ Hỏng □ Thay đổi nội dung giấy chứng nhận

□ Kiểm tra, đánh giá lại

- Các nội dung đã khắc phục (theo kết luận tại biên bản kiểm tra, đánh giá điều kiện hoạt động số ....):……..……

……[1]…… cam kết các thông tin trên là chính xác.

……, ngày …… tháng …… năm ……

Nơi nhận:	**TỔ CHỨC THÀNH LẬP CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM[1]**
- Như kính gửi;	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
- Lưu…	

Hướng dẫn ghi:

[1] Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với trường hợp cấp mới;

[2] Cơ quan thực hiện kiểm tra, đánh giá.

BẢN THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI

(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định ngày ... tháng ... năm của ...)

Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Quy định	Theo thực tế
I. Xưởng kiểm định			
1. Đối với xưởng chỉ có 01 dây chuyền kiểm định:			
Kích thước thông xe tối thiểu (dài x rộng x cao) đối với xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại I (m)	m	30 x 4 x 3,5	
Kích thước thông xe tối thiểu (dài x rộng x cao) đối với xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại II (m)	m	36 x 5 x 4,5	
2. Đối với xưởng nhiều dây chuyền kiểm định			
Khoảng cách giữa tâm hai dây chuyền cạnh nhau			
Dây chuyền số 1 đến dây chuyền số 2:	m	≥ 4	
Dây chuyền số 2 đến dây chuyền số 3:	m	≥ 4	
Dây chuyền số … đến dây chuyền số …:	m	≥ 4	
Khoảng cách từ tâm 2 dây chuyền ngoài cùng đến mặt trong tường bao gần nhất (hoặc tới mép gần nhất công trình cố định) của xưởng kiểm định	m	≥ 2/≥ 2	…../….
Chiều dài, chiều cao của kích thước thông xe tối thiểu đối với các dây chuyền kiểm định loại I	m	30 x 3,5	
Chiều dài, chiều cao của kích thước thông xe tối thiểu đối với các dây chuyền kiểm định loại II	m	36 x 4,5	
II. Yêu cầu chung			
Khu vực dành cho xe chờ vào kiểm định và xe chờ cấp kết quả kiểm định		Có	
Chiều rộng mặt đường nội bộ	m	≥ 3	
Nhà văn phòng		Có	
Khoảng cách giữa cơ sở đăng kiểm xe cơ giới với cơ sở giáo dục phổ thông, bệnh viện	m	≥ 50	

....[1].... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Cơ sở đăng kiểm/Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm[2]
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

[1] Cơ sở đăng kiểm/Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm.

[2] Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với trường hợp đề nghị kiểm tra, đánh giá cấp mới giấy chứng nhận.

Tổ chức/Cơ sở đăng kiểm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÍCH NGANG NHÂN LỰC CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

TT	Họ và tên	Năm sinh	Số CCCD/ Số Căn cước/ Số hộ chiếu	Chức danh/ chức vụ	Số Chứng chỉ ĐKV	Kỷ luật (Có/Không/ Thời hạn)	Điện thoại	Ghi chú
I. Bộ phận lãnh đạo								
1								
...								
II. Bộ phận kiểm định								
1								
...								
III. Bộ phận văn phòng								
1								
....								

.....ngày.....tháng.....năm.....
TỔ CHỨC/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Tổ chức/Cơ sở đăng kiểm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THIẾT BỊ KIỂM TRA CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

TT	Tên thiết bị	Nhãn hiệu	Số seri	Năm sản xuất	Xuất xứ	Tình trạng[1]	Ghi chú
1							
...							
...							

.....ngày.....tháng.....năm.....
TỔ CHỨC/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

[1] - Chưa qua sử dụng/đã qua sử dụng.

ỦY BAN NHÂN DÂN……
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO TIẾP NHẬN HỒ SƠ

Mã số hồ sơ[(1)]: ……

Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm/cơ sở đăng kiểm: ……..

Địa chỉ: ……..

Số điện thoại: ……. Email: ……...

Người liên hệ: …….. Số điện thoại: …….

TT	Thành phần hồ sơ	
1	Văn bản đề nghị	□
2	Bản vẽ bố trí chung	□
3	Kết quả đánh giá, chứng nhận cơ sở đăng kiểm xe cơ giới phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của Tổ chức đánh giá sự phù hợp[(2)]	□
4	Danh sách trích ngang nhân lực	□
5	Danh sách thiết bị kiểm tra	□
6	Tài liệu khác (nếu có):	□

Hồ sơ đề nghị của …[(3)]… đã đầy đủ và được tiếp nhận theo quy định. Lịch kiểm tra, đánh giá dự kiến vào ngày …Sở Giao thông vận tải thông báo để …[(3)]… được rõ để lên kế hoạch chuẩn bị.

…… ngày … tháng… năm…
Người lập thông báo
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu hồ sơ.

Hướng dẫn ghi:

(1) Ghi theo mã số hồ sơ của Phiếu kiểm soát quá trình;

(2) Thành phần hồ sơ này được áp dụng khi có tổ chức đánh giá sự phù hợp đối với cơ sở đăng kiểm xe cơ giới;

(3) Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm/Cơ sở đăng kiểm.

ỦY BAN NHÂN DÂN……	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỞ XÂY DỰNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-------	**----------**

THÔNG BÁO

V/v từ chối tiếp nhận hồ sơ

Kính gửi: ……[(1)]……

I. Loại hồ sơ:

1. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới:

□ Cấp mới □ Cấp lại

2. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy:

□ Cấp mới □ Cấp lại

II. Lý do từ chối: hồ sơ không đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 46/2024/TT- BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

III. Các tài liệu còn thiếu:

……..……..……..…

……..……..……..…

……..……..……..…

…..... ngày ... tháng... năm….

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- …;
- Lưu…

Người lập thông báo
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn ghi:

(1) Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm/cơ sở đăng kiểm.

SỞ XÂY DỰNG... **Mã số hồ sơ: ...** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

BIÊN BẢN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI

Căn cứ ……[(1)]……

Hôm nay, ngày …… tháng …… năm ……, tại …[(2)] …, Đoàn kiểm tra, đánh giá gồm các thành viên sau:

……

……

đã thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá cơ sở đăng kiểm xe cơ giới …[(3)] … và kết luận như sau:

I. Kết quả kiểm tra, đánh giá theo các quy định tại Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới *(ghi nhận theo Biên bản kiểm tra, đánh giá điều kiện chung, cơ cấu tổ chức, nhân lực, hệ thống quản lý chất lượng):*

.....

.....

II. Kết quả kiểm tra, đánh giá cơ sở đăng kiểm xe cơ giới phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy [(4)]:

.....

.....

III. Các nội dung khác (nếu có)

.....

IV. Kết luận

□ Cơ sở đăng kiểm được đánh giá đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

Các loại phương tiện được kiểm định

□ Cơ sở đăng kiểm được đánh giá không đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

Lý do:

Biên bản đã được thông qua và lập thành 03 bản có giá trị như nhau, 01 bản lưu tại cơ sở đăng kiểm (hoặc Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm), 01 bản lưu tại Cục Đăng kiểm Việt Nam và 01 bản lưu tại Sở Giao thông vận tải./.

Cơ sở đăng kiểm/Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	**Trưởng Đoàn kiểm tra, đánh giá** *(Ký, ghi rõ họ và tên)*

Các thành viên Đoàn kiểm tra, đánh giá
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Hướng dẫn ghi:

[(1)] Các căn cứ để lập biên bản;

[(2)] Địa chỉ cơ sở được đánh giá;

[(3)] Đối với trường hợp kiểm tra, đánh giá cấp mới giấy chứng nhận thì ghi tên tổ chức thành lập; đối với kiểm tra, đánh giá cấp lại giấy chứng nhận thì ghi mã số của cơ sở đăng kiểm;

[(4)] Ghi nhận kết quả kiểm tra, đánh giá của Tổ chức đánh giá sự phù hợp hoặc các biên bản kiểm tra, đánh giá của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

ỦY BAN NHÂN DÂN……	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỞ XÂY DỰNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-------	**----------**

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI

Số: ……(1)……

Căn cứ [(2)]……

Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới số[(3)] … ngày … tháng … năm

Căn cứ Biên bản kiểm tra, đánh giá điều kiện hoạt động của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới số[(4)]……,ngày …… tháng …… năm ……

CHỨNG NHẬN

Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới... [(5)]...

Địa chỉ: …….

Số lượng dây chuyền kiểm định: ……..……

- Dây chuyền số ... Dây chuyền kiểm định loại …

- Dây chuyền số ... Dây chuyền kiểm định loại …

……

Loại phương tiện xe cơ giới được kiểm định[(6)]: ……...

Loại phương tiện xe mô tô, xe gắn máy được kiểm định khí thải[(6)]: ……

Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới có trách nhiệm duy trì các nội dung đã được kiểm tra, đánh giá và chứng nhận./.

……, ngày …… tháng …… năm ……
……[(7)]
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Hướng dẫn ghi:

(1) Ghi theo mã số hồ sơ của Phiếu kiểm soát quá trình;

(2) Các căn cứ để cấp giấy chứng nhận;

(3) Số hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận;

(4) Số biên bản kiểm tra, đánh giá;

(5) Mã số cơ sở đăng kiểm được cấp giấy chứng nhận;

(6) Phương tiện được kiểm định: ghi đặc trưng của phương tiện mà cơ sở đăng kiểm được thực hiện kiểm định (xe cơ giới; xe mô tô, xe gắn máy - ghi rõ loại động cơ). Chỉ ghi nội dung được chứng nhận;

(7) Chức vụ, họ và tên của người ký giấy chứng nhận.

4. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới – Mã TTHC: 1.001296

a) Trình tự thực hiện:

**** Bước 1: Nộp hồ sơ***

Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh *(cơ sở 1 tại địa chỉ: Khối nhà cơ quan 4, đường song hành, Quốc lộ tránh 1A, phường Long An, tỉnh Tây Ninh; cơ sở 2 tại địa chỉ: Số 83, đường Phạm Tung, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh)*; hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; hoặc nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến Cổng dịch vụ công quốc gia https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-dich-vu-cong-truc-tuyen.html.

- Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Sở Xây dựng kiểm tra thành phần hồ sơ trong ngày làm việc, nếu chưa đầy đủ theo quy định, hướng dẫn cơ sở đăng kiểm xe cơ giới hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, thực hiện theo trình tự, thủ tục như cấp mới. Mã số cơ sở đăng kiểm ghi trong giấy chứng nhận đủ điều kiện là mã số được cấp trước đây;

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ, Sở Xây dựng kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu chưa đầy đủ theo quy định, thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này cho cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; nếu đầy đủ theo quy định, thực hiện theo trình tự, thủ tục như cấp mới. Mã số cơ sở đăng kiểm ghi trong giấy chứng nhận đủ điều kiện là mã số được cấp trước đây.

+ Chuyển hồ sơ đến Sở Xây dựng.

**** Bước 2: Giải quyết hồ sơ***

+ Trường hợp Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới do Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính; cơ sở đăng kiểm xe cơ giới giảm số lượng dây chuyền kiểm định so với nội dung đã được chứng nhận nhưng các dây chuyền kiểm định còn lại vẫn đảm bảo điều kiện hoạt động:

+Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Sở Xây dựng kiểm tra thành phần hồ sơ trong ngày làm việc, nếu chưa đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn cơ sở đăng kiểm xe cơ giới hoàn thiện hồ sơ; nếu đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, căn cứ hồ sơ lưu trữ, Sở Xây dựng thực hiện cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới;

+Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ, Sở

Xây dựng kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; nếu đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị, căn cứ hồ sơ lưu trữ, Sở Xây dựng thực hiện cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

+ Trường hợp cấp lại do cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng dây chuyền kiểm định; thay đổi loại dây chuyền kiểm định; thay đổi thiết bị kiểm tra làm thay đổi loại phương tiện được kiểm định; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới:

**** Bước 3. Trả kết quả***

- Trung tâm Phục vụ hành chính công đã tiếp nhận hồ sơ thông báo cho người nộp hồ sơ để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan (nếu có).

- Trung tâm Phục vụ hành chính công đã tiếp nhận hồ sơ thực hiện trả kết quả cho người nộp hồ sơ theo hình thức đã đăng ký khi nộp hồ sơ.

- Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới nộp hồ sơ mang theo Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi nhận hồ sơ để được hướng dẫn thực hiện các nghĩa vụ có liên quan (nếu có) và nhận kết quả trực tiếp (hoặc yêu cầu Trung tâm chuyển kết quả qua bưu điện).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-dich-vu-cong-truc-tuyen.html.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ**

STT	Thành phần hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hóa (đánh "X")
I	Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới bị mất hoặc cơ sở đăng kiểm xe cơ giới giảm số lượng dây chuyền kiểm định so với nội dung đã được chứng nhận nhưng các dây chuyền kiểm định còn lại vẫn đảm bảo điều kiện hoạt động	
1	Văn bản đề nghị kèm theo bản thông tin về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới	**x**
II	Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới bị hỏng	
1	Văn bản đề nghị kèm theo bản thông tin về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới	**x**

2	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới bị hỏng	**x**
III	Trường hợp thay đổi thông tin địa giới hành chính ghi trên giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	
1	Văn bản đề nghị kèm theo bản thông tin về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới	x
2	Tài liệu có liên quan đối với trường hợp thay đổi thông tin địa giới hành chính	x
IV	Trường hợp do cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng dây chuyền kiểm định; thay đổi loại dây chuyền kiểm định; thay đổi thiết bị kiểm tra làm thay đổi loại phương tiện được kiểm định; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	
1	Văn bản đề nghị kèm theo bản thông tin về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới	x
2	Bản vẽ mặt bằng tổng thể, mặt bằng nhà xưởng có bố trí dây chuyền kiểm định thể hiện đầy đủ vị trí kiểm tra, thiết bị kiểm tra, thiết bị hỗ trợ kiểm tra	x
3	Kết quả đánh giá, chứng nhận cơ sở đăng kiểm xe cơ giới phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của tổ chức đánh giá sự phù hợp (thành phần hồ sơ này được áp dụng khi có tổ chức đánh giá sự phù hợp)	x
4	Danh sách trích ngang nhân lực	x
5	Danh sách thiết bị kiểm tra	x

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc.

- Kiểm tra, đánh giá thực tế: 10 ngày.

- Cấp Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm.

đ) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng

- Cơ quan phối hợp: Cục Đăng kiểm Việt Nam.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

h) Phí, lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu Văn bản đề nghị;

- Mẫu Danh sách trích ngang;

- Mẫu Danh sách thiết bị;

- Mẫu Giấy chứng nhận chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Cơ sở đăng kiểm là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp hoặc hợp tác xã được thành lập theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

- Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

TÊN TỔ CHỨC THÀNH LẬP CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM [1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:	

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG

□ Kiểm định xe cơ giới □ Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

Kính gửi: ……[2]……

1. Tên tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm/cơ sở đăng kiểm: ……

2. Địa chỉ: ……

3. Số điện thoại: .....Email: .....

4. Đề nghị:

□ Cấp mới

□ Cấp lại

- Số giấy chứng nhận lần gần nhất: .....

- Lý do cấp lại: □ Mất □ Hỏng □ Thay đổi nội dung giấy chứng nhận

□ Kiểm tra, đánh giá lại

- Các nội dung đã khắc phục (theo kết luận tại biên bản kiểm tra, đánh giá điều kiện hoạt động số ....):……

……[1]…… cam kết các thông tin trên là chính xác.

……, ngày …… tháng …… năm ……

TỔ CHỨC THÀNH LẬP CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM[1]

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu…

Hướng dẫn ghi:

[1] Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với trường hợp cấp mới;

[2] Cơ quan thực hiện kiểm tra, đánh giá.

BẢN THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI

(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định ngày ... tháng ... năm của ...)

Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Quy định	Theo thực tế
I. Xưởng kiểm định			
1. Đối với xưởng chỉ có 01 dây chuyền kiểm định:			
Kích thước thông xe tối thiểu (dài x rộng x cao) đối với xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại I (m)	m	30 x 4 x 3,5	
Kích thước thông xe tối thiểu (dài x rộng x cao) đối với xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại II (m)	m	36 x 5 x 4,5	
2. Đối với xưởng nhiều dây chuyền kiểm định			
Khoảng cách giữa tâm hai dây chuyền cạnh nhau			
Dây chuyền số 1 đến dây chuyền số 2:	m	≥ 4	
Dây chuyền số 2 đến dây chuyền số 3:	m	≥ 4	
Dây chuyền số … đến dây chuyền số …:	m	≥ 4	
Khoảng cách từ tâm 2 dây chuyền ngoài cùng đến mặt trong tường bao gần nhất (hoặc tới mép gần nhất công trình cố định) của xưởng kiểm định	m	≥ 2/≥ 2	…../….
Chiều dài, chiều cao của kích thước thông xe tối thiểu đối với các dây chuyền kiểm định loại I	m	30 x 3,5	
Chiều dài, chiều cao của kích thước thông xe tối thiểu đối với các dây chuyền kiểm định loại II	m	36 x 4,5	
II. Yêu cầu chung			
Khu vực dành cho xe chờ vào kiểm định và xe chờ cấp kết quả kiểm định		Có	
Chiều rộng mặt đường nội bộ	m	≥ 3	
Nhà văn phòng		Có	
Khoảng cách giữa cơ sở đăng kiểm xe cơ giới với cơ sở giáo dục phổ thông, bệnh viện	m	≥ 50	

....[(1)].... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Cơ sở đăng kiểm/Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm[(2)]
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

[(1)] Cơ sở đăng kiểm/Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm.

[(2)] Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với trường hợp đề nghị kiểm tra, đánh giá cấp mới giấy chứng nhận.

Tổ chức/Cơ sở đăng kiểm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÍCH NGANG NHÂN LỰC CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

TT	Họ và tên	Năm sinh	Số CCCD/ Số Căn cước/ Số hộ chiếu	Chức danh/ chức vụ	Số Chứng chỉ ĐKV	Kỷ luật (Có/Không/ Thời hạn)	Điện thoại	Ghi chú
I. Bộ phận lãnh đạo								
1								
...								
II. Bộ phận kiểm định								
1								
...								
III. Bộ phận văn phòng								
1								
....								

.....ngày.....tháng.....năm.....
TỔ CHỨC/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Tổ chức/Cơ sở đăng kiểm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THIẾT BỊ KIỂM TRA CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

TT	Tên thiết bị	Nhãn hiệu	Số seri	Năm sản xuất	Xuất xứ	Tình trạng[1]	Ghi chú
1							
...							
...							

.....ngày.....tháng.....năm.....
TỔ CHỨC/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

[1] - Chưa qua sử dụng/đã qua sử dụng.

ỦY BAN NHÂN DÂN……	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỞ XÂY DỰNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-------	**----------**

THÔNG BÁO TIẾP NHẬN HỒ SƠ

Mã số hồ sơ[(1)]: ……

Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm/cơ sở đăng kiểm: ……..

Địa chỉ: ……..

Số điện thoại: ……. Email: ……...

Người liên hệ: …….. Số điện thoại: …….

TT	Thành phần hồ sơ	
1	Văn bản đề nghị	□
2	Bản vẽ bố trí chung	□
3	Kết quả đánh giá, chứng nhận cơ sở đăng kiểm xe cơ giới phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của Tổ chức đánh giá sự phù hợp[(2)]	□
4	Danh sách trích ngang nhân lực	□
5	Danh sách thiết bị kiểm tra	□
6	Tài liệu khác (nếu có):	□

Hồ sơ đề nghị của …[(3)]… đã đầy đủ và được tiếp nhận theo quy định. Lịch kiểm tra, đánh giá dự kiến vào ngày …Sở Giao thông vận tải thông báo để …[(3)]… được rõ để lên kế hoạch chuẩn bị.

…… ngày … tháng… năm…

Người lập thông báo

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu hồ sơ.

Hướng dẫn ghi:

(1) Ghi theo mã số hồ sơ của Phiếu kiểm soát quá trình;

(2) Thành phần hồ sơ này được áp dụng khi có tổ chức đánh giá sự phù hợp đối với cơ sở đăng kiểm xe cơ giới;

(3) Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm/Cơ sở đăng kiểm.

ỦY BAN NHÂN DÂN……	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỞ XÂY DỰNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-------	**----------**

THÔNG BÁO

V/v từ chối tiếp nhận hồ sơ

Kính gửi: ……[(1)]……

I. Loại hồ sơ:

1. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới:

□ Cấp mới □ Cấp lại

2. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy:

□ Cấp mới □ Cấp lại

II. Lý do từ chối: hồ sơ không đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 46/2024/TT- BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

III. Các tài liệu còn thiếu:

……..……..……..…

……..……..……..…

……..……..……..…

…..... ngày ... tháng... năm….

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- …;
- Lưu…

Người lập thông báo
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn ghi:

(1) Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm/cơ sở đăng kiểm.

SỞ XÂY DỰNG... **Mã số hồ sơ: ...** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

BIÊN BẢN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI

Căn cứ ……[(1)]……

Hôm nay, ngày …… tháng …… năm ……, tại …[(2)] …, Đoàn kiểm tra, đánh giá gồm các thành viên sau:

……

……

đã thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá cơ sở đăng kiểm xe cơ giới …[(3)] … và kết luận như sau:

I. Kết quả kiểm tra, đánh giá theo các quy định tại Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới *(ghi nhận theo Biên bản kiểm tra, đánh giá điều kiện chung, cơ cấu tổ chức, nhân lực, hệ thống quản lý chất lượng):*

.....

.....

II. Kết quả kiểm tra, đánh giá cơ sở đăng kiểm xe cơ giới phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy [(4)]:

.....

.....

III. Các nội dung khác (nếu có)

.....

IV. Kết luận

□ Cơ sở đăng kiểm được đánh giá đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

Các loại phương tiện được kiểm định

□ Cơ sở đăng kiểm được đánh giá không đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

Lý do:

Biên bản đã được thông qua và lập thành 03 bản có giá trị như nhau, 01 bản lưu tại cơ sở đăng kiểm (hoặc Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm), 01 bản lưu tại Cục Đăng kiểm Việt Nam và 01 bản lưu tại Sở Giao thông vận tải./.

Cơ sở đăng kiểm/Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	**Trưởng Đoàn kiểm tra, đánh giá** *(Ký, ghi rõ họ và tên)*

Các thành viên Đoàn kiểm tra, đánh giá
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Hướng dẫn ghi:

[(1)] Các căn cứ để lập biên bản;

[(2)] Địa chỉ cơ sở được đánh giá;

[(3)] Đối với trường hợp kiểm tra, đánh giá cấp mới giấy chứng nhận thì ghi tên tổ chức thành lập; đối với kiểm tra, đánh giá cấp lại giấy chứng nhận thì ghi mã số của cơ sở đăng kiểm;

[(4)] Ghi nhận kết quả kiểm tra, đánh giá của Tổ chức đánh giá sự phù hợp hoặc các biên bản kiểm tra, đánh giá của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

ỦY BAN NHÂN DÂN……	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỞ XÂY DỰNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-------	**----------**

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI

Số: ……(1)……

Căn cứ [(2)]……

Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới số[(3)] … ngày … tháng … năm

Căn cứ Biên bản kiểm tra, đánh giá điều kiện hoạt động của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới số[(4)]……,ngày …… tháng …… năm ……

CHỨNG NHẬN

Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới... [(5)]...

Địa chỉ: …….

Số lượng dây chuyền kiểm định: ……..……

- Dây chuyền số ... Dây chuyền kiểm định loại …

- Dây chuyền số ... Dây chuyền kiểm định loại …

……

Loại phương tiện xe cơ giới được kiểm định[(6)]: ……...

Loại phương tiện xe mô tô, xe gắn máy được kiểm định khí thải[(6)]: ……

Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới có trách nhiệm duy trì các nội dung đã được kiểm tra, đánh giá và chứng nhận./.

……, ngày …… tháng …… năm ……
……[(7)]
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Hướng dẫn ghi:

(1) Ghi theo mã số hồ sơ của Phiếu kiểm soát quá trình;

(2) Các căn cứ để cấp giấy chứng nhận;

(3) Số hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận;

(4) Số biên bản kiểm tra, đánh giá;

(5) Mã số cơ sở đăng kiểm được cấp giấy chứng nhận;

(6) Phương tiện được kiểm định: ghi đặc trưng của phương tiện mà cơ sở đăng kiểm được thực hiện kiểm định (xe cơ giới; xe mô tô, xe gắn máy - ghi rõ loại động cơ). Chỉ ghi nội dung được chứng nhận;

(7) Chức vụ, họ và tên của người ký giấy chứng nhận.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM THỰC HIỆN

5. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu – mã TTHC: 1.013089

a) Trình tự thực hiện:

**** Nộp hồ sơ TTHC***:

- Chủ xe nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại cơ sở đăng kiểm hoặc qua hệ thống trực tuyến tại địa chỉ: https://mienkd.vr.org.vn.

**** Giải quyết TTHC***:

- Cơ sở đăng kiểm thực hiện kiểm tra hồ sơ như sau:

+ Trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp: nếu không đầy đủ thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện hồ sơ; nếu xe thuộc trường hợp bị từ chối kiểm định theo quy định của Nghị định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới (sau đây gọi là xe bị từ chối kiểm định) hoặc đã được cấp miễn kiểm định lần đầu, thông báo gửi trực tiếp cho chủ xe. Nếu hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định và xe chưa được cấp miễn kiểm định lần đầu, lập phiếu kiểm soát kiểm định.

+ Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống trực tuyến: cơ sở đăng kiểm thực hiện như với trường hợp nhận trực tiếp nhưng trên hệ thống trực tuyến.

- Cơ sở đăng kiểm lập phiếu hồ sơ phương tiện.

- Cơ sở đăng kiểm cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định trong 04 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp xe chỉ có giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe, cơ sở đăng kiểm cấp tem kiểm định và giấy hẹn trả giấy chứng nhận kiểm định cho chủ xe và chỉ thực hiện cấp giấy chứng nhận kiểm định sau khi chủ xe xuất trình giấy tờ về đăng ký xe.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp hoặc qua hệ thống trực tuyến tại địa chỉ: https://mienkd.vr.org.vn.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

+ Giấy tờ phải nộp

+ Bản chà số khung, số động cơ của xe;

+ Bản sao phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước).

Giấy tờ phải xuất trình

+ Trong trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật mà dữ liệu về đăng ký xe từ cơ quan đăng ký xe chưa chia sẻ được thì chủ xe phải xuất trình giấy tờ về đăng ký xe hoặc bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe.

+ Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính) đối với: thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000 (kg) trở lên; thiết bị nâng người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m); xi téc chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong 04 giờ làm việc kể từ khi tiếp nhận đủ hồ sơ theo quy định.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

đ) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định..

h) Phí, lệ phí: Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá;

- Mẫu Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đối tượng miễn kiểm định lần đầu là xe chưa qua sử dụng có năm sản xuất đến năm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận kiểm định dưới 02 năm (năm sản xuất cộng 01 năm) và không bao gồm: xe đã cải tạo; xe không có trong cơ sở dữ liệu xe sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

- Không áp dụng với đối tượng xe mô tô, xe gắn máy.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

- Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ) **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

Số:.....

THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Về nội dung: □ Tiếp nhận hồ sơ □ Kiểm tra, đánh giá hồ sơ

□ Kiểm tra, đánh giá xe □ Kiểm định xe

Kính gửi chủ xe: ……..…….

I. Thông tin về hồ sơ/phương tiện[(1)]:

……..……..……

….……..……..……

……..……..……

II. Nội dung đề nghị bổ sung, khắc phục/Nội dung không đạt[(2)]:

……..……..……

….……..……..……

……..……..……

III. Thông tin khác: [(3)]:

……..……..…….….

……..……..……..……

IV. Kết quả kiểm tra, đánh giá: □ Đạt yêu cầu □ Không đạt yêu cầu

1. Thời gian trả kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ:.....

2. Thời gian, địa điểm kiểm tra, đánh giá xe cải tạo:.....

……

Cơ sở đăng kiểm ..... thông báo để chủ xe ..... được biết và phối hợp thực hiện.

……, ngày …. tháng ... năm ...

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu …

Đại diện cơ sở đăng kiểm
(ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

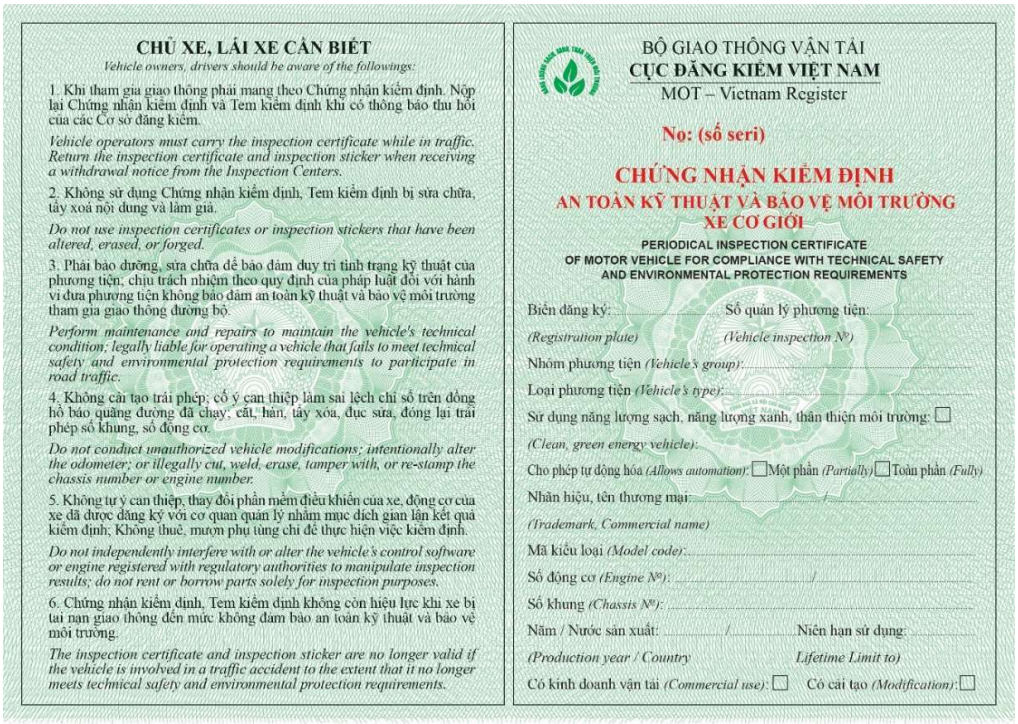
(1) Ghi biển số hoặc số khung trong trường hợp kiểm định; ghi ký hiệu thiết kế trong trường hợp cải tạo;

(2) Ghi rõ nội dung, hạng mục kiểm định hoặc kiểm tra, đánh giá hồ sơ không đạt;

(3) Ghi trường hợp xe bị từ chối kiểm định, xe đã được miễn kiểm định lần đầu, điều kiện đường thử phanh không đáp ứng.

Mẫu số 01. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định màu xanh lá cây dùng cho xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường

1. Mẫu Giấy chứng nhận kiểm định



CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm.

Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.

2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xoá nội dung và làm giả.

Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.

3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.

Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.

4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ.

Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.

5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định.

Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.

6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MOT – Vietnam Register

No: (số seri)

CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI
PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

Biển đăng ký: ..... Số quản lý phương tiện: .....
(Registration plate) *(Vehicle inspection Nº)*
Nhóm phương tiện *(Vehicle's group)*: .....
Loại phương tiện *(Vehicle's type)*: .....
Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường: ☐
(Clean, green energy vehicle):
Cho phép tự động hóa *(Allows automation)*: ☐ Một phần *(Partially)* ☐ Toàn phần *(Fully)*
Nhãn hiệu, tên thương mại: ..... / .....
(Trademark, Commercial name)
Mã kiểu loại *(Model code)*: .....
Số động cơ *(Engine Nº)*: ..... / .....
Số khung *(Chassis Nº)*: .....
Năm / Nước sản xuất: ..... / ..... Niên hạn sử dụng: .....
(Production year / Country *Lifetime Limit to)*
Có kinh doanh vận tải *(Commercial use)*: ☐ Có cải tạo *(Modification)*: ☐

THÔNG SỐ KỸ THUẬT *(SPECIFICATIONS)*

Công thức bánh xe: ..... Vết bánh xe: ..... / ..... (mm)
(Wheel formula) *(Wheel tread)*
Kích thước bao *(Overall dimensions)*: ..... (mm)
Kích thước lòng/bao thùng xe/bao ngoài xi téc: ..... (mm)
(Inside/outside dimensions of cargo deck/outside dimensions of tank)
Khoảng cách trục (Wheel base): ..... (mm)
Khối lượng bản thân (Kerb mass): ..... (kg)
Khối lượng hàng CC theo TK/CP LN: ..... / ..... (kg)
(Design/Authorized cargo pay mass)
Khối lượng kéo theo TK/CP LN: ..... / ..... (kg)
(Design/Authorized towed mass)
Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: ..... / ..... (kg)
(Design/Authorized total mass)
Số người cho phép chở: chỗ ngồi: ..... chỗ đứng: ..... chỗ nằm: .....
(Không bao gồm người lái)
(Permissible Nº of pers carried, not include driver: seating ,standing ,lying)
Loại động cơ đốt trong *(Engine type)*: .....
Ký hiệu: ..... Thể tích làm việc: ..... (cm^3)
(Engine model) *(Engine displacement)*
- Công suất lớn nhất/tốc độ quay *(Max output/rpm)*: ..... (kW/rpm)
- Loại nhiên liệu *(Fuel)*: .....
Loại động cơ điện *(Motor type)*: .....
- Số lượng, ký hiệu động cơ điện: .....
(Number of motors, motor model)
- Điện áp/ Tổng công suất của động cơ điện: ..... (V/kW)
(Voltage/ Total rated power of motor)
- Loại ắc quy/điện áp-dung lượng: ..... (V-kWh)
(Type of battery/voltage-capacity)
No: (số seri)

Số lượng lốp/cỡ lốp/trục *(The number of tires / tire size / axle)*:

..... ngày ..... tháng ..... năm .....
(Issued on: Day/Month/Year)
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(INSPECTION CENTER)

Số phiếu kiểm định
(Inspection report Nº)

Có hiệu lực đến hết ngày *(Valid until)*: .....

Vị trí in ảnh tổng thể xe cơ giới khi vào kiểm định (kích thước 80 mm x 60 mm); đối với xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ: "Xe thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu"
(Image Position of Vehicle)

Có lắp thiết bị giám sát hành trình *(Equipped with tachograph)* ☐
Có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe *(Equipped with camera)* ☐
PT không được cấp Tem kiểm định *(Vehicle not issued with inspection stamp)* ☐
Ghi chú *(Notes)*: (1)

xxxxxxxx (2)

Chú thích:

(1): Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);

(2): Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.

2. Mẫu Tem kiểm định



Chú thích:

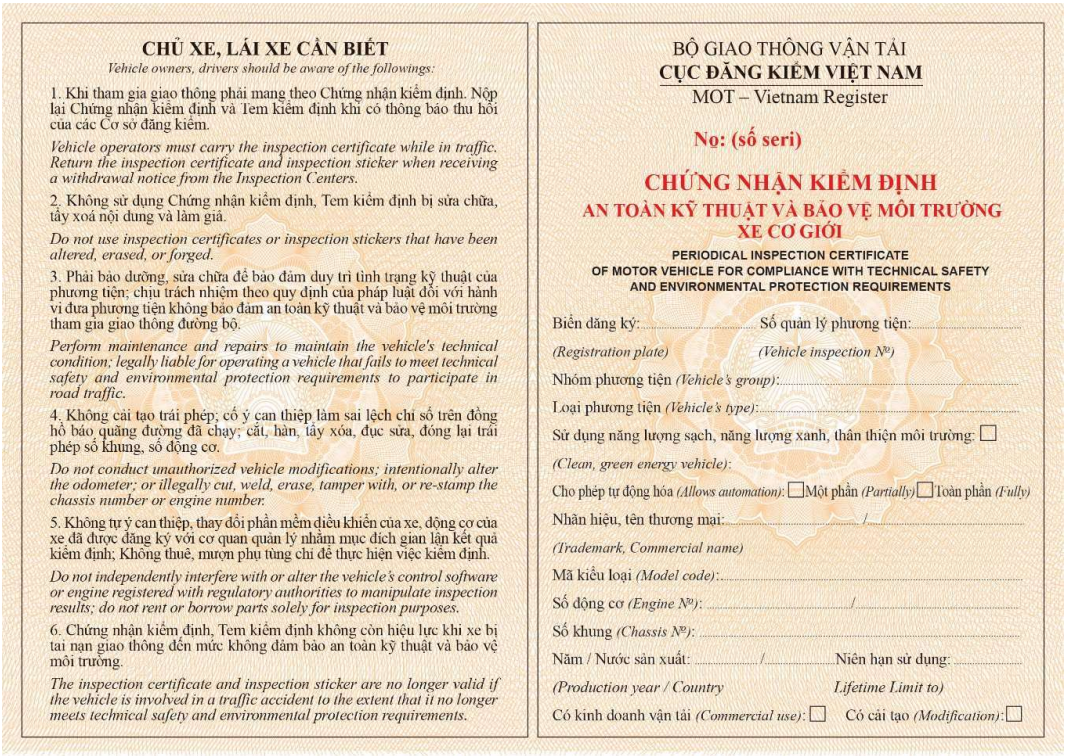
(1): In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;

(2): In biển số xe được cấp tem kiểm định;

(3): In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

Mẫu số 02. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định màu vàng cam dùng cho các xe cơ giới khác

1. Mẫu Giấy chứng nhận



CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm.

Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.

2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xoá nội dung và làm giả.

Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.

3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.

Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.

4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ.

Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.

5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định.

Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.

6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

MOT – Vietnam Register

No: (số seri)

CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

Biển đăng ký: ..... Số quản lý phương tiện: .....

(Registration plate) *(Vehicle inspection No)*

Nhóm phương tiện *(Vehicle's group)*: .....

Loại phương tiện *(Vehicle's type)*: .....

Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường: ☐

(Clean, green energy vehicle):

Cho phép tự động hóa *(Allows automation)*: ☐Một phần *(Partially)* ☐Toàn phần *(Fully)*

Nhãn hiệu, tên thương mại: ..... / .....

(Trademark, Commercial name)

Mã kiểu loại *(Model code)*: .....

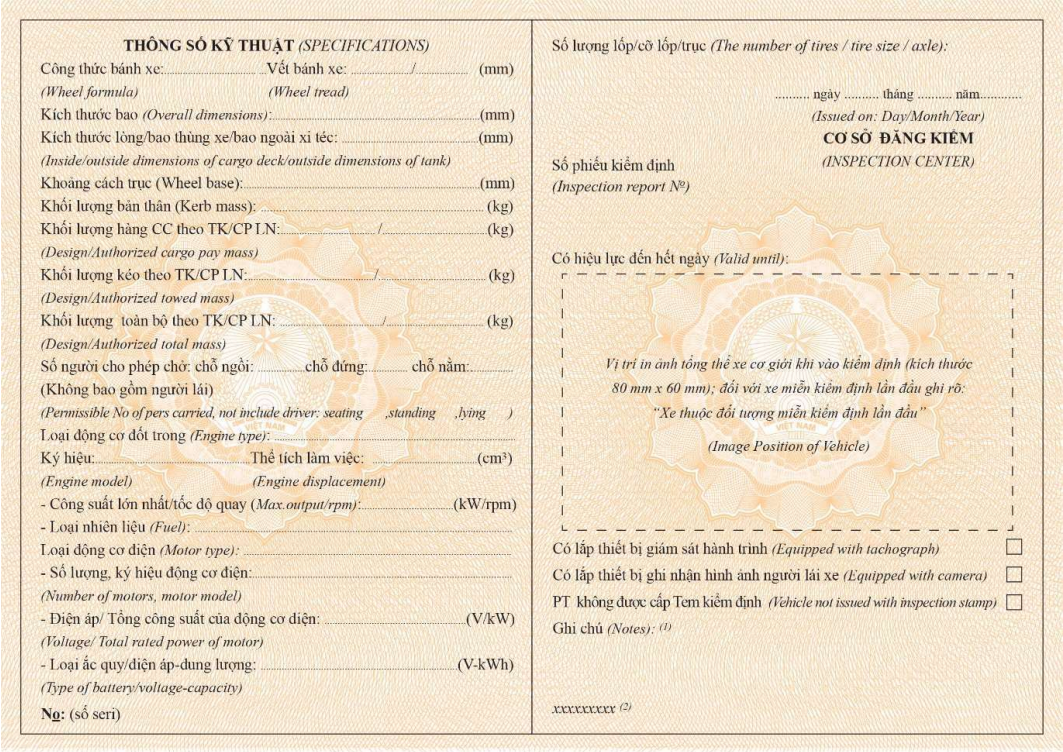
Số động cơ *(Engine No)*: ..... / .....

Số khung *(Chassis No)*: .....

Năm / Nước sản xuất: ..... / ..... Niên hạn sử dụng: .....

(Production year / Country *Lifetime Limit to)*

Có kinh doanh vận tải *(Commercial use)*: ☐ Có cải tạo *(Modification)*: ☐



THÔNG SỐ KỸ THUẬT *(SPECIFICATIONS)*

Công thức bánh xe:..... Vết bánh xe: ...../..... (mm)
(Wheel formula) *(Wheel tread)*
Kích thước bao *(Overall dimensions)*:.....(mm)
Kích thước lòng/bao thùng xe/bao ngoài xi téc: .....(mm)
(Inside/outside dimensions of cargo deck/outside dimensions of tank)
Khoảng cách trục (Wheel base):.....(mm)
Khối lượng bản thân (Kerb mass): ..... (kg)
Khối lượng hàng CC theo TK/CP I.N:...../.....(kg)
(Design/Authorized cargo pay mass)
Khối lượng kéo theo TK/CP I.N:...../.....(kg)
(Design/Authorized towed mass)
Khối lượng toàn bộ theo TK/CP I.N: ...../..... (kg)
(Design/Authorized total mass)
Số người cho phép chở: chỗ ngồi: .....chỗ đứng:..... chỗ nằm:.....
(Không bao gồm người lái)
(Permissible No of pers carried, not include driver: seating ,standing ,lying)
Loại động cơ đốt trong *(Engine type)*: .....
Ký hiệu:.....Thể tích làm việc: .....(cm^3)
(Engine model) *(Engine displacement)*
- Công suất lớn nhất/tốc độ quay (*Max.output/rpm*):.....(kW/rpm)
- Loại nhiên liệu *(Fuel)*: .....
Loại động cơ điện *(Motor type)*: .....
- Số lượng, ký hiệu động cơ điện:.....
(Number of motors, motor model)
- Điện áp/ Tổng công suất của động cơ điện: .....(V/kW)
(Voltage/ Total rated power of motor)
- Loại ắc quy/điện áp-dung lượng: .....(V-kWh)
(Type of battery/voltage-capacity)
No: (số seri)

Số lượng lốp/cỡ lốp/trục *(The number of tires / tire size / axle)*:

..... ngày ..... tháng ..... năm.....
(Issued on: Day/Month/Year)
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(INSPECTION CENTER)

Số phiếu kiểm định
(Inspection report No)

Có hiệu lực đến hết ngày *(Valid until)*:

Vị trí in ảnh tổng thể xe cơ giới khi vào kiểm định (kích thước 80 mm x 60 mm); đối với xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ: "Xe thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu"
(Image Position of Vehicle)

Có lắp thiết bị giám sát hành trình *(Equipped with tachograph)* ☐
Có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe *(Equipped with camera)* ☐
PT không được cấp Tem kiểm định *(Vehicle not issued with inspection stamp)* ☐
Ghi chú *(Notes)*: (1)

xxxxxxxxx (2)

Chú thích:

(1): Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);

(2): Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.

2. Tem kiểm định



Chú thích:

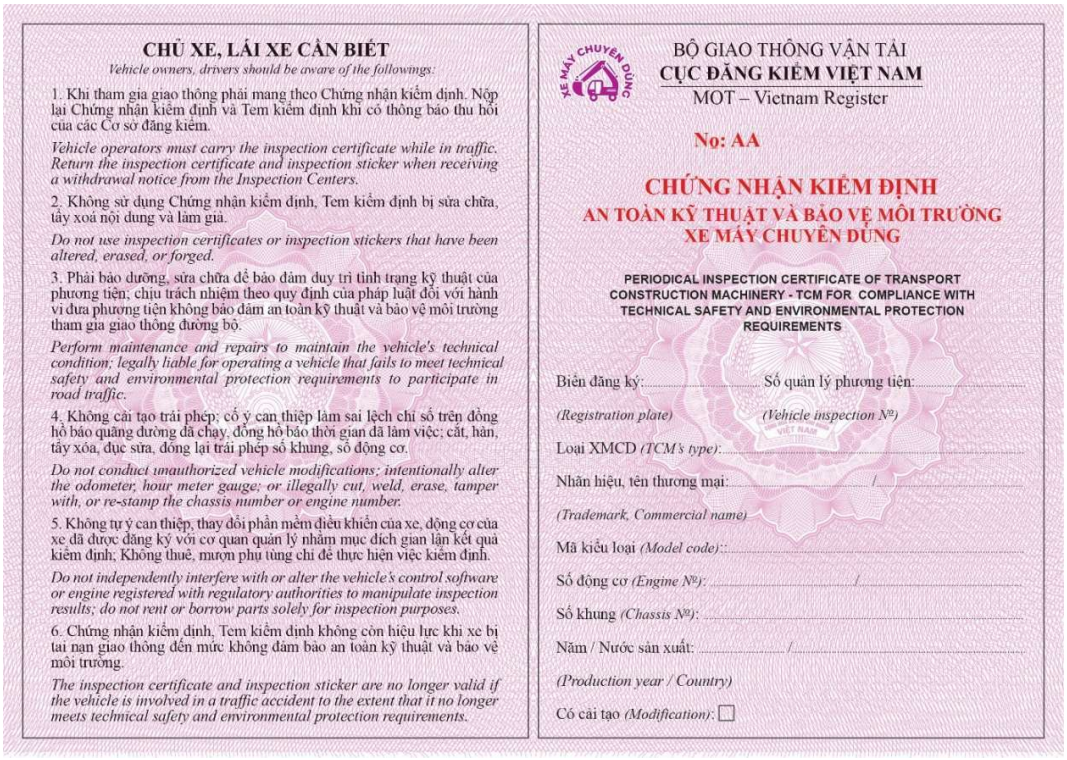
(1): In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;

(2): In biển số xe được cấp tem kiểm định;

(3): In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

Mẫu số 03. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định màu tím hồng dùng cho xe máy chuyên dùng

1. Mẫu Giấy chứng nhận



CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm.

Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.

2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xoá nội dung và làm giả.

Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.

3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.

Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.

4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy, đồng hồ báo thời gian đã làm việc; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ.

Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer, hour meter gauge; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.

5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định.

Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.

6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.

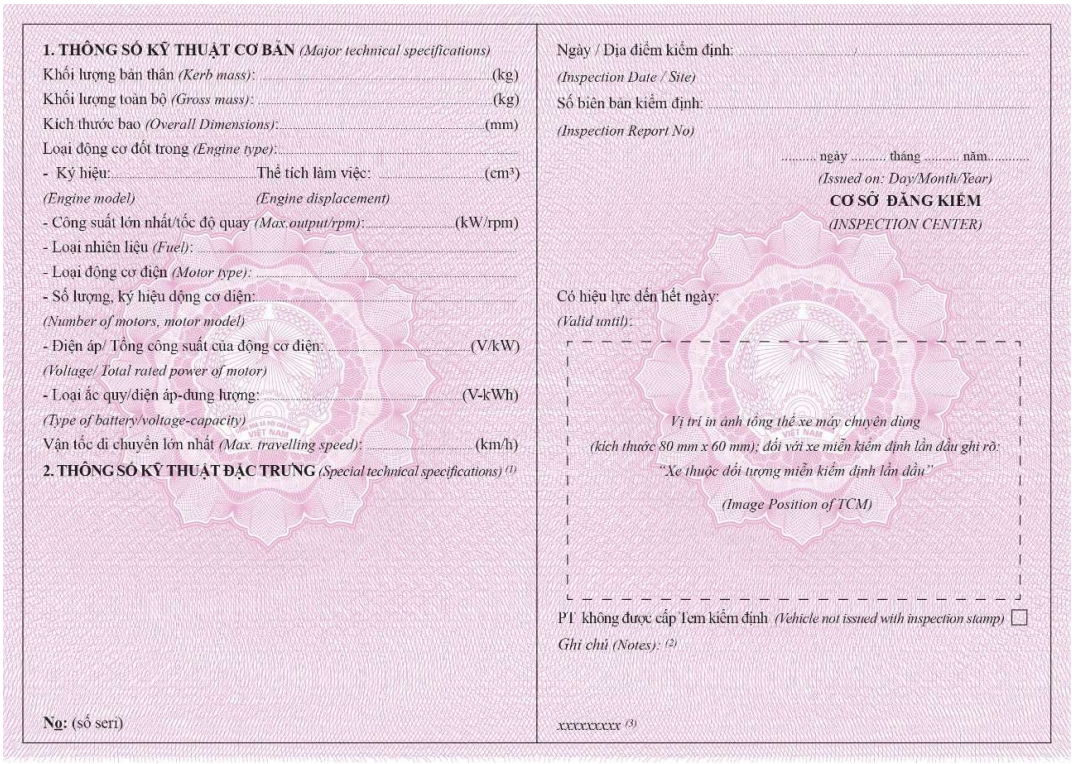
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MOT – Vietnam Register

No: AA

CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF TRANSPORT CONSTRUCTION MACHINERY - TCM FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

Biển đăng ký:..... Số quản lý phương tiện:.....
(Registration plate) *(Vehicle inspection No)*
Loại XMCD *(TCM's type)*:.....
Nhãn hiệu, tên thương mại:...../.....
(Trademark, Commercial name)
Mã kiểu loại *(Model code)*:.....
Số động cơ *(Engine No)*:...../.....
Số khung *(Chassis No)*:.....
Năm / Nước sản xuất:...../.....
(Production year / Country)
Có cải tạo *(Modification)*: ☐



1. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN *(Major technical specifications)*
Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*:.....(kg)
Khối lượng toàn bộ *(Gross mass)*:.....(kg)
Kích thước bao *(Overall Dimensions)*:.....(mm)
Loại động cơ đốt trong *(Engine type)*:.....
- Ký hiệu:..... Thể tích làm việc: .....(cm^3)
(Engine model) *(Engine displacement)*
- Công suất lớn nhất/tốc độ quay *(Max.output/rpm)*:.....(kW/rpm)
- Loại nhiên liệu *(Fuel)*:.....
- Loại động cơ điện *(Motor type)*:.....
- Số lượng, ký hiệu động cơ điện:.....
(Number of motors, motor model)
- Điện áp/ Tổng công suất của động cơ điện:.....(V/kW)
(Voltage/ Total rated power of motor)
- Loại ắc quy/điện áp-dung lượng:.....(V-kWh)
(Type of battery/voltage-capacity)
Vận tốc di chuyển lớn nhất *(Max. travelling speed)*:.....(km/h)
2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG *(Special technical specifications)* (1)

No: (số seri)

Ngày / Địa điểm kiểm định:...../.....
(Inspection Date / Site)
Số biên bản kiểm định:.....
(Inspection Report No)
..... ngày ..... tháng ..... năm.....
(Issued on: Day/Month/Year)
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(INSPECTION CENTER)

Có hiệu lực đến hết ngày:
(Valid until):

Vị trí in ảnh tổng thể xe máy chuyên dùng
(kích thước 80 mm x 60 mm); đối với xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ:
"Xe thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu"
(Image Position of TCM)

PT không được cấp Tem kiểm định *(Vehicle not issued with inspection stamp)* ☐
Ghi chú (Notes): (2)

xxxxxxxxx (3)

Chú thích:

(1): Được ghi nhận theo từng loại xe máy chuyên dùng theo quy định tại Thông tư quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu;

(2): Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe máy chuyên dùng trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);

(3): Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.

2. Tem kiểm định



Chú thích:

(1): In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;

(2): In biển số xe được cấp tem kiểm định;

(3): In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

Mẫu số 04. Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy lần đầu

6. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy) – Mã TTHC: 1.005103

a) Trình tự thực hiện:

**** Nộp hồ sơ TTHC:***

- Chủ xe nộp hồ sơ tại cơ sở đăng kiểm.

**** Giải quyết TTHC***:

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá hồ sơ

- Trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp: cơ sở đăng kiểm tiến hành kiểm tra, đánh giá hồ sơ ngay trong ngày nhận được hồ sơ, cụ thể như sau:

- Kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: trường hợp không đầy đủ thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện hồ sơ; trường hợp xe bị từ chối kiểm định thì lập thông báo gửi cho chủ xe; trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định thì lập phiếu kiểm soát kiểm định; tiến hành kiểm tra, đánh giá xe;

- Kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm: trường hợp không đầy đủ thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện hồ sơ; đối với xe bị từ chối kiểm định, xe không thuộc đối tượng kiểm định, địa điểm kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm không đáp ứng quy định, lập thông báo gửi cho chủ xe; trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định, xe thuộc đối tượng kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm, địa điểm kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm đáp ứng quy định, lập giấy hẹn lịch kiểm định gửi cho chủ xe; lập phiếu kiểm soát kiểm định; tiến hành kiểm tra, đánh giá xe theo lịch.

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hệ thống trực tuyến: cơ sở đăng kiểm thực hiện như với trường hợp nhận trực tiếp nhưng trên hệ thống trực tuyến và gửi thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ hoặc lịch hẹn đưa xe đến kiểm định cho chủ xe qua hệ thống bưu chính hoặc trên hệ thống trực tuyến.

- Trường hợp xe chưa có dữ liệu trong cơ sở dữ liệu của Cục Đăng kiểm Việt Nam thì cơ sở đăng kiểm lập bản xác nhận thông số kỹ thuật của xe để làm căn cứ lập hồ sơ phương tiện.

* Thực hiện kiểm tra, đánh giá xe cơ giới

- Cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu xe thực tế với giấy tờ về đăng ký xe: trường hợp có sự sai khác, thông báo cho chủ xe; trường hợp không có sự sai khác, lập phiếu hồ sơ phương tiện đối với trường hợp kiểm định lần đầu và thực hiện việc kiểm tra, đánh giá xe.

- Việc kiểm tra, đánh giá tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới phải được thực hiện đầy đủ các hạng mục quy định tại Quy chuẩn về kiểm định xe cơ giới và thực hiện theo 05 công đoạn sau:

+ Công đoạn 1: kiểm tra nhận dạng, tổng quát;

+ Công đoạn 2: kiểm tra phần trên của phương tiện;

+ Công đoạn 3: kiểm tra hiệu quả phanh và trượt ngang;

+ Công đoạn 4: kiểm tra môi trường;

+ Công đoạn 5: kiểm tra phần dưới của phương tiện.

Việc kiểm tra, đánh giá hạng mục kiểm tra hiệu quả phanh, trượt ngang đối với trường hợp kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm được thực hiện trên đường, cơ sở đăng kiểm ghi nhận kết quả trong phiếu kiểm tra phanh, trượt ngang và đính kèm cùng với phiếu kiểm định xe cơ giới khi kết thúc kiểm tra.

+ Cơ sở đăng kiểm thực hiện chụp ảnh xe cơ giới tại địa điểm thực hiện kiểm định, đảm bảo ảnh chụp có độ phân giải tối thiểu 1280x720 pixels, rõ nét, thể hiện thời gian thực khi chụp (gồm ngày, tháng, năm, giờ, phút chụp ảnh).

+ Kết quả kiểm định được thể hiện trên phiếu kiểm định xe cơ giới và được xử lý như sau:

+ Xe được thực hiện các quy trình để cấp giấy chứng nhận kiểm định khi không có khiếm khuyết hoặc chỉ có khiếm khuyết, hư hỏng không quan trọng (MiD);

+ Xe phải sửa chữa để kiểm định lại khi có khiếm khuyết, hư hỏng quan trọng (MaD);

+ Xe không được tham gia giao thông và phải sửa chữa để kiểm định lại khi có khiếm khuyết, hư hỏng nguy hiểm (DD).

+ Cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định hoặc thông báo kết quả không đạt đối với trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm:

+ Trường hợp xe cơ giới có kết quả kiểm định không đạt yêu cầu: cơ sở đăng kiểm thực hiện lập thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá, nhập nội dung không đạt vào phần mềm quản lý kiểm định để cảnh báo ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá.

Trường hợp thực hiện kiểm định lại ngay trong ngày thì cơ sở đăng kiểm chỉ kiểm tra, đánh giá lại các hạng mục không đạt trước đó; đối với xe cơ giới có kết quả kiểm tra, đánh giá ở các hạng mục liên quan đến hệ thống phanh, hệ thống lái, đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra, đánh giá lại toàn bộ các hạng mục thuộc hệ thống phanh, hệ thống lái. Trường hợp kiểm định lại vào ngày khác hoặc bởi cơ sở đăng kiểm khác thì tiến hành lại từ đầu trình tự, thủ tục kiểm định.

+ Trường hợp xe cơ giới có kết quả kiểm định đạt yêu cầu: cơ sở đăng kiểm cấp giấy chứng nhận kiểm định, dán tem kiểm định; thực hiện việc gỡ cảnh báo kiểm định không đạt đối với trường hợp có cảnh báo về kết quả kiểm định không đạt trước đó ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá.

Trường hợp xe chỉ có giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe, cơ sở đăng kiểm cấp tem kiểm định và giấy hẹn trả giấy chứng nhận kiểm định cho chủ xe và chỉ thực hiện cấp giấy chứng nhận kiểm định sau khi chủ xe xuất trình giấy tờ về đăng ký xe.

+ Cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định hoặc thông báo kết quả không đạt đối với trường hợp kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm

+ Trường hợp xe cơ giới có kết quả kiểm định không đạt yêu cầu: cơ sở đăng kiểm thực hiện lập thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá, nhập nội dung không đạt vào phần mềm quản lý kiểm định để cảnh báo ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá.

Trường hợp thực hiện kiểm định lại ngay trong ngày, cơ sở đăng kiểm chỉ kiểm tra, đánh giá lại các hạng mục không đạt trước đó; đối với xe cơ giới có kết quả kiểm tra, đánh giá ở các hạng mục liên quan đến hệ thống phanh, hệ thống lái, đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra, đánh giá lại toàn bộ các hạng mục thuộc hệ thống phanh, hệ thống lái. Trường hợp kiểm định lại vào ngày khác hoặc bởi cơ sở đăng kiểm khác thì tiến hành lại từ đầu trình tự, thủ tục kiểm định.

+ Trường hợp xe cơ giới có kết quả kiểm định đạt yêu cầu: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra, cơ sở đăng kiểm cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định và gửi cho chủ xe; thực hiện việc gỡ cảnh báo kiểm định không đạt đối với trường hợp có cảnh báo về kết quả kiểm định không đạt trước đó ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá.

Trường hợp xe chỉ có giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe, cơ sở đăng kiểm cấp tem kiểm định và giấy hẹn trả giấy chứng nhận kiểm định cho chủ xe và chỉ thực hiện cấp giấy chứng nhận kiểm định sau khi chủ xe xuất trình giấy tờ về đăng ký xe.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hệ thống trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp kiểm định lần đầu

- Giấy tờ phải nộp

- Văn bản đề nghị kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm (đối với trường hợp chủ xe có đề nghị);

- Bản chà số khung, số động cơ của xe;

- Bản sao phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước);

- Bản chính giấy chứng nhận cải tạo của xe (đối với xe cải tạo).

- Giấy tờ phải xuất trình

- Trong trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật mà dữ liệu về đăng ký xe từ cơ quan đăng ký xe chưa chia sẻ được thì chủ xe phải xuất trình giấy tờ về đăng ký xe hoặc bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe;

- Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính) đối với: thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000 (kg) trở lên; thiết bị nâng người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m); xi téc chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.

* Trường hợp kiểm định định kỳ

- Giấy tờ phải nộp

- Văn bản đề nghị kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm (đối với trường hợp chủ xe có đề nghị);

- Bản chà số khung, số động cơ của xe (đối với xe có thay đổi số khung, số động cơ).

- Giấy tờ phải xuất trình

- Trong trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật mà dữ liệu về đăng ký xe từ cơ quan đăng ký xe chưa chia sẻ được thì chủ xe phải xuất trình giấy tờ về đăng ký xe hoặc bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe;

- Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính) đối với: thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000 (kg) trở lên; thiết bị nâng người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m); xi téc chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.

- Trường hợp kiểm định đối với xe có chứng nhận đăng ký xe tạm thời

- Xe sản xuất, lắp ráp trong nước, xe thuộc đối tượng nghiên cứu, phát triển có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ: trong trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật mà dữ liệu về đăng ký xe từ cơ quan đăng ký xe chưa chia sẻ được thì chủ xe phải xuất trình bản chính chứng nhận đăng ký xe tạm thời hoặc chứng nhận đăng ký xe tạm thời được tích hợp trên tài khoản định danh điện tử từ mức độ 2 trở lên và nộp bản sao phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng.

- Xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải:

- Giấy tờ xuất trình: bản chính chứng nhận đăng ký xe tạm thời;

- Giấy tờ phải nộp:

(1) Trong trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật mà dữ liệu về đăng ký xe từ cơ quan đăng ký xe chưa chia sẻ được thì chủ xe phải xuất trình bản chính chứng nhận đăng ký xe tạm thời hoặc chứng nhận đăng ký xe tạm thời được tích hợp trên tài khoản định danh điện tử từ mức độ 2 trở lên;

(2) Bản dịch thuật tiếng việt có chứng thực phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của nhà sản xuất nước ngoài.

- Xe nhập khẩu (không thuộc trường hợp: xe sản xuất, lắp ráp trong nước, xe thuộc đối tượng nghiên cứu, phát triển có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ; xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải): trong trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật mà dữ liệu về đăng ký xe từ cơ quan đăng ký xe chưa chia sẻ được thì chủ xe phải xuất trình bản chính chứng nhận đăng ký xe tạm thời hoặc chứng nhận đăng ký xe tạm thời được tích hợp trên tài khoản định danh điện tử từ mức độ 2 trở lên và nộp bản sao phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của nhà sản xuất nước ngoài.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra, đánh giá hồ sơ: ngay trong ngày nhận được hồ sơ;

- Thời hạn kiểm tra, đánh giá xe:

+ Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay khi nhận được hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định.

+ Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định, tiến hành kiểm tra, đánh giá xe theo lịch hẹn.

- Thời hạn trả kết quả:

+ Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá;

+ Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

đ) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

g) Kết quả thực hiện TTHC:

- Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá;

- Giấy hẹn trả Giấy chứng nhận kiểm định;

- Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định.

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định.

- Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo về môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu Văn bản đề nghị kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải; Bản Thông số kỹ thuật xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải;

- Mẫu Văn bản đề nghị kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm;

- Mẫu Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá;

- Mẫu Giấy hẹn trả Giấy chứng nhận kiểm định;

- Mẫu Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Xe cơ giới đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo Quy chuẩn về kiểm định xe cơ giới;

- Không áp dụng với đối tượng xe mô tô, xe gắn máy

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

- Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH NGOÀI CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH NGOÀI CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

Kính gửi: Cơ sở đăng kiểm (mã số)

Căn cứ Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Người đề nghị: ……

Địa chỉ: ……

Điện thoại: ……; Email:……...

Đề nghị cơ sở đăng kiểm (mã số) đến kiểm định cho các phương tiện được liệt kê ở bảng sau:

STT	Biển số	Số khung	Số máy	Ngày hết hạn kiểm định
1	29C-12345			
2				

Đường kiểm tra phanh[(1)]: …….....

Thời gian kiểm định: …….

Địa điểm kiểm định: …….

……, ngày… tháng… năm ….
Người đề nghị
(ký và ghi rõ họ tên)

[(1)]Người đề nghị mô tả thông tin về đường kiểm tra phanh gồm: chiều dài, chiều rộng, loại mặt đường.

MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ) **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

Số:.....

THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Về nội dung: □ Tiếp nhận hồ sơ □ Kiểm tra, đánh giá hồ sơ

□ Kiểm tra, đánh giá xe □ Kiểm định xe

Kính gửi chủ xe: ……..…….

I. Thông tin về hồ sơ/phương tiện[(1)]:

……..……..……

…..……..……..……

……..……

II. Nội dung đề nghị bổ sung, khắc phục/Nội dung không đạt[(2)]:

……..……..……

…..……..……..……

……..……

III. Thông tin khác: [(3)]:

……..……..…..

……..……..……

IV. Kết quả kiểm tra, đánh giá: □ Đạt yêu cầu □ Không đạt yêu cầu

1. Thời gian trả kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ:.....

2. Thời gian, địa điểm kiểm tra, đánh giá xe cải tạo:.....

……

Cơ sở đăng kiểm ..... thông báo để chủ xe ..... được biết và phối hợp thực hiện.

……, ngày .... tháng ... năm ...

Đại diện cơ sở đăng kiểm

(ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu …

Hướng dẫn ghi:

(1) Ghi biển số hoặc số khung trong trường hợp kiểm định; ghi ký hiệu thiết kế trong trường hợp cải tạo;

(2) Ghi rõ nội dung, hạng mục kiểm định hoặc kiểm tra, đánh giá hồ sơ không đạt;

(3) Ghi trường hợp xe bị từ chối kiểm định, xe đã được miễn kiểm định lần đầu, điều kiện đường thử phanh không đáp ứng.

MẪU GIẤY HẸN TRẢ GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH (DÙNG CHO XE CHỈ CÓ GIẤY HẸN CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE)

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

GIẤY HẸN TRẢ GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

Biển số: ……

Chiếc xe có biển số nêu trên đã được cấp miễn kiểm định lần đầu □

Chiếc xe có biển số nêu trên đã được kiểm định và đáp ứng quy định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường □

Thông tin cơ bản của xe như sau:

- Khối lượng bản thân: (kg)

- Khối lượng hàng chuyên chở cho phép lớn nhất: (kg)

- Khối lượng kéo theo cho phép lớn nhất: (kg)

- Khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất: (kg)

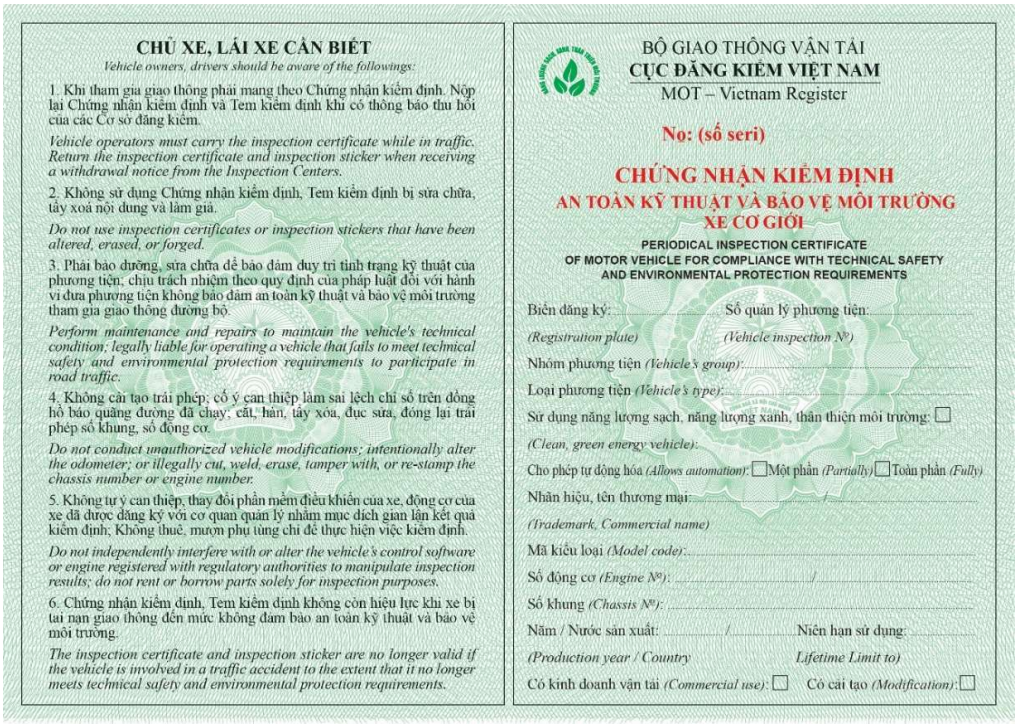
- Số người cho phép chở: chỗ ngồi: chỗ đứng: chỗ nằm:

Ngay sau khi có giấy tờ về đăng ký xe (trừ giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký) thì chủ xe mang tới cơ sở đăng kiểm ..... địa chỉ ..... để nhận Giấy chứng nhận kiểm định.

……, ngày ….tháng... năm…
Đại diện cơ sở đăng kiểm
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 01. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định màu xanh lá cây dùng cho xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường

1. Mẫu Giấy chứng nhận kiểm định



CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm.

Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.

2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xoá nội dung và làm giả.

Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.

3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.

Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.

4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ.

Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.

5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định.

Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.

6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MOT – Vietnam Register

No: (số seri)

CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI
PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

Biển đăng ký: ..... Số quản lý phương tiện: .....
(Registration plate) *(Vehicle inspection No)*
Nhóm phương tiện *(Vehicle's group)*: .....
Loại phương tiện *(Vehicle's type)*: .....
Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường: ☐
(Clean, green energy vehicle):
Cho phép tự động hóa *(Allows automation)*: ☐ Một phần *(Partially)* ☐ Toàn phần *(Fully)*
Nhãn hiệu, tên thương mại: ..... / .....
(Trademark, Commercial name)
Mã kiểu loại *(Model code)*: .....
Số động cơ *(Engine No)*: ..... / .....
Số khung *(Chassis No)*: .....
Năm / Nước sản xuất: ..... / ..... Niên hạn sử dụng: .....
(Production year / Country *Lifetime Limit to)*
Có kinh doanh vận tải *(Commercial use)*: ☐ Có cải tạo *(Modification)*: ☐

THÔNG SỐ KỸ THUẬT *(SPECIFICATIONS)*

Công thức bánh xe: ..... Vết bánh xe: ..... / ..... (mm)
(Wheel formula) *(Wheel tread)*
Kích thước bao *(Overall dimensions)*: ..... (mm)
Kích thước lòng/bao thùng xe/bao ngoài xi téc: ..... (mm)
(Inside/outside dimensions of cargo deck/outside dimensions of tank)
Khoảng cách trục (Wheel base): ..... (mm)
Khối lượng bản thân (Kerb mass): ..... (kg)
Khối lượng hàng CC theo TK/CP LN: ..... / ..... (kg)
(Design/Authorized cargo pay mass)
Khối lượng kéo theo TK/CP LN: ..... / ..... (kg)
(Design/Authorized towed mass)
Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: ..... / ..... (kg)
(Design/Authorized total mass)
Số người cho phép chở: chỗ ngồi: ..... chỗ đứng: ..... chỗ nằm: .....
(Không bao gồm người lái)
(Permissible No of pers carried, not include driver: seating ,standing ,lying)
Loại động cơ đốt trong *(Engine type)*: .....
Ký hiệu: ..... Thể tích làm việc: ..... (cm^3)
(Engine model) *(Engine displacement)*
- Công suất lớn nhất/tốc độ quay *(Max output/rpm)*: ..... (kW/rpm)
- Loại nhiên liệu *(Fuel)*: .....
Loại động cơ điện *(Motor type)*: .....
- Số lượng, ký hiệu động cơ điện: .....
(Number of motors, motor model)
- Điện áp/ Tổng công suất của động cơ điện: ..... (V/kW)
(Voltage/ Total rated power of motor)
- Loại ắc quy/điện áp-dung lượng: ..... (V-kWh)
(Type of battery/voltage-capacity)
No: (số seri)

Số lượng lốp/cỡ lốp/trục *(The number of tires / tire size / axle)*:

..... ngày ..... tháng ..... năm .....
(Issued on: Day/Month/Year)
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(INSPECTION CENTER)

Số phiếu kiểm định
(Inspection report No)

Có hiệu lực đến hết ngày *(Valid until)*:

Vị trí in ảnh tổng thể xe cơ giới khi vào kiểm định (kích thước 80 mm x 60 mm); đối với xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ: "Xe thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu"
(Image Position of Vehicle)

Có lắp thiết bị giám sát hành trình *(Equipped with tachograph)* ☐
Có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe *(Equipped with camera)* ☐
PT không được cấp Tem kiểm định *(Vehicle not issued with inspection stamp)* ☐
Ghi chú *(Notes)*: (1)

xxxxxxxx (2)

Chú thích:

(1): Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);

(2): Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.

2. Mẫu Tem kiểm định



Chú thích:

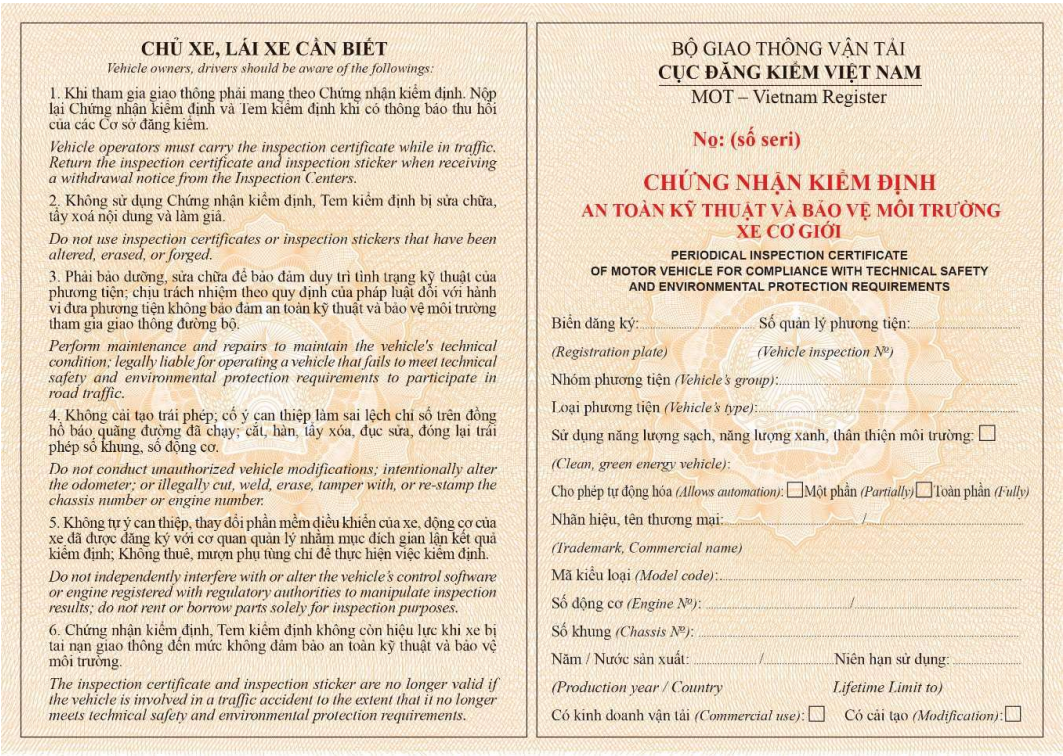
(1): In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;

(2): In biển số xe được cấp tem kiểm định;

(3): In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

Mẫu số 02. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định màu vàng cam dùng cho các xe cơ giới khác

1. Mẫu Giấy chứng nhận



CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm.

Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.

2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xoá nội dung và làm giả.

Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.

3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.

Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.

4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ.

Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.

5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định.

Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.

6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.

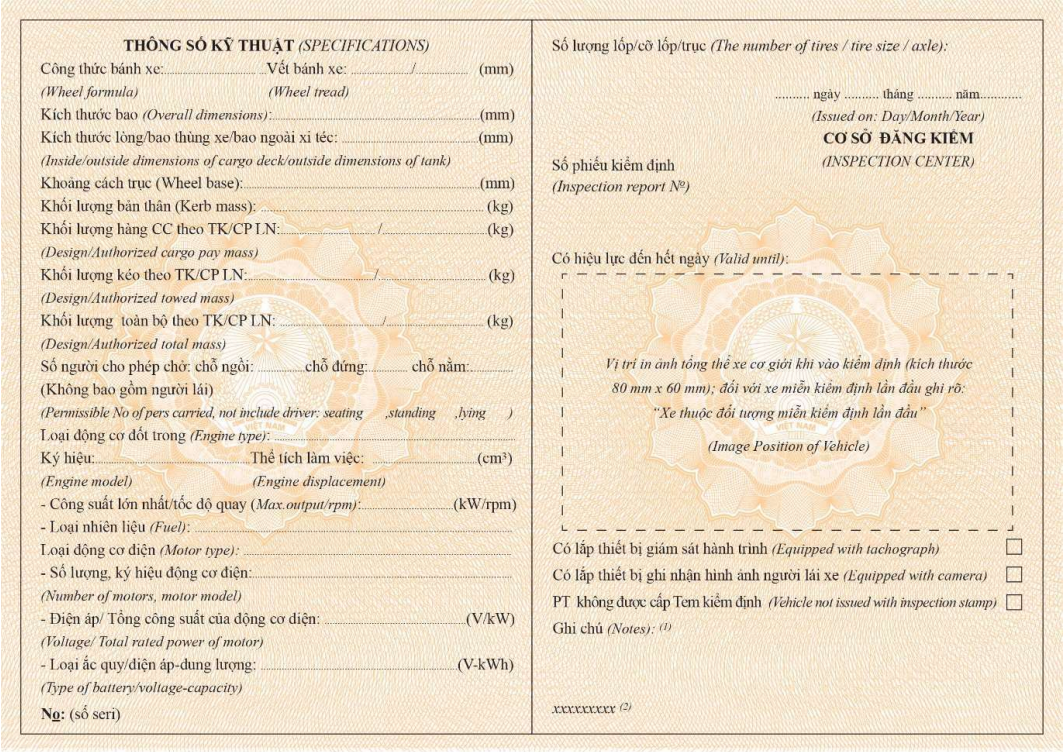
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MOT – Vietnam Register

No: (số seri)

CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

Biển đăng ký: ..... Số quản lý phương tiện: .....
(Registration plate) *(Vehicle inspection No)*
Nhóm phương tiện *(Vehicle's group)*: .....
Loại phương tiện *(Vehicle's type)*: .....
Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường: ☐
(Clean, green energy vehicle):
Cho phép tự động hóa *(Allows automation)*: ☐Một phần *(Partially)* ☐Toàn phần *(Fully)*
Nhãn hiệu, tên thương mại: ..... / .....
(Trademark, Commercial name)
Mã kiểu loại *(Model code)*: .....
Số động cơ *(Engine No)*: ..... / .....
Số khung *(Chassis No)*: .....
Năm / Nước sản xuất: ..... / ..... Niên hạn sử dụng: .....
(Production year / Country *Lifetime Limit to)*
Có kinh doanh vận tải *(Commercial use)*: ☐ Có cải tạo *(Modification)*: ☐



THÔNG SỐ KỸ THUẬT *(SPECIFICATIONS)*

Công thức bánh xe:..... Vết bánh xe: ...../..... (mm)
(Wheel formula) *(Wheel tread)*
Kích thước bao *(Overall dimensions)*:.....(mm)
Kích thước lòng/bao thùng xe/bao ngoài xi téc: .....(mm)
(Inside/outside dimensions of cargo deck/outside dimensions of tank)
Khoảng cách trục (Wheel base):.....(mm)
Khối lượng bản thân (Kerb mass): ..... (kg)
Khối lượng hàng CC theo TK/CP I.N:...../.....(kg)
(Design/Authorized cargo pay mass)
Khối lượng kéo theo TK/CP I.N:...../.....(kg)
(Design/Authorized towed mass)
Khối lượng toàn bộ theo TK/CP I.N: ...../..... (kg)
(Design/Authorized total mass)
Số người cho phép chở: chỗ ngồi: ..... chỗ đứng:..... chỗ nằm:.....
(Không bao gồm người lái)
(Permissible No of pers carried, not include driver: seating ,standing ,lying)
Loại động cơ đốt trong *(Engine type)*: .....
Ký hiệu:..... Thể tích làm việc: .....(cm³)
(Engine model) *(Engine displacement)*
- Công suất lớn nhất/tốc độ quay (*Max.output/rpm*):.....(kW/rpm)
- Loại nhiên liệu *(Fuel)*: .....
Loại động cơ điện *(Motor type)*: .....
- Số lượng, ký hiệu động cơ điện:.....
(Number of motors, motor model)
- Điện áp/ Tổng công suất của động cơ điện: .....(V/kW)
(Voltage/ Total rated power of motor)
- Loại ắc quy/điện áp-dung lượng: .....(V-kWh)
(Type of battery/voltage-capacity)
No: (số seri)

Số lượng lốp/cỡ lốp/trục *(The number of tires / tire size / axle)*:

..... ngày ..... tháng ..... năm.....
(Issued on: Day/Month/Year)
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(INSPECTION CENTER)

Số phiếu kiểm định
(Inspection report No)

Có hiệu lực đến hết ngày *(Valid until)*:

Vị trí in ảnh tổng thể xe cơ giới khi vào kiểm định (kích thước 80 mm x 60 mm); đối với xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ: "Xe thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu"
(Image Position of Vehicle)

Có lắp thiết bị giám sát hành trình *(Equipped with tachograph)* ☐
Có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe *(Equipped with camera)* ☐
PT không được cấp Tem kiểm định *(Vehicle not issued with inspection stamp)* ☐
Ghi chú *(Notes)*: (1)

xxxxxxxxx (2)

Chú thích:

(1): Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);

(2): Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.

2. Tem kiểm định



Chú thích:

(1): In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;

(2): In biển số xe được cấp tem kiểm định;

(3): In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

7. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe máy chuyên dùng – Mã TTHC: 1.013205

a) Trình tự thực hiện:

+ Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ xe nộp hồ sơ tại cơ sở đăng kiểm.

+ Giải quyết TTHC:

* Thực hiện kiểm tra, đánh giá hồ sơ

- Trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp: cơ sở đăng kiểm tiến hành kiểm tra, đánh giá hồ sơ ngay trong ngày nhận được hồ sơ, cụ thể như sau:

- Kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: trường hợp không đầy đủ thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện hồ sơ; trường hợp xe bị từ chối kiểm định thì lập thông báo gửi cho chủ xe; trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định thì lập phiếu kiểm soát kiểm định; tiến hành kiểm tra, đánh giá xe;

- Kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm: trường hợp không đầy đủ thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện hồ sơ; đối với xe bị từ chối kiểm định, xe không thuộc đối tượng kiểm định, địa điểm kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm không đáp ứng quy định, lập thông báo gửi cho chủ xe; trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định, xe thuộc đối tượng kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm, địa điểm kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm đáp ứng quy định, lập giấy hẹn lịch kiểm định gửi cho chủ xe; lập phiếu kiểm soát kiểm định; tiến hành kiểm tra, đánh giá xe theo lịch.

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hệ thống trực tuyến: cơ sở đăng kiểm thực hiện như với trường hợp nhận trực tiếp nhưng trên hệ thống trực tuyến và gửi thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ hoặc lịch hẹn đưa xe đến kiểm định cho chủ xe qua hệ thống bưu chính hoặc trên hệ thống trực tuyến.

- Trường hợp xe chưa có dữ liệu trong cơ sở dữ liệu của Cục Đăng kiểm Việt Nam thì cơ sở đăng kiểm lập bản xác nhận thông số kỹ thuật của xe để làm căn cứ lập hồ sơ phương tiện.

* Thực hiện kiểm tra, đánh giá xe máy chuyên dùng

- Việc kiểm tra, đánh giá tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe máy chuyên dùng tại cơ sở đăng kiểm phải bao gồm các hạng mục kiểm tra, đối chiếu theo quy định tại Quy chuẩn về xe máy chuyên dùng. Kết quả kiểm định được thể hiện trên phiếu kiểm định xe máy chuyên dùng.

- Việc kiểm tra, đánh giá tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe máy chuyên dùng ngoài cơ sở đăng kiểm phải được thực hiện theo Quy chuẩn về xe máy chuyên dùng. Đối với các xe máy chuyên dùng có yêu cầu kiểm tra hiệu quả phanh trên đường thì tiến hành kiểm tra, ghi nhận kết quả vào phiếu và đính kèm cùng với phiếu kiểm định xe máy chuyên dùng khi kết thúc kiểm tra.

- Cơ sở đăng kiểm thực hiện chụp ảnh xe máy chuyên dùng tại địa điểm thực hiện kiểm định, đảm bảo ảnh chụp có độ phân giải tối thiểu 1280x720 pixels, rõ nét, thể hiện thời gian thực khi chụp (gồm ngày, tháng, năm, giờ, phút chụp ảnh).

- Cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định hoặc thông báo kết quả không đạt đối với trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm:

- Trường hợp xe máy chuyên dùng có kết quả kiểm định không đạt yêu cầu: cơ sở đăng kiểm lập thông báo kết quả kiểm tra đánh giá, nhập nội dung không đạt vào phần mềm quản lý kiểm định để cảnh báo ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá;

Trường hợp thực hiện kiểm định lại ngay trong ngày, cơ sở đăng kiểm chỉ kiểm tra, đánh giá lại các hạng mục không đạt trước đó; đối với xe máy chuyên dùng có kết quả kiểm tra, đánh giá ở các hạng mục liên quan đến hệ thống phanh, hệ thống lái, đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra, đánh giá lại toàn bộ các hạng mục thuộc hệ thống phanh, hệ thống lái. Trường hợp kiểm định lại vào ngày khác hoặc tại cơ sở đăng kiểm khác thì tiến hành lại từ đầu trình tự, thủ tục kiểm định.

- Trường hợp xe máy chuyên dùng có kết quả kiểm định đạt yêu cầu: cơ sở đăng kiểm cấp giấy chứng nhận kiểm định, dán tem kiểm định; thực hiện việc gỡ cảnh báo kiểm định không đạt đối với trường hợp có cảnh báo về kết quả kiểm định không đạt trước đó ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá.

Trường hợp xe chỉ có giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe, cơ sở đăng kiểm cấp tem kiểm định và giấy hẹn trả giấy chứng nhận kiểm định cho chủ xe và chỉ thực hiện cấp giấy chứng nhận kiểm định sau khi chủ xe xuất trình giấy tờ về đăng ký xe.

- Cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định hoặc thông báo kết quả không đạt đối với trường hợp kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm

- Trường hợp xe máy chuyên dùng có kết quả kiểm định không đạt yêu cầu: cơ sở đăng kiểm lập thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá, nhập nội dung không đạt vào phần mềm quản lý kiểm định để cảnh báo ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá.

Trường hợp thực hiện kiểm định lại ngay trong ngày cơ sở đăng kiểm chỉ kiểm tra, đánh giá lại các hạng mục không đạt trước đó; trường hợp kiểm định lại vào ngày khác hoặc bởi cơ sở đăng kiểm khác thì tiến hành lại trình tự, thủ tục kiểm định.

- Trường hợp xe máy chuyên dùng có kết quả kiểm định đạt yêu cầu: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra, cơ sở đăng kiểm cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định; thực hiện việc gỡ cảnh báo kiểm định không đạt đối với trường hợp có cảnh báo về kết quả kiểm định không đạt trước đó ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá.

Trường hợp xe chỉ có giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe, cơ sở đăng kiểm cấp tem kiểm định và giấy hẹn trả giấy chứng nhận kiểm định cho chủ xe và chỉ

thực hiện cấp giấy chứng nhận kiểm định sau khi chủ xe xuất trình giấy tờ về đăng ký xe.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hệ thống trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp kiểm định lần đầu

- Giấy tờ phải nộp

- Văn bản đề nghị kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm (đối với trường hợp chủ xe có đề nghị);

- Bản chà số khung, số động cơ của xe;

- Bản sao phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước);

- Bản chính giấy chứng nhận cải tạo của xe (đối với xe cải tạo).

- Giấy tờ phải xuất trình

- Trong trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật mà dữ liệu về đăng ký xe từ cơ quan đăng ký xe chưa chia sẻ được thì chủ xe phải xuất trình giấy tờ về đăng ký xe hoặc bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe;

- Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính) đối với: thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000 (kg) trở lên; thiết bị nâng người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m); xi téc chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.

* Trường hợp kiểm định định kỳ

- Giấy tờ phải nộp

- Văn bản đề nghị kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm (đối với trường hợp chủ xe có đề nghị);

- Bản chà số khung, số động cơ của xe (đối với xe có thay đổi số khung, số động cơ).

- Giấy tờ phải xuất trình

- Trong trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật mà dữ liệu về đăng ký xe từ cơ quan đăng ký xe chưa chia sẻ được thì chủ xe phải xuất trình giấy tờ về đăng ký xe hoặc bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe;

-Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính) đối với: thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000 (kg) trở lên; thiết bị nâng người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m); xi téc chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.

- Trường hợp kiểm định đối với xe có chứng nhận đăng ký xe tạm thời

- Xe sản xuất, lắp ráp trong nước, xe thuộc đối tượng nghiên cứu, phát triển có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ: trong trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật mà dữ liệu về đăng ký xe từ cơ quan đăng ký xe chưa chia sẻ được thì chủ xe phải xuất trình bản chính chứng nhận đăng ký xe tạm thời hoặc chứng nhận đăng ký xe tạm thời được tích hợp trên tài khoản định danh điện tử từ mức độ 2 trở lên và nộp bản sao phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng.

- Xe nhập khẩu (không thuộc trường hợp: xe sản xuất, lắp ráp trong nước, xe thuộc đối tượng nghiên cứu, phát triển có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ): trong trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật mà dữ liệu về đăng ký xe từ cơ quan đăng ký xe chưa chia sẻ được thì chủ xe phải xuất trình bản chính chứng nhận đăng ký xe tạm thời hoặc chứng nhận đăng ký xe tạm thời được tích hợp trên tài khoản định danh điện tử từ mức độ 2 trở lên và nộp bản sao phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của nhà sản xuất nước ngoài.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra, đánh giá hồ sơ: ngay trong ngày nhận được hồ sơ;

- Thời hạn kiểm tra, đánh giá xe:

+ Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay khi nhận được hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định.

+ Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định, tiến hành kiểm tra, đánh giá xe theo lịch hẹn.

- Thời hạn trả kết quả:

+ Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá;

+ Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

đ) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

g) Kết quả thực hiện TTHC:

- Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá;

- Giấy hẹn trả Giấy chứng nhận kiểm định;

- Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định.

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định.

- Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo về môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu Văn bản đề nghị kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm;

- Mẫu Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá;

- Mẫu Giấy hẹn trả Giấy chứng nhận kiểm định;

- Mẫu Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Xe máy chuyên dùng đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo Quy chuẩn về xe máy chuyên dùng.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo về môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới;

- Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo về môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

- Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH NGOÀI CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH NGOÀI CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

Kính gửi: Cơ sở đăng kiểm (mã số)

Căn cứ Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Người đề nghị: ……

Địa chỉ: ……

Điện thoại: ……; Email:……...

Đề nghị cơ sở đăng kiểm (mã số) đến kiểm định cho các phương tiện được liệt kê ở bảng sau:

STT	Biển số	Số khung	Số máy	Ngày hết hạn kiểm định
1	29C-12345			
2				

Đường kiểm tra phanh[(1)]: …….....

Thời gian kiểm định: …….

Địa điểm kiểm định: …….

……, ngày… tháng… năm ….
Người đề nghị
(ký và ghi rõ họ tên)

[(1)]Người đề nghị mô tả thông tin về đường kiểm tra phanh gồm: chiều dài, chiều rộng, loại mặt đường.

MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....	

THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Về nội dung: □ Tiếp nhận hồ sơ □ Kiểm tra, đánh giá hồ sơ

□ Kiểm tra, đánh giá xe □ Kiểm định xe

Kính gửi chủ xe: ……..…….

I. Thông tin về hồ sơ/phương tiện[(1)]:

……..……..……

…..……..……..……

……..……..……

II. Nội dung đề nghị bổ sung, khắc phục/Nội dung không đạt[(2)]:

……..……..……

…..……..……..……

……..……..……

III. Thông tin khác: [(3)]:

……..……..……..….

……..……..……..……

IV. Kết quả kiểm tra, đánh giá: □ Đạt yêu cầu □ Không đạt yêu cầu

1. Thời gian trả kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ:.....

2. Thời gian, địa điểm kiểm tra, đánh giá xe cải tạo:.....

……

Cơ sở đăng kiểm ..... thông báo để chủ xe ..... được biết và phối hợp thực hiện.

……, ngày …. tháng ... năm ...

Đại diện cơ sở đăng kiểm

(ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu …

Hướng dẫn ghi:

(1) Ghi biển số hoặc số khung trong trường hợp kiểm định; ghi ký hiệu thiết kế trong trường hợp cải tạo;

(2) Ghi rõ nội dung, hạng mục kiểm định hoặc kiểm tra, đánh giá hồ sơ không đạt;

(3) Ghi trường hợp xe bị từ chối kiểm định, xe đã được miễn kiểm định lần đầu, điều kiện đường thử phanh không đáp ứng.

MẪU GIẤY HẸN TRẢ GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH (DÙNG CHO XE CHỈ CÓ GIẤY HẸN CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE)

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

GIẤY HẸN TRẢ GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

Biển số: ……

Chiếc xe có biển số nêu trên đã được cấp miễn kiểm định lần đầu □

Chiếc xe có biển số nêu trên đã được kiểm định và đáp ứng quy định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường □

Thông tin cơ bản của xe như sau:

- Khối lượng bản thân: (kg)

- Khối lượng hàng chuyên chở cho phép lớn nhất: (kg)

- Khối lượng kéo theo cho phép lớn nhất: (kg)

- Khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất: (kg)

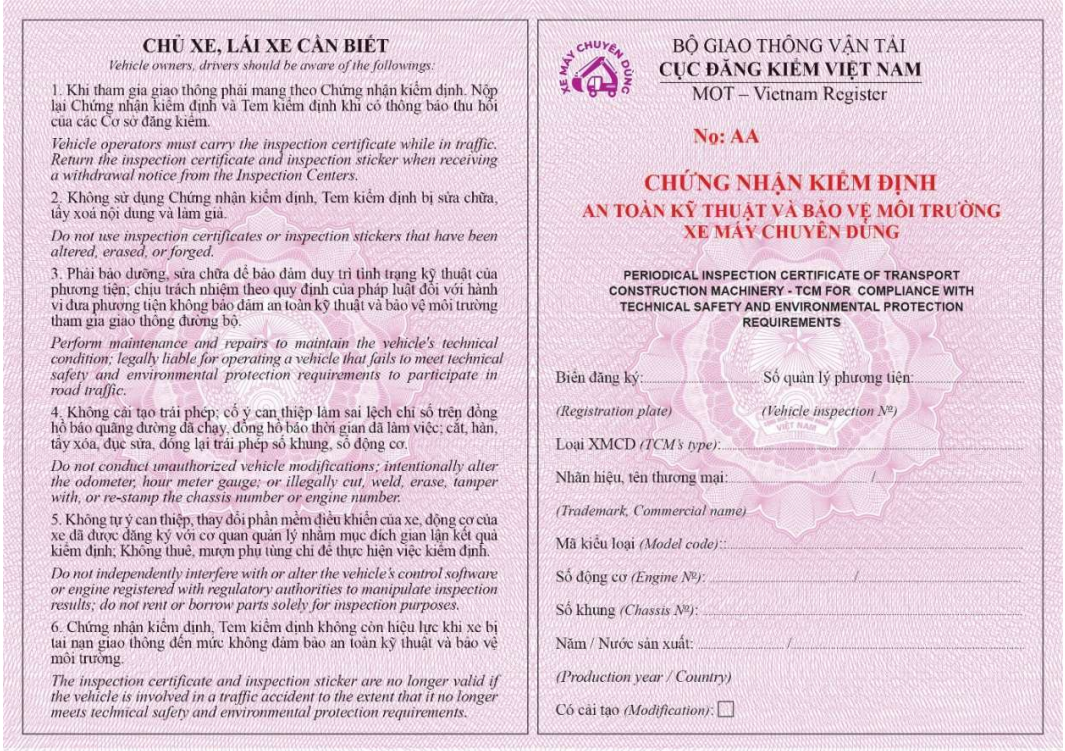
- Số người cho phép chở: chỗ ngồi: chỗ đứng: chỗ nằm:

Ngay sau khi có giấy tờ về đăng ký xe (trừ giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký) thì chủ xe mang tới cơ sở đăng kiểm ..... địa chỉ ..... để nhận Giấy chứng nhận kiểm định.

……, ngày ….tháng... năm…
Đại diện cơ sở đăng kiểm
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định màu tím hồng dùng cho xe máy chuyên dùng

1. Mẫu Giấy chứng nhận



CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm.

Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.

2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xoá nội dung và làm giả.

Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.

3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.

Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.

4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy, đồng hồ báo thời gian đã làm việc; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ.

Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer, hour meter gauge; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.

5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định.

Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.

6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MOT – Vietnam Register

No: AA

CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF TRANSPORT CONSTRUCTION MACHINERY - TCM FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

Biển đăng ký: ..... Số quản lý phương tiện: .....
(Registration plate) *(Vehicle inspection No)*

Loại XMCD *(TCM's type)*: .....

Nhãn hiệu, tên thương mại: ..... / .....
(Trademark, Commercial name)

Mã kiểu loại *(Model code)*: .....

Số động cơ *(Engine No)*: ..... / .....

Số khung *(Chassis No)*: .....

Năm / Nước sản xuất: ..... / .....
(Production year / Country)

Có cải tạo *(Modification)*: ☐

1. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN *(Major technical specifications)*

Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*: .....(kg)

Khối lượng toàn bộ *(Gross mass)*: .....(kg)

Kích thước bao *(Overall Dimensions)*: .....(mm)

Loại động cơ đốt trong *(Engine type)*: .....

- Ký hiệu: ..... Thể tích làm việc: .....(cm³)
(Engine model) *(Engine displacement)*

- Công suất lớn nhất/tốc độ quay *(Max.output/rpm)*: .....(kW/rpm)

- Loại nhiên liệu *(Fuel)*: .....

- Loại động cơ điện *(Motor type)*: .....

- Số lượng, ký hiệu động cơ điện: .....
(Number of motors, motor model)

- Điện áp/ Tổng công suất của động cơ điện: .....(V/kW)
(Voltage/ Total rated power of motor)

- Loại ắc quy/điện áp-dung lượng: .....(V-kWh)
(Type of battery/voltage-capacity)

Vận tốc di chuyển lớn nhất *(Max. travelling speed)*: .....(km/h)

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG *(Special technical specifications)* (1)

No: (số seri)

Ngày / Địa điểm kiểm định: ..... / .....
(Inspection Date / Site)

Số biên bản kiểm định: .....
(Inspection Report No)

..... ngày ..... tháng ..... năm.....
(Issued on: Day/Month/Year)

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(INSPECTION CENTER)

Có hiệu lực đến hết ngày:
(Valid until):

Vị trí in ảnh tổng thể xe máy chuyên dùng (kích thước 80 mm x 60 mm); đối với xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ: "Xe thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu"

(Image Position of TCM)

PT không được cấp Tem kiểm định *(Vehicle not issued with inspection stamp)* ☐

Ghi chú (Notes): (2)

xxxxxxxxx (3)

Chú thích:

(1): Được ghi nhận theo từng loại xe máy chuyên dùng theo quy định tại Thông tư quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu;

(2): Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe máy chuyên dùng trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);

(3): Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.

2. Tem kiểm định



Chú thích:

(1): In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;

(2): In biển số xe được cấp tem kiểm định;

(3): In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

Mẫu số 04. Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy lần đầu

8. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng – Mã TTHC: 1.013092

a) Trình tự thực hiện:

+ Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ xe nộp hồ sơ tại cơ sở đăng kiểm.

+ Giải quyết TTHC:

Trình tự, thủ tục cấp lại thực hiện như sau

- Cơ sở đăng kiểm cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định trong 04 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 17 của Thông tư này. Trường hợp xe chỉ có giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe, cơ sở đăng kiểm cấp tem kiểm định và giấy hẹn trả giấy chứng nhận kiểm định cho chủ xe theo mẫu số 01 quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này và chỉ thực hiện cấp giấy chứng nhận kiểm định sau khi chủ xe được cấp đăng ký xe hoặc xuất trình giấy tờ về đăng ký xe;

- Trường hợp tem kiểm định bị hỏng nhưng có đủ thông tin để xác định số sê ri hoặc biển số xe hoặc giấy chứng nhận kiểm định bị mất, bị hỏng, cơ sở đăng kiểm cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định trong ngày kể từ khi nhận được hồ sơ; đồng thời thu lại giấy chứng nhận kiểm định (trừ trường hợp giấy chứng nhận kiểm định bị mất);

- Trường hợp tem kiểm định bị mất hoặc tem kiểm định và giấy chứng nhận bị mất, cơ sở đăng kiểm lập giấy tiếp nhận thông tin báo mất tem kiểm định, đăng tải thông tin báo mất trên phần mềm quản lý kiểm định. Sau 15 ngày kể từ ngày đăng cảnh báo, nếu tem kiểm định không được tìm thấy, chủ xe mang theo giấy tiếp nhận thông tin báo mất tem kiểm định tới cơ sở đăng kiểm để được cấp lại giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định trong ngày.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp hoặc hệ thống trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định theo mẫu.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp bị sai thông tin, bị hỏng: trong 04 giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ;

- Trường hợp tem kiểm định bị mất hoặc tem kiểm định và giấy chứng nhận bị mất: Sau 15 ngày kể từ ngày đăng cảnh báo, nếu tem kiểm định không được tìm thấy, chủ xe mang theo giấy tiếp nhận thông tin báo mất tem kiểm định tới cơ

sở đăng kiểm để được cấp lại giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định trong ngày.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

đ) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định

h) Phí, lệ phí:

- Giá dịch vụ in lại giấy chứng nhận: 23.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định tem kiểm định xe cơ giới.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định;

- Mẫu Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Việc cấp lại được thực hiện trong các trường hợp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định bị sai thông tin, bị hỏng, bị mất. Chủ xe không phải mang xe đến cơ sở đăng kiểm để kiểm tra, đánh giá lại.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

- Thông tư số 11/2024/TT-BGTVT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về giá dịch vụ lập hồ sơ phương tiện đối với xe cơ giới được miễn kiểm định lần đầu và dịch vụ in lại giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định đối với xe cơ giới.

- Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày…. tháng …. năm ….

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH, TEM KIỂM ĐỊNH; GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI TẠO

□ Giấy chứng nhận (GCN) kiểm định □ Tem kiểm định □ GCN cải tạo

Kính gửi: ……

Chủ xe: .....

Địa chỉ: .....

Người đại diện chủ xe/Tổ chức: .....

Số điện thoại: .....

Thông tin của xe:

- Biển số đăng ký hoặc số khung: …….....

- Số giấy chứng nhận cải tạo đã cấp: ……

- Ký hiệu thiết kế: ……

- Loại phương tiện: …….....

Lý do đề nghị cấp lại:

Kiểm định: Mất (Tem □ GCN □) Hỏng (Tem □ GCN □) Sai thông tin □

GCN cải tạo: Mất □ Hỏng □ Sai thông tin □ Hết hiệu lực □

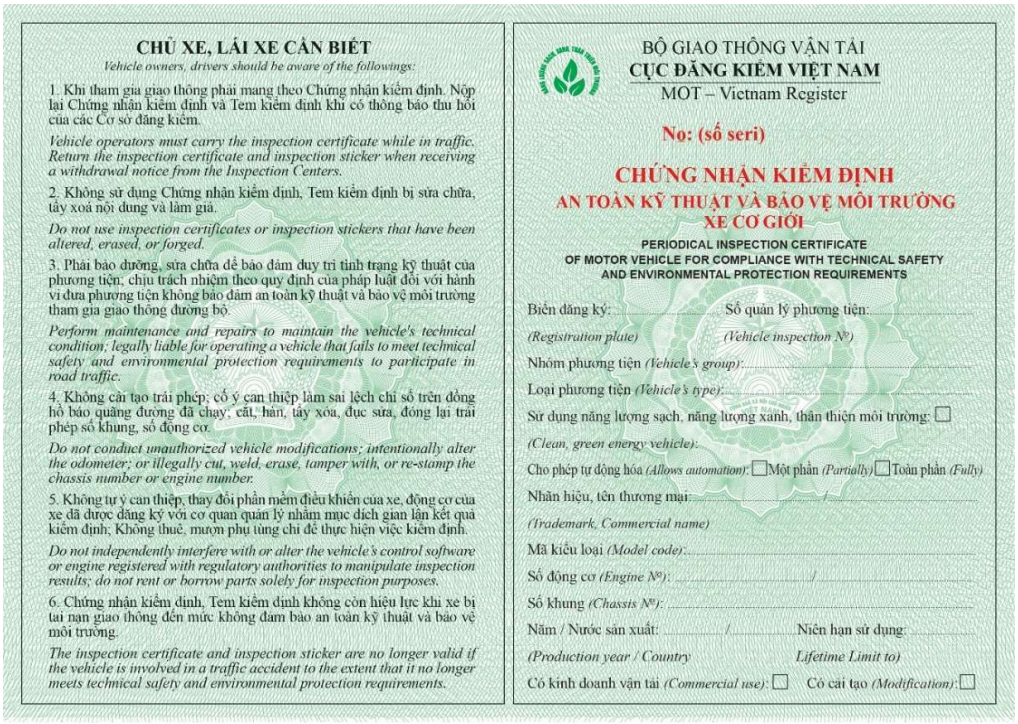
Tôi (Chủ xe/Tên tổ chức) hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung đơn đề nghị này.

Chủ xe/đại diện tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:
Như kính gửi;
……;
Lưu: …….

Mẫu số 01. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định màu xanh lá cây dùng cho xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường

1. Mẫu Giấy chứng nhận kiểm định



CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm.

Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.

2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xoá nội dung và làm giả.

Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.

3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.

Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.

4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ.

Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.

5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định.

Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.

6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MOT – Vietnam Register

No: (số seri)

CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI
PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

Biển đăng ký: ..... Số quản lý phương tiện: .....
(Registration plate) *(Vehicle inspection No)*
Nhóm phương tiện *(Vehicle's group)*: .....
Loại phương tiện *(Vehicle's type)*: .....
Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường: ☐
(Clean, green energy vehicle):
Cho phép tự động hóa *(Allows automation)*: ☐ Một phần *(Partially)* ☐ Toàn phần *(Fully)*
Nhãn hiệu, tên thương mại: ..... / .....
(Trademark, Commercial name)
Mã kiểu loại *(Model code)*: .....
Số động cơ *(Engine No)*: ..... / .....
Số khung *(Chassis No)*: .....
Năm / Nước sản xuất: ..... / ..... Niên hạn sử dụng: .....
(Production year / Country *Lifetime Limit to)*
Có kinh doanh vận tải *(Commercial use)*: ☐ Có cải tạo *(Modification)*: ☐

THÔNG SỐ KỸ THUẬT *(SPECIFICATIONS)*

Công thức bánh xe: ..... Vết bánh xe: ..... / ..... (mm)
(Wheel formula) *(Wheel tread)*
Kích thước bao *(Overall dimensions)*: ..... (mm)
Kích thước lòng/bao thùng xe/bao ngoài xi téc: ..... (mm)
(Inside/outside dimensions of cargo deck/outside dimensions of tank)
Khoảng cách trục (Wheel base): ..... (mm)
Khối lượng bản thân (Kerb mass): ..... (kg)
Khối lượng hàng CC theo TK/CP LN: ..... / ..... (kg)
(Design/Authorized cargo pay mass)
Khối lượng kéo theo TK/CP LN: ..... / ..... (kg)
(Design/Authorized towed mass)
Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: ..... / ..... (kg)
(Design/Authorized total mass)
Số người cho phép chở: chỗ ngồi: ..... chỗ đứng: ..... chỗ nằm: .....
(Không bao gồm người lái)
(Permissible No of pers carried, not include driver: seating ,standing ,lying)
Loại động cơ đốt trong *(Engine type)*: .....
Ký hiệu: ..... Thể tích làm việc: ..... (cm^3)
(Engine model) *(Engine displacement)*
- Công suất lớn nhất/tốc độ quay *(Max output/rpm)*: ..... (kW/rpm)
- Loại nhiên liệu *(Fuel)*: .....
Loại động cơ điện *(Motor type)*: .....
- Số lượng, ký hiệu động cơ điện: .....
(Number of motors, motor model)
- Điện áp/ Tổng công suất của động cơ điện: ..... (V/kW)
(Voltage/ Total rated power of motor)
- Loại ắc quy/điện áp-dung lượng: ..... (V-kWh)
(Type of battery/voltage-capacity)
No: (số seri)

Số lượng lốp/cỡ lốp/trục *(The number of tires / tire size / axle)*:

..... ngày ..... tháng ..... năm .....
(Issued on: Day/Month/Year)
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(INSPECTION CENTER)

Số phiếu kiểm định
(Inspection report No)

Có hiệu lực đến hết ngày *(Valid until)*: .....

Vị trí in ảnh tổng thể xe cơ giới khi vào kiểm định (kích thước 80 mm x 60 mm); đối với xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ "Xe thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu"
(Image Position of Vehicle)

Có lắp thiết bị giám sát hành trình *(Equipped with tachograph)* ☐
Có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe *(Equipped with camera)* ☐
PT không được cấp Tem kiểm định *(Vehicle not issued with inspection stamp)* ☐
Ghi chú *(Notes)*: (1)

xxxxxxxx (2)

Chú thích:

(1): Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);

(2): Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.

2. Mẫu Tem kiểm định



Chú thích:

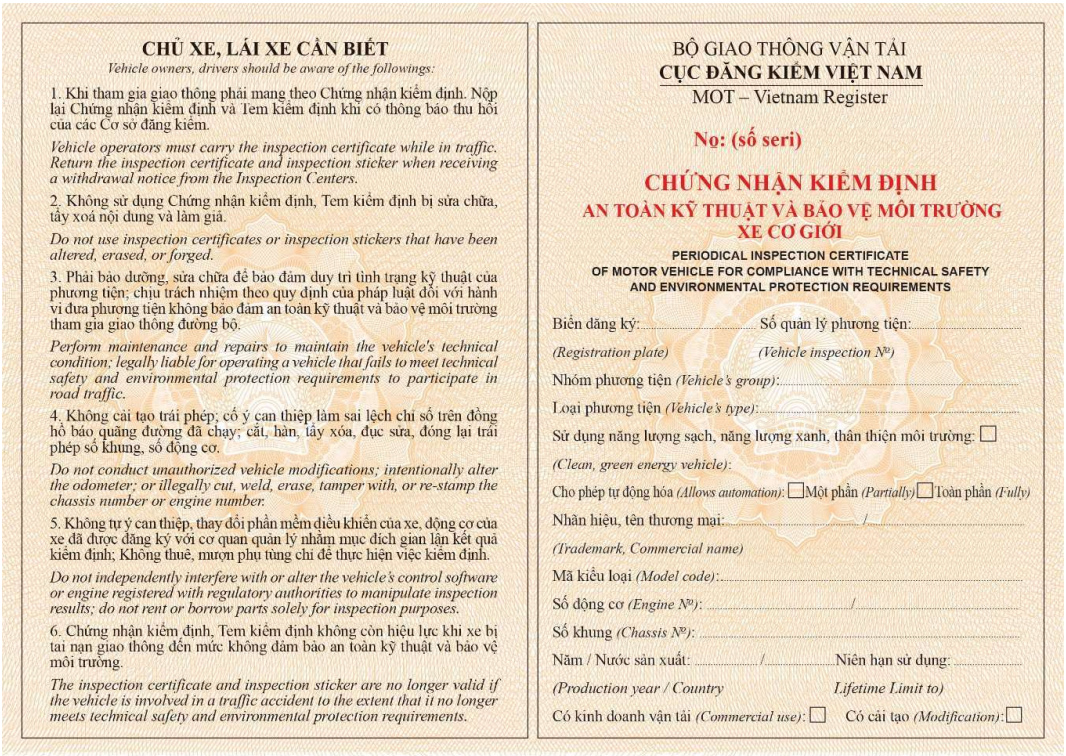
(1): In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;

(2): In biển số xe được cấp tem kiểm định;

(3): In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

Mẫu số 02. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định màu vàng cam dùng cho các xe cơ giới khác

1. Mẫu Giấy chứng nhận



CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm.

Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.

2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xoá nội dung và làm giả.

Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.

3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.

Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.

4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ.

Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.

5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định.

Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.

6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MOT – Vietnam Register

No: (số seri)

CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

Biển đăng ký: ..... Số quản lý phương tiện: .....
(Registration plate) *(Vehicle inspection No)*

Nhóm phương tiện *(Vehicle's group)*: .....

Loại phương tiện *(Vehicle's type)*: .....

Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường: ☐
(Clean, green energy vehicle):

Cho phép tự động hóa *(Allows automation)*: ☐ Một phần *(Partially)* ☐ Toàn phần *(Fully)*

Nhãn hiệu, tên thương mại: ..... / .....
(Trademark, Commercial name)

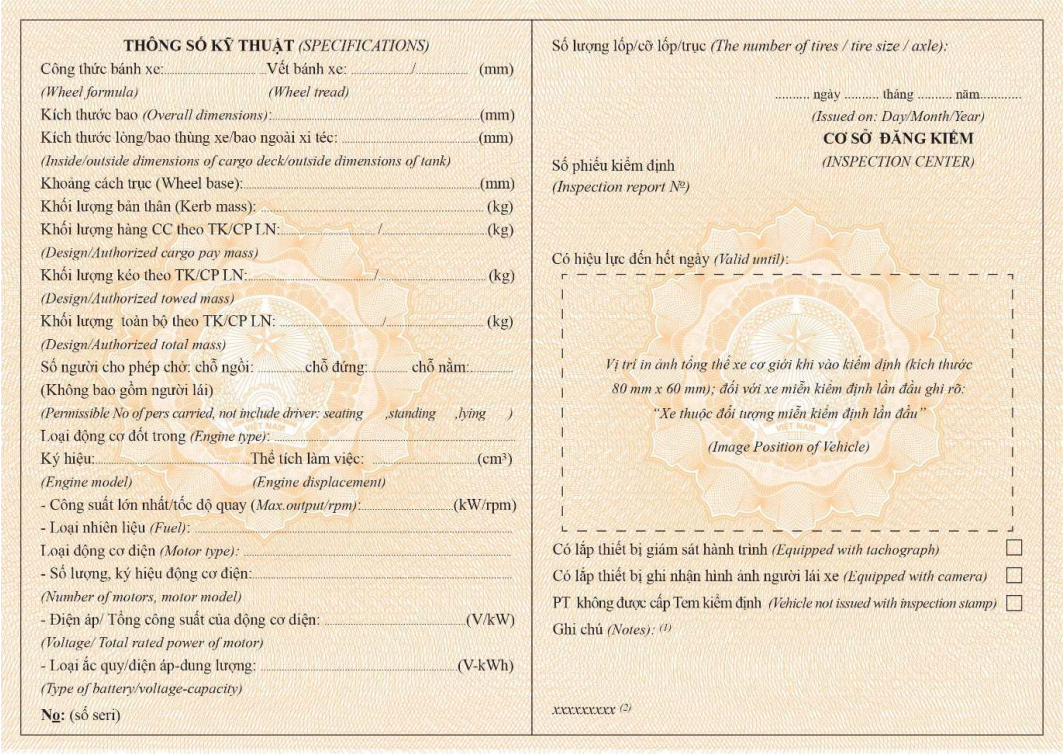
Mã kiểu loại *(Model code)*: .....

Số động cơ *(Engine No)*: ..... / .....

Số khung *(Chassis No)*: .....

Năm / Nước sản xuất: ..... / ..... Niên hạn sử dụng: .....
(Production year / Country *Lifetime Limit to)*

Có kinh doanh vận tải *(Commercial use)*: ☐ Có cải tạo *(Modification)*: ☐



THÔNG SỐ KỸ THUẬT *(SPECIFICATIONS)*

Công thức bánh xe:..... Vết bánh xe: ...../..... (mm)
(Wheel formula) *(Wheel tread)*
Kích thước bao *(Overall dimensions)*:.....(mm)
Kích thước lòng/bao thùng xe/bao ngoài xi téc: .....(mm)
(Inside/outside dimensions of cargo deck/outside dimensions of tank)
Khoảng cách trục (Wheel base):.....(mm)
Khối lượng bản thân (Kerb mass): ..... (kg)
Khối lượng hàng CC theo TK/CP I.N:...../.....(kg)
(Design/Authorized cargo pay mass)
Khối lượng kéo theo TK/CP I.N:...../.....(kg)
(Design/Authorized towed mass)
Khối lượng toàn bộ theo TK/CP I.N: ...../..... (kg)
(Design/Authorized total mass)
Số người cho phép chở: chỗ ngồi:.....chỗ đứng:.....chỗ nằm:.....
(Không bao gồm người lái)
(Permissible No of pers carried, not include driver: seating ,standing ,lying)
Loại động cơ đốt trong *(Engine type)*: .....
Ký hiệu:.....Thể tích làm việc: .....(cm³)
(Engine model) *(Engine displacement)*
- Công suất lớn nhất/tốc độ quay (*Max.output/rpm*):.....(kW/rpm)
- Loại nhiên liệu *(Fuel)*: .....
Loại động cơ điện *(Motor type)*: .....
- Số lượng, ký hiệu động cơ điện:.....
(Number of motors, motor model)
- Điện áp/ Tổng công suất của động cơ điện: .....(V/kW)
(Voltage/ Total rated power of motor)
- Loại ắc quy/điện áp-dung lượng: .....(V-kWh)
(Type of battery/voltage-capacity)
No: (số seri)

Số lượng lốp/cỡ lốp/trục *(The number of tires / tire size / axle)*:

..... ngày ..... tháng ..... năm.....
(Issued on: Day/Month/Year)
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(INSPECTION CENTER)

Số phiếu kiểm định
(Inspection report №)

Có hiệu lực đến hết ngày *(Valid until)*:

Vị trí in ảnh tổng thể xe cơ giới khi vào kiểm định (kích thước 80 mm x 60 mm); đối với xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ: "Xe thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu"
(Image Position of Vehicle)

Có lắp thiết bị giám sát hành trình *(Equipped with tachograph)* ☐
Có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe *(Equipped with camera)* ☐
PT không được cấp Tem kiểm định *(Vehicle not issued with inspection stamp)* ☐
Ghi chú *(Notes)*: (1)

xxxxxxxxx (2)

Chú thích:

(1): Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);

(2): Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.

2. Tem kiểm định



Chú thích:

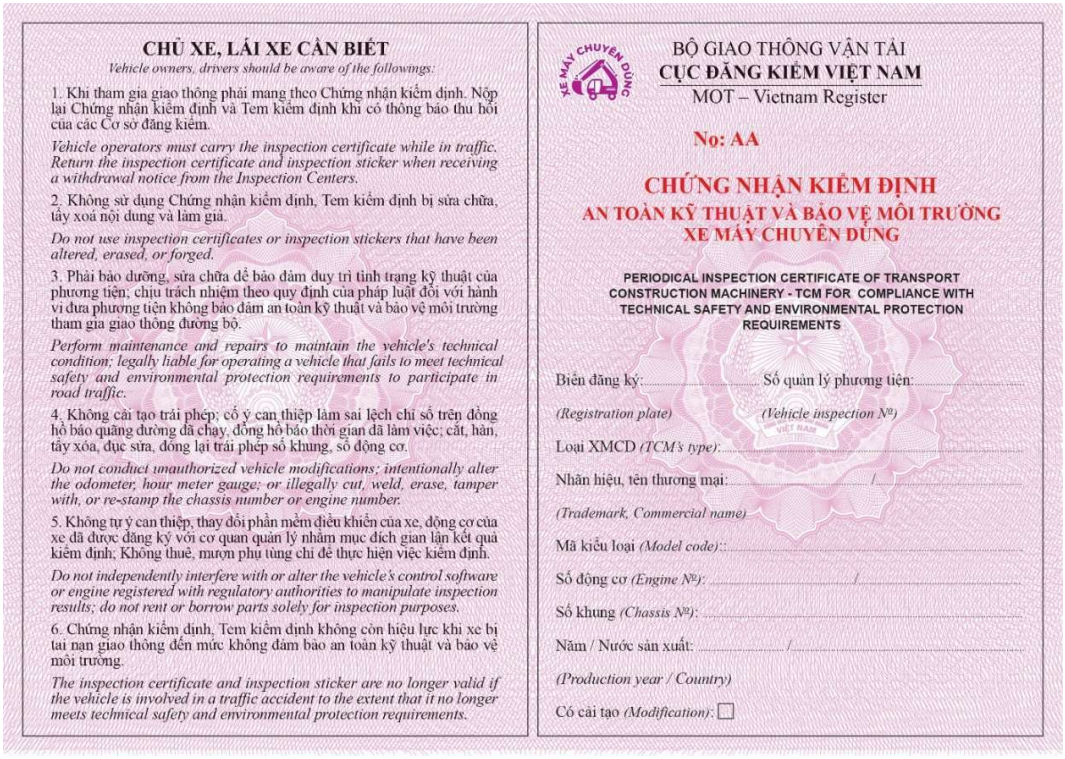
(1): In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;

(2): In biển số xe được cấp tem kiểm định;

(3): In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

Mẫu số 03. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định màu tím hồng dùng cho xe máy chuyên dùng

1. Mẫu Giấy chứng nhận



CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm.

Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.

2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xoá nội dung và làm giả.

Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.

3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.

Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.

4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy, đồng hồ báo thời gian đã làm việc; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ.

Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer, hour meter gauge; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.

5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định.

Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.

6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MOT – Vietnam Register

No: AA

CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
XE MÁY CHUYÊN DÙNG

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF TRANSPORT CONSTRUCTION MACHINERY - TCM FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

Biển đăng ký: ..... Số quản lý phương tiện: .....
(Registration plate) *(Vehicle inspection No)*

Loại XMCD *(TCM's type)*: .....

Nhãn hiệu, tên thương mại: ..... / .....
(Trademark, Commercial name)

Mã kiểu loại *(Model code)*: .....

Số động cơ *(Engine No)*: ..... / .....

Số khung *(Chassis No)*: .....

Năm / Nước sản xuất: ..... / .....
(Production year / Country)

Có cải tạo *(Modification)*: ☐

1. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN *(Major technical specifications)*

Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*: .....(kg)

Khối lượng toàn bộ *(Gross mass)*: .....(kg)

Kích thước bao *(Overall Dimensions)*: .....(mm)

Loại động cơ đốt trong *(Engine type)*: .....

- Ký hiệu: ..... Thể tích làm việc: .....(cm³)
(Engine model) *(Engine displacement)*

- Công suất lớn nhất/tốc độ quay *(Max.output/rpm)*: .....(kW/rpm)

- Loại nhiên liệu *(Fuel)*: .....

- Loại động cơ điện *(Motor type)*: .....

- Số lượng, ký hiệu động cơ điện: .....
(Number of motors, motor model)

- Điện áp/ Tổng công suất của động cơ điện: .....(V/kW)
(Voltage/ Total rated power of motor)

- Loại ắc quy/điện áp-dung lượng: .....(V-kWh)
(Type of battery/voltage-capacity)

Vận tốc đi chuyển lớn nhất *(Max. travelling speed)*: .....(km/h)

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG *(Special technical specifications)* (1)

No: (số seri)

Ngày / Địa điểm kiểm định: ..... / .....
(Inspection Date / Site)

Số biên bản kiểm định: .....
(Inspection Report No)

..... ngày ..... tháng ..... năm.....
(Issued on: Day/Month/Year)

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(INSPECTION CENTER)

Có hiệu lực đến hết ngày:
(Valid until):

Vị trí in ảnh tổng thể xe máy chuyên dùng
(kích thước 80 mm x 60 mm); đối với xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ:
"Xe thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu"

(Image Position of TCM)

PT không được cấp Tem kiểm định *(Vehicle not issued with inspection stamp)* ☐

Ghi chú (Notes): (2)

xxxxxxxxx (3)

Chú thích:

(1): Được ghi nhận theo từng loại xe máy chuyên dùng theo quy định tại Thông tư quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu;

(2): Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe máy chuyên dùng trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);

(3): Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.

2. Tem kiểm định



Chú thích:

(1): In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;

(2): In biển số xe được cấp tem kiểm định;

(3): In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

Mẫu số 04. Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy lần đầu

9. Thủ tục Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo – Mã TTHC: 1.013206

a) Trình tự thực hiện:

+ Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ xe nộp hồ sơ tại cơ sở đăng kiểm.

+ Giải quyết TTHC:

- Tiếp nhận hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ sở đăng kiểm thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp không đầy đủ hướng dẫn chủ xe bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp đầy đủ, lập phiếu tiếp nhận hồ sơ, thực hiện kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế cải tạo.

- Kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế cải tạo: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trừ các trường hợp không phải lập hồ sơ thiết kế cải tạo theo quy định khoản 5 Điều 20 Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT), cơ sở đăng kiểm thực hiện như sau:

- Trường hợp nội dung hồ sơ thiết kế cải tạo đáp ứng theo quy định và nội dung thiết kế phù hợp các quy chuẩn về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới, cơ sở đăng kiểm lập thông báo gửi cho chủ xe thông tin về thời gian và địa điểm kiểm tra, đánh giá thực tế xe cải tạo;

- Trường hợp nội dung hồ sơ thiết kế cải tạo không đủ nội dung theo quy định, hoặc có nội dung không phù hợp với các quy chuẩn về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới, cơ sở đăng kiểm lập thông báo gửi cho chủ xe ghi rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo, chủ xe có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thiết kế cải tạo; khi nhận được hồ sơ thiết kế bổ sung, sửa đổi, cơ sở đăng kiểm thực hiện kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế cải tạo theo quy định tại điểm a khoản này; quá thời hạn trên, thủ tục chứng nhận được thực hiện lại từ đầu.

- Kiểm tra, đánh giá thực tế xe cải tạo

+ Đối với xe cải tạo phải lập hồ sơ thiết kế cải tạo: trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá xe thực tế, cơ sở đăng kiểm thực hiện việc kiểm tra, đánh giá xe cải tạo theo yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn quốc gia về kiểm định xe cơ giới, kiểm định xe máy chuyên dùng; kiểm tra, đánh giá các hạng mục cải tạo của xe đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sai số cho phép và làm tròn số đối với kích thước, khối lượng; lập biên bản kiểm tra, đánh giá theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này.

+ Đối với xe cải tạo không phải lập hồ sơ thiết kế cải tạo: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ, cơ sở đăng kiểm thực hiện việc kiểm tra, đánh giá xe cải tạo theo

Quy chuẩn quốc gia về kiểm định xe cơ giới, đảm bảo các hạng mục cải tạo của xe đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới; lập biên bản kiểm tra, đánh giá.

- Xử lý kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế

+ Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá đạt yêu cầu: cấp giấy chứng nhận cải tạo đồng thời cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định cho xe;

+ Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu: lập thông báo. Chủ xe được khắc phục các nội dung không đạt trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo; quá thời hạn nêu trên, chủ xe không khắc phục hoặc kết quả kiểm tra, đánh giá lại không đạt, thực hiện thủ tục lại từ đầu.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Hồ sơ đề nghị chứng nhận xe cơ giới cải tạo (trừ xe mô tô, xe gắn máy)

+ Giấy tờ phải nộp

+ Văn bản đề nghị chứng nhận cải tạo theo mẫu;

+ Hồ sơ thiết kế cải tạo;

+ Ảnh chụp tại xưởng của cơ sở cải tạo gồm: 01 ảnh chụp tổng thể được chụp chéo góc khoảng 45 độ phía trước, 01 ảnh chụp chéo góc khoảng 45 độ phía sau góc đối diện của xe cải tạo; ảnh chụp chi tiết các hệ thống, tổng thành của xe cải tạo; ảnh chụp kết cấu khung xương ở trạng thái chưa bọc vật liệu phủ của xe cơ giới đối với các trường hợp: cải tạo toàn bộ buồng lái, thân xe, khoang chở khách của xe chở người, cải tạo lắp mới thùng xe tải thành xe tải thùng kín (có hai mặt của vách thùng xe được bọc kín), xe tải bảo ôn, xe tải đông lạnh;

+ Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo (bản chính hoặc bản điện tử) của cơ sở cải tạo xe theo mẫu;

+ Bảng kê các hệ thống, tổng thành thay thế của xe cải tạo theo mẫu;

+ Các tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới trước cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo và tài liệu xác nhận nguồn gốc của các hệ thống, tổng thành của xe sử dụng để cải tạo;

+ Văn bản chấp thuận sử dụng chung hồ sơ thiết kế xe cơ giới của cơ sở thiết kế theo mẫu đối với trường hợp xe cơ giới cải tạo được sử dụng chung hồ sơ thiết kế;

+ Bản chính phiếu cân khối lượng bản thân và phân bố khối lượng bản thân lên các trục của xe sau cải tạo được thực hiện bởi tổ chức đáp ứng quy định về pháp luật đo lường (trừ các trường hợp: Xe được lắp đặt, thay thế hoặc tháo bỏ bàn đạp phanh phụ bằng cách liên kết với bàn đạp phanh chính thông qua một thanh đòn dẫn động cơ khí của ô tô; Xe được lắp, thay thế hoặc tháo bỏ giá nóc của ô tô con tuân thủ hướng dẫn của nhà sản xuất mà không làm thay đổi chiều rộng toàn bộ của xe);

+ Giấy ủy quyền của chủ sở hữu xe theo quy định của pháp luật đối với trường hợp người đi làm thủ tục chứng nhận cải tạo không phải là chủ sở hữu.

Các giấy tờ: Hồ sơ thiết kế cải tạo; Ảnh chụp tại xưởng của cơ sở cải tạo; Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo; Bảng kê các hệ thống, tổng thành thay thế của xe cải tạo; Các tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới trước cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo và tài liệu xác nhận nguồn gốc của các hệ thống, tổng thành của xe sử dụng để cải tạo; Văn bản chấp thuận sử dụng chung hồ sơ thiết kế xe cơ giới của cơ sở thiết kế không áp dụng đối với trường hợp xe cải tạo không phải lập hồ sơ thiết kế cải tạo.

+ Giấy tờ phải xuất trình

+ Trong trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật mà dữ liệu về đăng ký xe từ cơ quan đăng ký xe chưa chia sẻ được thì chủ xe phải xuất trình giấy tờ về đăng ký xe hoặc bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe;

+ Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản sao hoặc bản điện tử) đối với thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000 (kg) trở lên, thiết bị nâng người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m) xi téc chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.

+ Hồ sơ đề nghị chứng nhận Xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy) có: khối lượng bản thân; kết cấu, kích thước thùng hàng; kích thước bao của xe khác với giấy chứng nhận kiểm định lần gần nhất trước ngày 01/01/2025

+ Giấy tờ phải nộp

+ Văn bản đề nghị chứng nhận cải tạo theo mẫu;

+ Hồ sơ thiết kế cải tạo;

+ Văn bản chấp thuận sử dụng chung hồ sơ thiết kế xe cơ giới của cơ sở thiết kế theo mẫu đối với trường hợp xe cơ giới cải tạo được sử dụng chung hồ sơ thiết kế;

+ Bản chính phiếu cân khối lượng bản thân và phân bố khối lượng bản thân lên các trục của xe sau cải tạo được thực hiện bởi tổ chức đáp ứng quy định về pháp luật đo lường (trừ các trường hợp: Xe được lắp đặt, thay thế hoặc tháo bỏ bàn đạp phanh phụ bằng cách liên kết với bàn đạp phanh chính thông qua một thanh đòn dẫn động cơ khí của ô tô; Xe được lắp, thay thế hoặc tháo bỏ giá nóc của ô tô con tuân thủ hướng dẫn của nhà sản xuất mà không làm thay đổi chiều rộng toàn bộ của xe);

+ Giấy ủy quyền của chủ sở hữu xe theo quy định của pháp luật đối với trường hợp người đi làm thủ tục chứng nhận cải tạo không phải là chủ sở hữu.

+ Giấy tờ phải xuất trình

+ Trong trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật mà dữ liệu về đăng ký xe từ cơ quan đăng ký xe chưa chia sẻ được thì chủ xe phải xuất trình giấy tờ về đăng ký xe hoặc bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe;

+ Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản sao hoặc bản điện tử) đối với thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000 (kg) trở lên, thiết bị nâng người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m) xi téc chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.

+ Hồ sơ đề nghị chứng nhận xe máy chuyên dùng cải tạo; xe mô tô, xe gắn máy cải tạo

- Giấy tờ phải nộp

+ Văn bản đề nghị chứng nhận cải tạo theo mẫu;

+ Hồ sơ thiết kế cải tạo;

+ Ảnh chụp tại xưởng của cơ sở cải tạo gồm: 01 ảnh chụp tổng thể được chụp chéo góc khoảng 45 độ phía trước, 01 ảnh chụp chéo góc khoảng 45 độ phía sau góc đối diện của xe cải tạo; ảnh chụp chi tiết các hệ thống, tổng thành của xe cải tạo;

+ Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo (bản chính hoặc bản điện tử) của cơ sở cải tạo xe theo mẫu;

+ Bảng kê các hệ thống, tổng thành của xe cải tạo theo mẫu;

+ Các tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe trước cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo; tài liệu xác nhận nguồn gốc của các hệ thống, tổng thành của xe sử dụng để cải tạo;

+ Bản chính phiếu cân khối lượng bản thân và phân bố khối lượng bản thân lên các trục (không áp dụng với xe máy chuyên dùng) của xe sau cải tạo được thực hiện bởi tổ chức đáp ứng quy định về pháp luật đo lường;

+ Giấy ủy quyền của chủ sở hữu xe theo quy định của pháp luật đối với trường hợp người đi làm thủ tục chứng nhận xe cải tạo không phải là chủ sở hữu.

+ Giấy tờ phải xuất trình

+ Trong trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật mà dữ liệu về đăng ký xe từ cơ quan đăng ký xe chưa chia sẻ được thì chủ xe phải xuất trình giấy tờ về đăng ký xe hoặc bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe;

+ Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản sao hoặc bản điện tử) đối với thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000kg trở lên, thiết bị nâng người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m) xi téc chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế cải tạo (trường hợp phải lập hồ sơ thiết kế): 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ theo quy định);

- Cấp Giấy chứng nhận:

+ Trường hợp xe phải lập hồ sơ thiết kế: 03 ngày kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá xe thực tế và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt yêu cầu.

+ Trường hợp không phải lập hồ sơ thiết kế: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt yêu cầu.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

đ) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

g) Kết quả thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận cải tạo;

- Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định.

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận.

- Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo về môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và Thông tư số 55/2022/TT- BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu Văn bản đề nghị chứng nhận cải tạo;

- Mẫu Bảng kê các hệ thống, tổng thành thay thế của xe cải tạo;

- Mẫu Giấy chứng nhận cải tạo;

- Mẫu Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

+ Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đã được cấp chứng nhận đăng ký xe, biển số xe hoặc xe đã qua sử dụng được nhập khẩu có sự thay đổi đặc điểm dẫn đến thay đổi về kiểu loại xe theo quy định về sản phẩm cùng kiểu loại của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phải thực hiện thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật

và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo (sau đây viết tắt là chứng nhận cải tạo).

+ Khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất của xe cải tạo không vượt quá giá trị khối lượng toàn bộ theo thiết kế của nhà sản xuất xe (khối lượng toàn bộ của xe trước cải tạo), giá trị phân bố của khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất lên các trục không vượt quá tải trọng trục lớn nhất của nhà sản xuất và quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

+ Trường hợp cải tạo động cơ thì động cơ cải tạo phải có giá trị công suất lớn nhất theo công bố của nhà sản xuất động cơ nằm trong khoảng từ 90% đến 120% so với giá trị công suất lớn nhất của động cơ theo thiết kế của nhà sản xuất xe.

+ Các trường hợp cải tạo xe cơ giới phải được thiết kế và thi công bởi nhà sản xuất xe hoặc đại diện ủy quyền hợp pháp của nhà sản xuất gồm:

+ Cải tạo thay đổi kích cỡ lốp, số trục và vết bánh xe của xe cơ giới;

+ Cải tạo thay đổi khoảng cách giữa các trục của xe cơ giới;

+ Cải tạo thay thế khung xe; cải tạo nối dầm sát xi;

+ Cải tạo các hệ thống phanh, hệ thống treo và hệ thống lái của xe cơ giới (trừ trường hợp: cải tạo lắp đặt hoặc tháo bỏ bàn đạp phanh phụ trên xe tập lái, xe sát hạch lái xe; cải tạo để cung cấp năng lượng và điều khiển hệ thống phanh của rơ moóc, sơ mi rơ moóc; cải tạo các cơ cấu điều khiển và ghế ngồi phù hợp với chức năng vận động của người khuyết tật điều khiển xe).

+ Xe cải tạo phải lập hồ sơ thiết kế, trừ các trường hợp không phải lập hồ sơ thiết kế cải tạo sau đây:

+ Xe được lắp đặt, thay thế hoặc tháo bỏ bàn đạp phanh phụ bằng cách liên kết với bàn đạp phanh chính thông qua một thanh đòn dẫn động cơ khí của ô tô;

+ Xe ô tô PICKUP được lắp đặt hoặc thay thế, tháo bỏ nắp che khoang chở hàng, hành lý làm thay đổi kích thước lòng thùng hàng vượt quá sai số cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sai số cho phép và làm tròn số nhưng không làm thay đổi kích thước bao của xe;

+ Xe được tháo bỏ hệ thống cung cấp nhiên liệu sử dụng khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) hoặc khí thiên nhiên nén (CNG) cho động cơ của xe đối với xe cơ giới đã cải tạo lắp đặt thêm hệ thống cung cấp nhiên liệu (LPG, CNG) trở về chỉ sử dụng hệ thống cung cấp nhiên liệu của ô tô trước khi cải tạo hệ thống cung cấp nhiên liệu;

+ Xe được lắp, thay thế hoặc tháo bỏ giá nóc của ô tô con tuân thủ hướng dẫn của nhà sản xuất mà không làm thay đổi chiều rộng toàn bộ của xe;

+ Xe được lắp, thay thế hoặc tháo bỏ bơm, thùng dầu và hệ thống đường ống thủy lực của ô tô đầu kéo để dẫn động cho hệ thống nâng hạ thùng hàng của sơ mi rơ moóc tải tự đổ;

+ Xe được thay đổi số lượng, vị trí, kết cấu cửa xếp dỡ hàng hóa của thùng hàng hoặc vật liệu bọc, lót thùng hàng của ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc vượt quá sai số cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sai số cho phép và làm tròn số nhưng không làm thay đổi kích thước bao của xe;

+ Xe được lắp thêm hoặc tháo bỏ hoặc thay thế thiết bị nâng hạ hàng hóa của thùng hàng của xe ô tô đã có giấy chứng nhận kiểm định an toàn của cơ quan có thẩm quyền;

+ Xe được lắp, thay thế hoặc tháo bỏ mui gió trên nóc ca bin ô tô đầu kéo;

+ Xe có thay đổi về khối lượng bản thân, khối lượng hàng chuyên chở khác với chứng nhận đăng ký xe nhưng có các thông số kỹ thuật và hình ảnh phù hợp với giấy chứng nhận kiểm định được cấp ở lần gần nhất.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo về môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới;

- Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo về môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

- Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày…. tháng….. năm ….

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN XE CẢI TẠO

□ Xe cơ giới □ Xe máy chuyên dùng □ Xe mô tô, xe gắn máy

□ Lần đầu □ Kiểm tra, đánh giá lại xe □ Kiểm tra, đánh giá lại hồ sơ

Kính gửi: Cơ sở đăng kiểm (mã số)

(Chủ xe): ……..... .....

Địa chỉ: ….....

Đề nghị cơ sở đăng kiểm chứng nhận xe cải tạo như sau:

1. Đặc điểm xe trước cải tạo:

- Biển số đăng ký (nếu đã được cấp):

- Số khung: ……

- Số động cơ: ……

- Nhãn hiệu - số loại: ……

2. Căn cứ đề nghị kiểm tra, đánh giá:

- Hồ sơ thiết kế có ký hiệu ……. của cơ sở thiết kế …….

- Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo số ……. ngày …. /…/…. của cơ sở cải tạo…….

3. Nội dung thi công cải tạo:

(Ghi tóm tắt đầy đủ các nội dung thiết kế cải tạo thay đổi của xe)

(Chủ xe) xin cam kết và chịu trách nhiệm về chiếc xe có thông tin tại Mục 1 nêu trên đã được thi công cải tạo đúng với thiết kế và đạt yêu cầu.

Chủ xe

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn ghi:

Trường hợp miễn thiết kế, tại mục 2, chủ phương tiện khai báo phương tiện thuộc đối tượng miễn lập hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo và cam kết chịu trách nhiệm về phương tiện đã được thi công đảm bảo đúng quy định và đạt yêu cầu.

(CƠ SỞ CẢI TẠO)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ……

....., ngày ..... tháng .....năm .....

BẢNG KÊ CÁC HỆ THỐNG, TỔNG THÀNH THAY THẾ

Kính gửi: ……

Biển số đăng ký:w

Nhãn hiệu/Tên thương mại: Mã kiểu loại:

Số khung: Số động cơ:

Ký hiệu thiết kế: ……

TT	Tổng thành, hệ thống	Nguồn gốc			Nơi sản xuất[2]	Số giấy chứng nhận[3]	Ghi chú
		Nhập khẩu	Tự sản xuất	Mua trong nước[1]			
1. Động cơ							
1.1	…						
2. Hệ thống lái							
3. Hệ thống phanh							
3.1	Bình khí nén						
3.2	…						
4. Hệ thống điện, đèn chiếu sáng và tín hiệu							
4.1	Đèn chiếu sáng phía trước						
4.2	…….						
…..							

……, ngày…. tháng …. năm…..
Cơ sở cải tạo
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu.

Hướng dẫn ghi:

[1] Đối với trường hợp sử dụng lại động cơ của xe đã qua sử dụng thì ghi rõ biển số/số khung của xe tháo động cơ để sử dụng.

[2] Phụ tùng nhập khẩu ghi nước sản xuất; phụ tùng mua trong nước ghi rõ tên và địa chỉ cơ sở sản xuất.

[3] Áp dụng với chi tiết, hệ thống, tổng thành phải có giấy chứng nhận.

Mẫu số 01. Mẫu giấy chứng nhận cải tạo xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ……[(1)]……

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI CẢI TẠO

Biển số đăng ký: Nhãn hiệu/số loại:

Số khung: Số động cơ:

Nước/năm sản xuất:

Chủ xe:

Địa chỉ chủ xe:

Cơ sở thiết kế: Ký hiệu thiết kế:

Cơ sở cải tạo:

Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo số: ..... ngày …/…/……

Biên bản kiểm tra, đánh giá ATKT & BVMT xe cải tạo số: ..... ngày …/…/……

NỘI DUNG CẢI TẠO

……

……

……

CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT [(2)]

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Xe cơ giới trước cải tạo	Xe cơ giới sau cải tạo
1	Loại phương tiện	---		
2	Xe sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường	---	□ Có	□ Có
3	Cho phép tự động hóa điều khiển	---	□ Một phần □ Toàn phần	□ Một phần □ Toàn phần
4	Kích thước bao ngoài (dài x rộng x cao)	mm		
5	Khoảng cách trục	mm		
6	Vết bánh xe (trước/sau)	mm		
7	Khối lượng bản thân	kg		
8	Số người cho phép chở (ngồi/đứng/nằm): (không bao gồm người lái)	người		
9	Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông	kg		
10	Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông	kg		
11	Động cơ			
...	*Các thông số kỹ thuật khác của xe cơ giới nếu có thay đổi do cải tạo*			

Xe cơ giới đã được chứng nhận cải tạo đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

....., ngày .....tháng ..... năm .....
Đại diện cơ sở đăng kiểm
(ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi :

(1) Ghi số giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo, cách ghi như sau: mã số cơ sở đăng kiểm- số thứ tự/năm/CNXCG. Ví dụ: 2905V-0026/2025/CNXCG.

(2) Ghi tóm tắt nội dung cải tạo chính của xe cơ giới và điền vào bảng.

Mẫu số 02. Mẫu giấy chứng nhận cải tạo xe máy chuyên dùng

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ) **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

Số:……[(1)]……

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG CẢI TẠO

Biển số đăng ký: Nhãn hiệu/số loại:

Số khung: Số động cơ:

Nước/năm sản xuất:

Chủ xe:

Địa chỉ chủ xe:

Cơ sở thiết kế: Ký hiệu thiết kế:

Cơ sở thi công cải tạo:

Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo số: ..... ngày …/…/……

Biên bản kiểm tra, đánh giá ATKT & BVMT xe cải tạo số: ..... ngày …/…/……

NỘI DUNG CẢI TẠO

……

……

……

THÔNG SỐ KỸ THUẬT [(2)]

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Xe máy chuyên dùng trước cải tạo	Xe máy chuyên dùng sau cải tạo
1	Loại phương tiện			
2	Kích thước bao (dài x rộng x cao)	mm		
3	Ký hiệu/loại động cơ			
4	Công suất lớn nhất/tốc độ quay	kW/rpm		
5	Khối lượng bản thân	kg		

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG

STT	**Thông số kỹ thuật**	**Đơn vị**	**Xe máy chuyên dùng trước cải tạo**	**Xe máy chuyên dùng sau cải tạo**
1				

Xe máy chuyên dùng đã được chứng nhận cải tạo đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

....., ngày .....tháng ..... năm .....
Đại diện cơ sở đăng kiểm
(ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi :

[(1)] Ghi số giấy chứng nhận xe máy chuyên dùng cải tạo, cách ghi như sau: mã số cơ sở đăng kiểm- số thứ tự/năm/CNXMD. Ví dụ: 2905V-0026/2025/CNXMD.

[(2)] Ghi tóm tắt nội dung cải tạo chính của xe máy chuyên dùng và điền vào bảng.

Mẫu số 03. Mẫu giấy chứng nhận cải tạo xe mô tô, xe gắn máy

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ) **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

Số:……[(1)] ……

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY CẢI TẠO

Biển số đăng ký: Nhãn hiệu/số loại:

Số khung: Số động cơ:

Nước/năm sản xuất:

Chủ xe:

Địa chỉ chủ xe:

Cơ sở thiết kế: Ký hiệu thiết kế:

Cơ sở thi công cải tạo:

Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo số: ..... ngày …/…/……

Biên bản kiểm tra, đánh giá ATKT &BVMT xe cải tạo số: ..... ngày …/…/……

NỘI DUNG CẢI TẠO

……

……

……

THÔNG SỐ KỸ THUẬT [(2)]

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Xe mô tô, xe gắn máy trước cải tạo	Xe mô tô, xe gắn máy sau cải tạo
1	Loại phương tiện			
2	Kích thước bao (dài x rộng x cao)	mm		
3	Chiều dài cơ sở	mm		
4	Khối lượng bản thân	kg		
5	Số người cho phép chở	người		
6	Khối lượng toàn bộ	kg		
7	Động cơ			
.....	*Các thông số kỹ thuật khác của xe mô tô, xe gắn máy nếu có thay đổi*			

Xe mô tô, xe gắn máy đã được chứng nhận cải tạo đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường

....., ngày .....tháng ..... năm .....
Đại diện cơ sở đăng kiểm
(ký tên, đóng dấu)

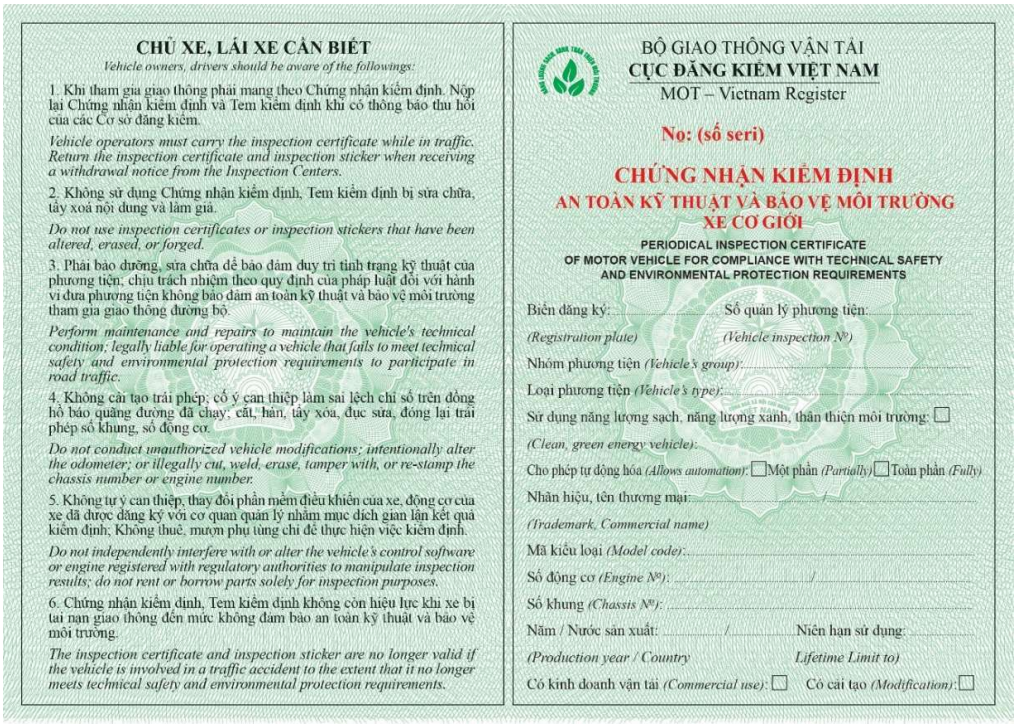
Hướng dẫn ghi :

[(1)] Ghi số giấy chứng nhận xe mô tô, xe gắn máy cải tạo, cách ghi như sau: mã số cơ sở đăng kiểm- số thứ tự/năm/CNXMM. Ví dụ: 2905V-0026/2025/CNXMM.

[(2)] Ghi tóm tắt nội dung cải tạo chính của xe mô tô, xe gắn máy và điền vào bảng.

Mẫu số 01. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định màu xanh lá cây dùng cho xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường

1. Mẫu Giấy chứng nhận kiểm định



CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm.

Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.

2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xoá nội dung và làm giả.

Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.

3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.

Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.

4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ.

Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.

5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định.

Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.

6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MOT – Vietnam Register

No: (số seri)

CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

Biển đăng ký: ..... Số quản lý phương tiện: .....
(Registration plate) *(Vehicle inspection No)*
Nhóm phương tiện *(Vehicle's group)*: .....
Loại phương tiện *(Vehicle's type)*: .....
Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường: ☐
(Clean, green energy vehicle):
Cho phép tự động hóa *(Allows automation)*: ☐ Một phần *(Partially)* ☐ Toàn phần *(Fully)*
Nhãn hiệu, tên thương mại: ..... / .....
(Trademark, Commercial name)
Mã kiểu loại *(Model code)*: .....
Số động cơ *(Engine No)*: ..... / .....
Số khung *(Chassis No)*: .....
Năm / Nước sản xuất: ..... / ..... Niên hạn sử dụng: .....
(Production year / Country *Lifetime Limit to)*
Có kinh doanh vận tải *(Commercial use)*: ☐ Có cải tạo *(Modification)*: ☐

THÔNG SỐ KỸ THUẬT *(SPECIFICATIONS)*

Công thức bánh xe: ..... Vết bánh xe: ..... / ..... (mm)
(Wheel formula) *(Wheel tread)*
Kích thước bao *(Overall dimensions)*: ..... (mm)
Kích thước lòng/bao thùng xe/bao ngoài xi téc: ..... (mm)
(Inside/outside dimensions of cargo deck/outside dimensions of tank)
Khoảng cách trục (Wheel base): ..... (mm)
Khối lượng bản thân (Kerb mass): ..... (kg)
Khối lượng hàng CC theo TK/CP LN: ..... / ..... (kg)
(Design/Authorized cargo pay mass)
Khối lượng kéo theo TK/CP LN: ..... / ..... (kg)
(Design/Authorized towed mass)
Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: ..... / ..... (kg)
(Design/Authorized total mass)
Số người cho phép chở: chỗ ngồi: ..... chỗ đứng: ..... chỗ nằm: .....
(Không bao gồm người lái)
(Permissible No of pers carried, not include driver: seating ,standing ,lying)
Loại động cơ đốt trong *(Engine type)*: .....
Ký hiệu: ..... Thể tích làm việc: ..... (cm^3)
(Engine model) *(Engine displacement)*
- Công suất lớn nhất/tốc độ quay *(Max output/rpm)*: ..... (kW/rpm)
- Loại nhiên liệu *(Fuel)*: .....
Loại động cơ điện *(Motor type)*: .....
- Số lượng, ký hiệu động cơ điện: .....
(Number of motors, motor model)
- Điện áp/ Tổng công suất của động cơ điện: ..... (V/kW)
(Voltage/ Total rated power of motor)
- Loại ắc quy/điện áp-dung lượng: ..... (V-kWh)
(Type of battery/voltage-capacity)
No: (số seri)

Số lượng lốp/cỡ lốp/trục *(The number of tires / tire size / axle)*:

..... ngày ..... tháng ..... năm .....
(Issued on: Day/Month/Year)
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
Số phiếu kiểm định *(INSPECTION CENTER)*
(Inspection report No)

Có hiệu lực đến hết ngày *(Valid until)*:

Vị trí in ảnh tổng thể xe cơ giới khi vào kiểm định (kích thước 80 mm x 60 mm); đối với xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ: "Xe thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu"
(Image Position of Vehicle)

Có lắp thiết bị giám sát hành trình *(Equipped with tachograph)* ☐
Có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe *(Equipped with camera)* ☐
PT không được cấp Tem kiểm định *(Vehicle not issued with inspection stamp)* ☐
Ghi chú *(Notes)*: (1)

xxxxxxxx (2)

Chú thích:

(1): Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);

(2): Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.

2. Mẫu Tem kiểm định



Chú thích:

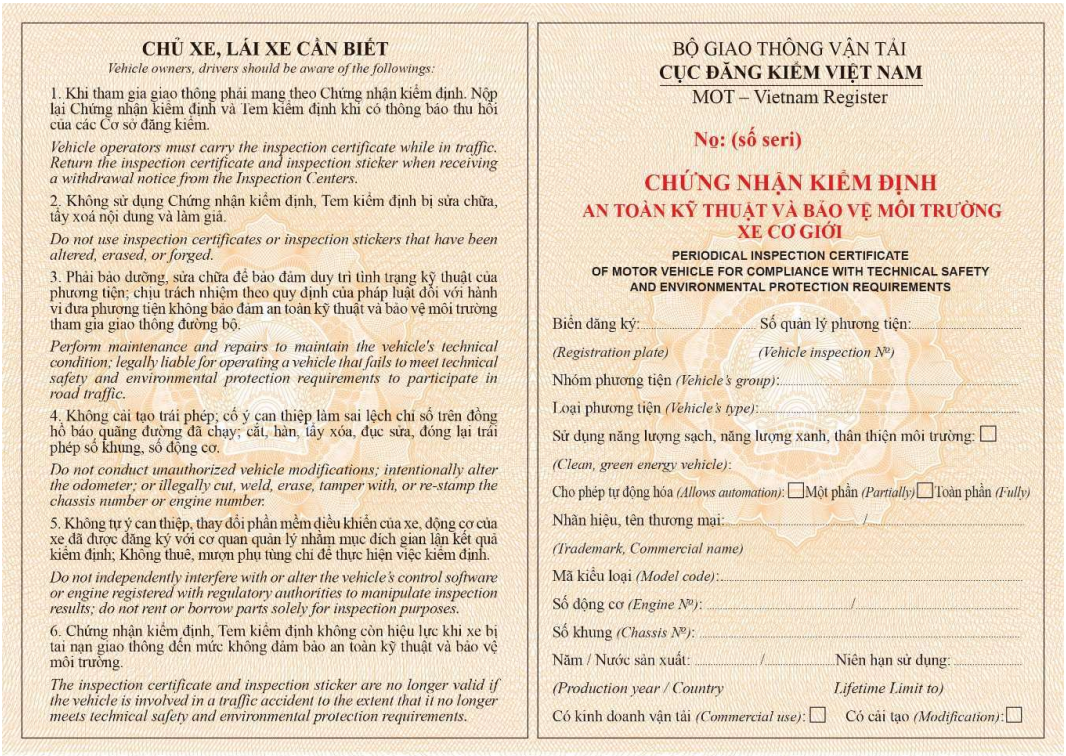
(1): In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;

(2): In biển số xe được cấp tem kiểm định;

(3): In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

Mẫu số 02. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định màu vàng cam dùng cho các xe cơ giới khác

1. Mẫu Giấy chứng nhận



CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm.

Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.

2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xoá nội dung và làm giả.

Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.

3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.

Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.

4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ.

Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.

5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định.

Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.

6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MOT – Vietnam Register

No: (số seri)

CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

Biển đăng ký: ..... Số quản lý phương tiện: .....
(Registration plate) *(Vehicle inspection No)*

Nhóm phương tiện *(Vehicle's group)*: .....

Loại phương tiện *(Vehicle's type)*: .....

Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường: ☐
(Clean, green energy vehicle):

Cho phép tự động hóa *(Allows automation)*: ☐ Một phần *(Partially)* ☐ Toàn phần *(Fully)*

Nhãn hiệu, tên thương mại: ..... / .....
(Trademark, Commercial name)

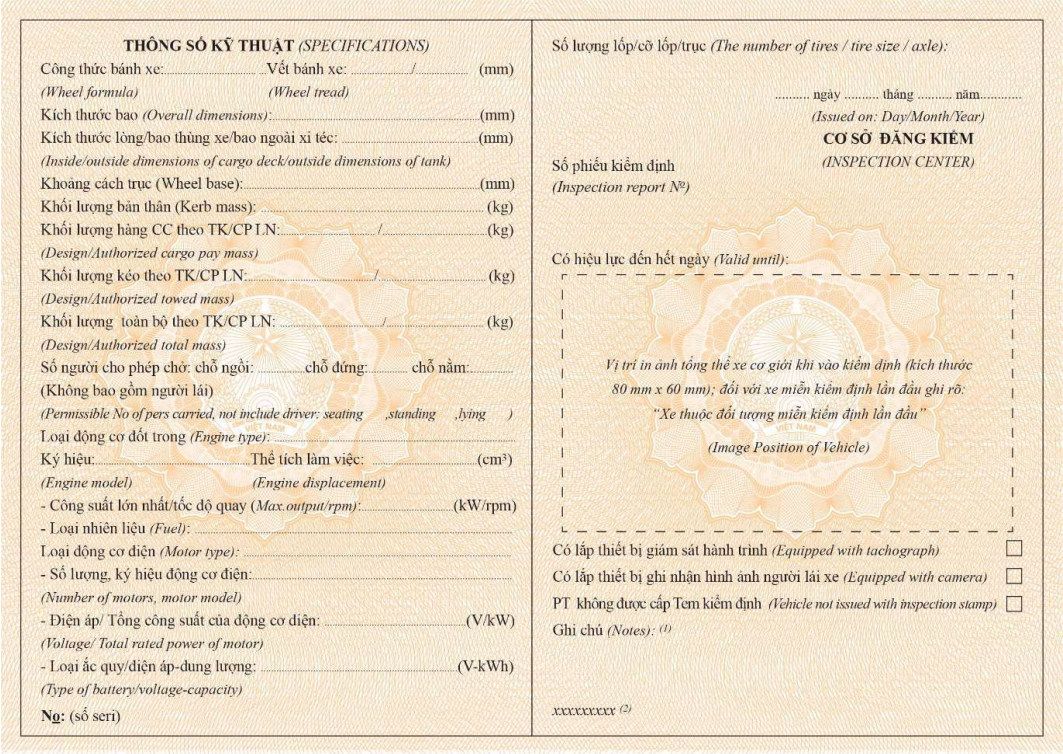
Mã kiểu loại *(Model code)*: .....

Số động cơ *(Engine No)*: ..... / .....

Số khung *(Chassis No)*: .....

Năm / Nước sản xuất: ..... / ..... Niên hạn sử dụng: .....
(Production year / Country *Lifetime Limit to)*

Có kinh doanh vận tải *(Commercial use)*: ☐ Có cải tạo *(Modification)*: ☐



THÔNG SỐ KỸ THUẬT *(SPECIFICATIONS)*

Công thức bánh xe:..... Vết bánh xe: ...../..... (mm)
(Wheel formula) *(Wheel tread)*
Kích thước bao *(Overall dimensions)*:.....(mm)
Kích thước lòng/bao thùng xe/bao ngoài xi téc: .....(mm)
(Inside/outside dimensions of cargo deck/outside dimensions of tank)
Khoảng cách trục (Wheel base):.....(mm)
Khối lượng bản thân (Kerb mass): ..... (kg)
Khối lượng hàng CC theo TK/CP T.N:...../.....(kg)
(Design/Authorized cargo pay mass)
Khối lượng kéo theo TK/CP T.N:...../.....(kg)
(Design/Authorized towed mass)
Khối lượng toàn bộ theo TK/CP T.N: ...../..... (kg)
(Design/Authorized total mass)
Số người cho phép chở: chỗ ngồi:.....chỗ đứng:..... chỗ nằm:.....
(Không bao gồm người lái)
(Permissible No of pers carried, not include driver: seating ,standing ,lying)
Loại động cơ đốt trong *(Engine type)*: .....
Ký hiệu:.....Thể tích làm việc: .....(cm³)
(Engine model) *(Engine displacement)*
- Công suất lớn nhất/tốc độ quay (*Max.output/rpm*):.....(kW/rpm)
- Loại nhiên liệu *(Fuel)*: .....
Loại động cơ điện *(Motor type)*: .....
- Số lượng, ký hiệu động cơ điện:.....
(Number of motors, motor model)
- Điện áp/ Tổng công suất của động cơ điện: .....(V/kW)
(Voltage/ Total rated power of motor)
- Loại ắc quy/điện áp-dung lượng: .....(V-kWh)
(Type of battery/voltage-capacity)
No: (số seri)

Số lượng lốp/cỡ lốp/trục *(The number of tires / tire size / axle)*:

..... ngày ..... tháng ..... năm.....
(Issued on: Day/Month/Year)
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(INSPECTION CENTER)

Số phiếu kiểm định
(Inspection report №)

Có hiệu lực đến hết ngày *(Valid until)*:

Vị trí in ảnh tổng thể xe cơ giới khi vào kiểm định (kích thước 80 mm x 60 mm); đối với xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ: "Xe thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu"
(Image Position of Vehicle)

Có lắp thiết bị giám sát hành trình *(Equipped with tachograph)* ☐
Có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe *(Equipped with camera)* ☐
PT không được cấp Tem kiểm định *(Vehicle not issued with inspection stamp)* ☐
Ghi chú *(Notes)*: (1)

xxxxxxxxx (2)

Chú thích:

(1): Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);

(2): Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.

2. Tem kiểm định



Chú thích:

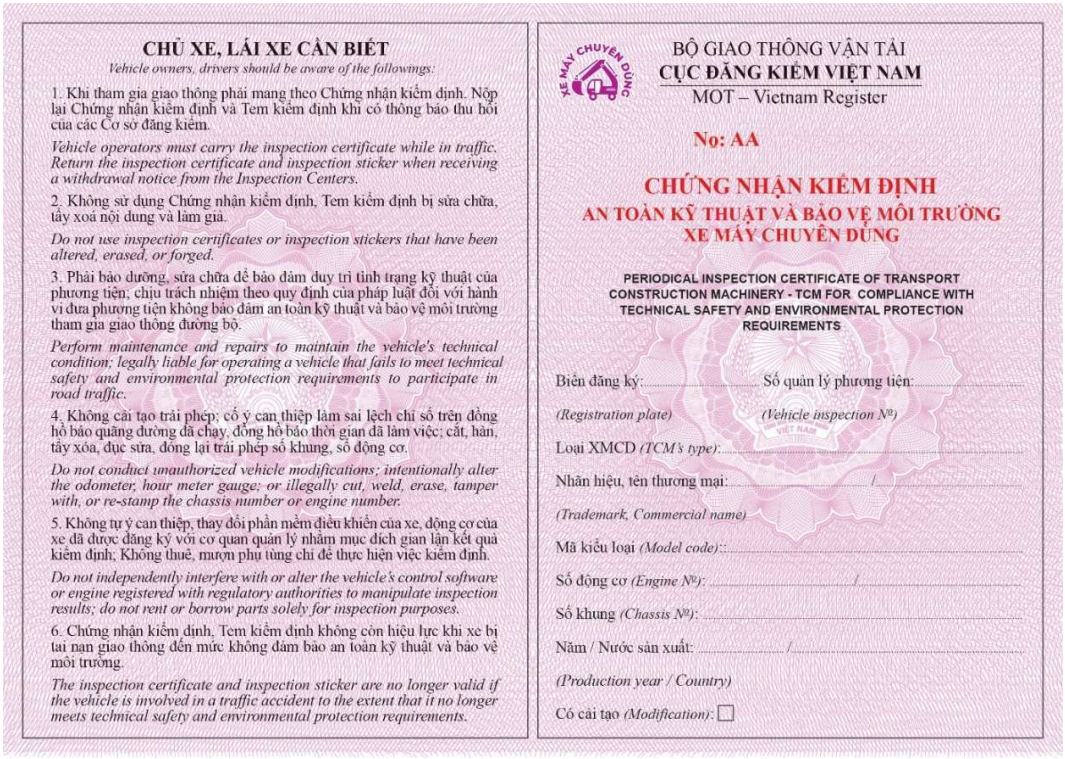
(1): In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;

(2): In biển số xe được cấp tem kiểm định;

(3): In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

Mẫu số 03. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định màu tím hồng dùng cho xe máy chuyên dùng

1. Mẫu Giấy chứng nhận



CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm.

Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.

2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xoá nội dung và làm giả.

Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.

3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.

Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.

4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy, đồng hồ báo thời gian đã làm việc; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ.

Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer, hour meter gauge; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.

5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định.

Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.

6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.

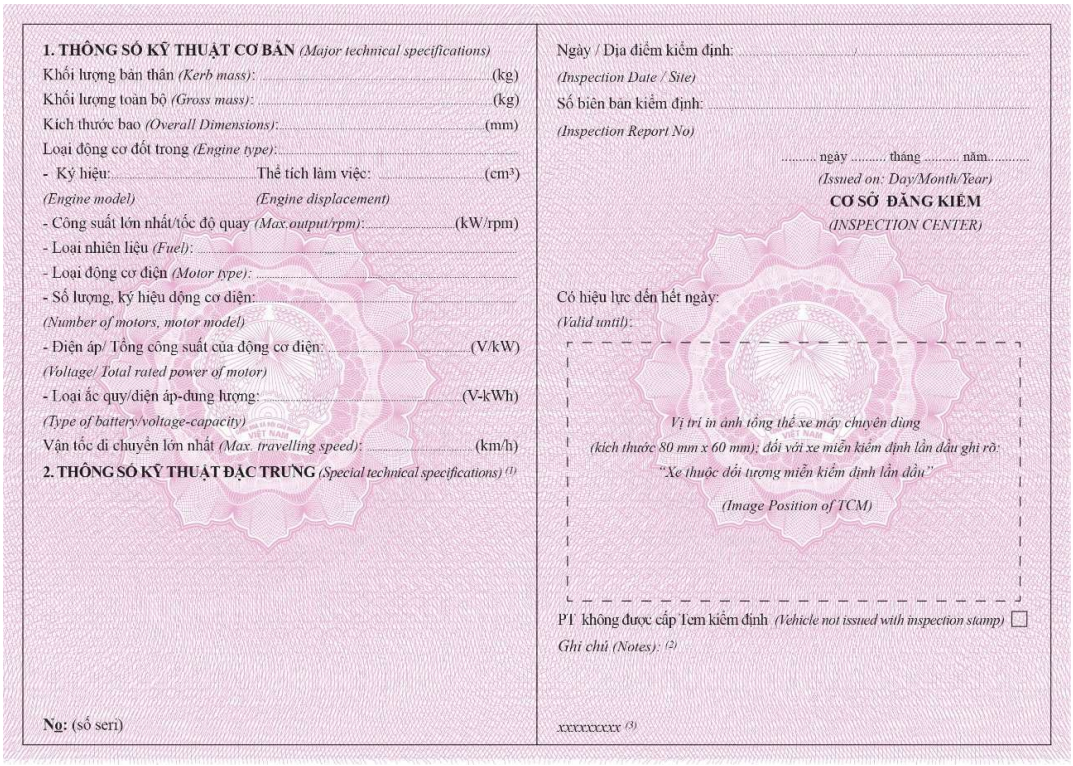
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MOT – Vietnam Register

No: AA

CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF TRANSPORT CONSTRUCTION MACHINERY - TCM FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

Biển đăng ký:..... Số quản lý phương tiện:.....
(Registration plate) *(Vehicle inspection No)*
Loại XMCD *(TCM's type)*:.....
Nhãn hiệu, tên thương mại:...../.....
(Trademark, Commercial name)
Mã kiểu loại *(Model code)*:.....
Số động cơ *(Engine No)*:...../.....
Số khung *(Chassis No)*:.....
Năm / Nước sản xuất:...../.....
(Production year / Country)
Có cải tạo *(Modification)*: ☐



1. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN *(Major technical specifications)*
Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*:.....(kg)
Khối lượng toàn bộ *(Gross mass)*:.....(kg)
Kích thước bao *(Overall Dimensions)*:.....(mm)
Loại động cơ đốt trong *(Engine type)*:.....
- Ký hiệu:..... Thể tích làm việc: .....(cm³)
(Engine model) *(Engine displacement)*
- Công suất lớn nhất/tốc độ quay *(Max.output/rpm)*:.....(kW/rpm)
- Loại nhiên liệu *(Fuel)*:.....
- Loại động cơ điện *(Motor type)*:.....
- Số lượng, ký hiệu động cơ điện:.....
(Number of motors, motor model)
- Điện áp/ Tổng công suất của động cơ điện:.....(V/kW)
(Voltage/ Total rated power of motor)
- Loại ắc quy/điện áp-dung lượng:.....(V-kWh)
(Type of battery/voltage-capacity)
Vận tốc di chuyển lớn nhất *(Max. travelling speed)*:.....(km/h)
2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG *(Special technical specifications)* (1)

No: (số seri)

Ngày / Địa điểm kiểm định:...../.....
(Inspection Date / Site)
Số biên bản kiểm định:.....
(Inspection Report No)
..... ngày ..... tháng ..... năm.....
(Issued on: Day/Month/Year)
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(INSPECTION CENTER)

Có hiệu lực đến hết ngày:
(Valid until):

Vị trí in ảnh tổng thể xe máy chuyên dùng
(kích thước 80 mm x 60 mm); đối với xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ:
"Xe thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu"
(Image Position of TCM)

PT không được cấp Tem kiểm định *(Vehicle not issued with inspection stamp)* ☐
Ghi chú (Notes): (2)

xxxxxxxxx (3)

Chú thích:

(1): Được ghi nhận theo từng loại xe máy chuyên dùng theo quy định tại Thông tư quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu;

(2): Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe máy chuyên dùng trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);

(3): Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.

2. Tem kiểm định



Chú thích:

(1): In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;

(2): In biển số xe được cấp tem kiểm định;

(3): In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

Mẫu số 04. Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy lần đầu

10. Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo – Mã TTHC: 1.013097

a) Trình tự thực hiện:

+ Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ xe nộp hồ sơ đề nghị cấp lại đến Cơ sở đăng kiểm..

+ Giải quyết TTHC:

* Trường hợp Giấy chứng nhận cải tạo bị mất, hỏng, sai thông tin

* Cơ sở đăng kiểm thực hiện việc cấp lại giấy chứng nhận cải tạo trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm; trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm khác.

* Trường hợp giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo có thời hạn theo các quy định của pháp luật

* Cơ sở đăng kiểm tiến hành kiểm tra đối chiếu các thông số kỹ thuật của xe cơ giới thực tế với giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo (hoặc dữ liệu lưu trữ trong phần mềm quản lý cải tạo xe nếu chủ xe không xuất trình được giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo đã được cấp), trường hợp phù hợp thì cấp lại giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo cho chủ xe; trường hợp không phù hợp, cơ sở đăng kiểm cấp thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hệ thống trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp Giấy chứng nhận cải tạo bị mất, hỏng, sai thông tin

- Giấy tờ phải nộp:

- Đơn đề nghị theo mẫu quy định;

- Giấy chứng nhận cải tạo bị hỏng hoặc bị sai thông tin.

- Trong trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật mà dữ liệu về đăng ký xe từ cơ quan đăng ký xe chưa chia sẻ được thì chủ xe phải xuất trình giấy tờ về đăng ký xe hoặc bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe hoặc bản chính chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.

- Trường hợp giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo có thời hạn theo các quy định của pháp luật

- Giấy tờ phải nộp:

- Đơn đề nghị theo mẫu quy định;

- Giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo được cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Trong trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật mà dữ liệu về đăng ký xe từ cơ quan đăng ký xe chưa chia sẻ được thì chủ xe phải xuất trình giấy tờ về đăng ký xe hoặc bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe hoặc bản chính chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp Giấy chứng nhận cải tạo bị mất, hỏng, sai thông tin: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm; trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm khác.

- Trường hợp giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo có thời hạn theo các quy định của pháp luật: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ và kết quả kiểm tra, đánh giá xe thực tế đạt yêu cầu.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

đ) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận cải tạo;

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận.

- Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo về môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và Thông tư số 55/2022/TT- BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu Đơn đề nghị theo mẫu;

- Mẫu Giấy chứng nhận cải tạo.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận cải tạo được cấp lại trong các trường hợp: bị mất, hỏng, sai thông tin. Chủ xe không phải mang xe đến cơ sở đăng kiểm để kiểm tra, đánh giá lại.

- Giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo có thời hạn theo các quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy chứng nhận cải tạo, chủ xe có nhu cầu cấp lại để thực hiện việc cấp đổi chứng nhận đăng ký. Chủ xe phải mang xe đến cơ sở đăng kiểm để kiểm tra đối chiếu với giấy chứng nhận cải tạo.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo về môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới;

- Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo về môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

- Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày…. tháng …. năm ….

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH, TEM KIỂM ĐỊNH; GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI TẠO

□ Giấy chứng nhận (GCN) kiểm định □ Tem kiểm định □ GCN cải tạo

Kính gửi: ……

Chủ xe: .....

Địa chỉ: .....

Người đại diện chủ xe/Tổ chức: .....

Số điện thoại: .....

Thông tin của xe:

- Biển số đăng ký hoặc số khung: …….....

- Số giấy chứng nhận cải tạo đã cấp: ……

- Ký hiệu thiết kế: ……

- Loại phương tiện: …….....

Lý do đề nghị cấp lại:

Kiểm định: Mất (Tem □ GCN □) Hỏng (Tem □ GCN □) Sai thông tin □

GCN cải tạo: Mất □ Hỏng □ Sai thông tin □ Hết hiệu lực □

Tôi (Chủ xe/Tên tổ chức) hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung đơn đề nghị này.

Chủ xe/đại diện tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:
Như kính gửi;
……;
Lưu: …….

Mẫu số 01. Mẫu giấy chứng nhận cải tạo xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ……[(1)]……

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI CẢI TẠO

Biển số đăng ký: Nhãn hiệu/số loại:

Số khung: Số động cơ:

Nước/năm sản xuất:

Chủ xe:

Địa chỉ chủ xe:

Cơ sở thiết kế: Ký hiệu thiết kế:

Cơ sở cải tạo:

Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo số: ..... ngày …/…/……

Biên bản kiểm tra, đánh giá ATKT & BVMT xe cải tạo số: ..... ngày …/…/……

NỘI DUNG CẢI TẠO

……

……

……

CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT [(2)]

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Xe cơ giới trước cải tạo	Xe cơ giới sau cải tạo
1	Loại phương tiện	---		
2	Xe sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường	---	□ Có	□ Có
3	Cho phép tự động hóa điều khiển	---	□ Một phần □ Toàn phần	□ Một phần □ Toàn phần
4	Kích thước bao ngoài (dài x rộng x cao)	mm		
5	Khoảng cách trục	mm		
6	Vết bánh xe (trước/sau)	mm		
7	Khối lượng bản thân	kg		
8	Số người cho phép chở (ngồi/đứng/nằm): (không bao gồm người lái)	người		
9	Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông	kg		
10	Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông	kg		
11	Động cơ			

...	*Các thông số kỹ thuật khác của xe cơ giới nếu có thay đổi do cải tạo*			

Xe cơ giới đã được chứng nhận cải tạo đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

....., ngày .....tháng ..... năm .....
Đại diện cơ sở đăng kiểm
(ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi :

(1) Ghi số giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo, cách ghi như sau: mã số cơ sở đăng kiểm- số thứ tự/năm/CNXCG. Ví dụ: 2905V-0026/2025/CNXCG.

(2) Ghi tóm tắt nội dung cải tạo chính của xe cơ giới và điền vào bảng.

Mẫu số 02. Mẫu giấy chứng nhận cải tạo xe máy chuyên dùng

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ) **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

Số:……[(1)]……

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG CẢI TẠO

Biển số đăng ký: Nhãn hiệu/số loại:

Số khung: Số động cơ:

Nước/năm sản xuất:

Chủ xe:

Địa chỉ chủ xe:

Cơ sở thiết kế: Ký hiệu thiết kế:

Cơ sở thi công cải tạo:

Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo số: ..... ngày …/…/……

Biên bản kiểm tra, đánh giá ATKT & BVMT xe cải tạo số: ..... ngày …/…/……

NỘI DUNG CẢI TẠO

……

……

……

THÔNG SỐ KỸ THUẬT [(2)]

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Xe máy chuyên dùng trước cải tạo	Xe máy chuyên dùng sau cải tạo
1	Loại phương tiện			
2	Kích thước bao (dài x rộng x cao)	mm		
3	Ký hiệu/loại động cơ			
4	Công suất lớn nhất/tốc độ quay	kW/rpm		
5	Khối lượng bản thân	kg		

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG

STT	**Thông số kỹ thuật**	**Đơn vị**	**Xe máy chuyên dùng trước cải tạo**	**Xe máy chuyên dùng sau cải tạo**
1				

Xe máy chuyên dùng đã được chứng nhận cải tạo đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

....., ngày .....tháng ..... năm .....
Đại diện cơ sở đăng kiểm
(ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi :

(1) Ghi số giấy chứng nhận xe máy chuyên dùng cải tạo, cách ghi như sau: mã số cơ sở đăng kiểm- số thứ tự/năm/CNXMD. Ví dụ: 2905V-0026/2025/CNXMD.

(2) Ghi tóm tắt nội dung cải tạo chính của xe máy chuyên dùng và điền vào bảng.

Mẫu số 03. Mẫu giấy chứng nhận cải tạo xe mô tô, xe gắn máy

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:……[(1)] ……

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY CẢI TẠO

Biển số đăng ký: Nhãn hiệu/số loại:

Số khung: Số động cơ:

Nước/năm sản xuất:

Chủ xe:

Địa chỉ chủ xe:

Cơ sở thiết kế: Ký hiệu thiết kế:

Cơ sở thi công cải tạo:

Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo số: ..... ngày …/…/……

Biên bản kiểm tra, đánh giá ATKT &BVMT xe cải tạo số: ..... ngày …/…/……

NỘI DUNG CẢI TẠO

……

……

……

THÔNG SỐ KỸ THUẬT [(2)]

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Xe mô tô, xe gắn máy trước cải tạo	Xe mô tô, xe gắn máy sau cải tạo
1	Loại phương tiện			
2	Kích thước bao (dài x rộng x cao)	mm		
3	Chiều dài cơ sở	mm		
4	Khối lượng bản thân	kg		
5	Số người cho phép chở	người		
6	Khối lượng toàn bộ	kg		
7	Động cơ			
.....	*Các thông số kỹ thuật khác của xe mô tô, xe gắn máy nếu có thay đổi*			

Xe mô tô, xe gắn máy đã được chứng nhận cải tạo đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường

....., ngày .....tháng ..... năm .....
Đại diện cơ sở đăng kiểm
(ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi :

(1) Ghi số giấy chứng nhận xe mô tô, xe gắn máy cải tạo, cách ghi như sau: mã số cơ sở đăng kiểm- số thứ tự/năm/CNXMM. Ví dụ: 2905V-0026/2025/CNXMM.

(2) Ghi tóm tắt nội dung cải tạo chính của xe mô tô, xe gắn máy và điền vào bảng.

11. Thủ tục Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy – Mã TTHC: 1.013101

a) Trình tự thực hiện:

+ Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ xe nộp hồ sơ tại Cơ sở đăng kiểm.

+ Giải quyết TTHC:

- Cơ sở đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ, tra cứu thông tin của xe mô tô, xe gắn máy trên phần mềm quản lý kiểm định và đối chiếu chứng nhận đăng ký xe với xe mô tô, xe gắn máy thực tế: trường hợp xe thuộc trường hợp bị từ chối kiểm định cơ sở đăng kiểm lập thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này gửi cho chủ xe; trường hợp xe không thuộc trường hợp bị từ chối kiểm định, lập phiếu kiểm soát kiểm định.

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: cơ sở đăng kiểm thực hiện kiểm định khí thải ngay trong 04 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ. Việc kiểm tra, đánh giá khí thải xe mô tô, xe gắn máy phải được thực hiện theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, nếu kết quả kiểm định không đạt yêu cầu, cơ sở đăng kiểm lập thông báo gửi cho chủ xe; trường hợp kết quả đạt yêu cầu thì cơ sở đăng kiểm cấp giấy chứng nhận kiểm định khí thải có thời hạn hiệu lực.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống trực tuyến: cơ sở đăng kiểm xác nhận lịch hẹn kiểm định khí thải đồng thời thông báo với chủ xe về thời gian thực hiện kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. Khi chủ xe đưa xe mô tô, xe gắn máy đến thì cơ sở đăng kiểm thực hiện như với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp.

+ Chứng nhận kiểm định khí thải cấp cho xe mô tô, xe gắn máy là bản điện tử được tích hợp dữ liệu với tài khoản định danh điện tử của chủ xe, cụ thể như sau:

+ Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy lần đầu.

+ Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy định kỳ.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua hệ thống trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Trong trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật mà dữ liệu về đăng ký xe từ cơ quan đăng ký xe chưa chia sẻ được thì chủ xe xuất trình một trong các giấy về đăng ký xe hoặc bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp nộp trực tiếp: trong thời gian 04 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

- Trường hợp qua hệ thống trực tuyến: ngay trong ngày khi chủ xe đưa xe mô tô, xe gắn máy đến.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

đ) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

h) Phí, lệ phí: Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đối với các xe mô tô, xe gắn máy có thời gian tính từ năm sản xuất đến 05 năm, chủ xe không phải nộp hồ sơ kiểm định khí thải và không phải mang xe đến cơ sở đăng kiểm để kiểm định khí thải. Giấy chứng nhận kiểm định khí thải đối với các xe mô tô, xe gắn máy được Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện cấp trên phần mềm quản lý kiểm định trên cơ sở kết quả chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu lấy từ dữ liệu lưu trữ của Cục Đăng kiểm Việt Nam kết hợp cơ sở dữ liệu về đăng ký, quản lý xe cơ giới của Bộ Công an.

- Áp dụng đối với xe mô tô, xe gắn máy có thời gian tính từ năm sản xuất trên 05 năm.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

- Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Mẫu Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy lần đầu

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY LẦN ĐẦU

Số: .....(1)

Biển số đăng ký:..... Loại phương tiện:.....
Nhãn hiệu:..... Tên thương mại:.....
Năm/Nước sản xuất:...../..... Mã kiểu loại:.....
Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường: ☐
Cho phép tự động hóa: ☐ Một phần / ☐ Toàn phần
Số khung:..... Số động cơ:.....
Khối lượng bản thân/toàn bộ:...../..... Số người cho phép chở (kể cả người lái):.....
Ký hiệu động cơ:..... Thể tích làm việc:.....cm^3
Loại động cơ:..... Loại nhiên liệu:.....
Công suất lớn nhất.....kW/v/ph
Ký hiệu động cơ điện:..... Loại ắc quy/điện áp-dung lượng.....V-Ah
Loại động cơ điện:..... Công suất lớn nhất của động cơ điện:.....kW
Có hiệu lực đến hết ngày: ...../...../.....

....., ngày.....tháng.....năm.....
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Chú thích:

(1) Số giấy chứng nhận được cấp theo cấu trúc sau: "VR/XX/YYYYYYY", trong đó:

- "VR": tên viết tắt của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

- "XX": gồm 02 ký tự bằng số thể hiện 02 số cuối của năm cấp miễn kiểm định khí thải;

- "YYYYYYY": gồm 07 ký tự bằng số thể hiện số thứ tự xe mô tô, xe gắn máy được cấp miễn kiểm định khí thải trong năm.

Ví dụ: Xe thứ 1234567 được cấp miễn trong năm 2025 thì số giấy chứng nhận: VR/25/1234567.

Mẫu Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy định kỳ

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM **MÃ SỐ:.....**[1]	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY ĐỊNH KỲ

Số: .....[2]

Biển số đăng ký:.....	Loại phương tiện:.....
Nhãn hiệu:.....	Tên thương mại:.....
Năm/Nước sản xuất:...../.....	Mã kiểu loại:.....
Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường: ☐	
Cho phép tự động hóa:	☐ Một phần / ☐ Toàn phần
Số khung:.....	Số động cơ:.....
Khối lượng bản thân/toàn bộ:...../.....	Số người cho phép chở (kể cả người lái):.....
Ký hiệu động cơ:.....	Thể tích làm việc:.....cm^3
Loại động cơ:.....	Loại nhiên liệu:.....
Công suất lớn nhất:.....kW/v/ph	
Ký hiệu động cơ điện:.....	Loại ắc quy/điện áp-dung lượng:.....V-Ah
Loại động cơ điện:.....	Công suất lớn nhất của động cơ điện:.....kW
Có hiệu lực đến hết ngày: ...../...../.....	

....., ngày..... tháng..... năm.....

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

Chú thích:

[1] Mã số cơ sở đăng kiểm;

[2] Số giấy chứng nhận được cấp gồm 03 phần được ngăn cách với nhau bởi dấu "/" theo cấu trúc sau:

- Phần 1: mã số cơ sở đăng kiểm;

- Phần 2: gồm 02 ký tự bằng số thể hiện 02 số cuối của năm kiểm định khí thải;

- Phần 3: gồm 05 ký tự bằng số thể hiện số thứ tự xe mô tô, xe gắn máy được kiểm định khí thải trong năm tại cơ sở đăng kiểm hoặc cơ sở kiểm định khí thải.

Ví dụ: 2903V/25/12345, 29034/25/99999, 280001XM/25/45678.

PHỤ LỤC III

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH TÂY NINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6413/QĐ-UBND ngày 15 / 4 /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO SỞ XÂY DỰNG THỰC HIỆN

Quy trình nội bộ số 1

1. Thủ tục Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy – Mã TTHC: 1.013105

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Chuyên viên tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã	03 ngày làm việc
Bước 2	Phân công	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	06 giờ làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng chuyên môn	10 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét kết quả thẩm định	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	06 giờ làm việc
Bước 5	Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	07 giờ làm việc
Bước 6	Cho số, đóng dấu hồ sơ	Văn thư Sở	03 giờ làm việc
Bước 7	Trả kết quả	Chuyên viên Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã	02 giờ làm việc

Tổng thời gian giải quyết TTHC:

- Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc.
- Kiểm tra, đánh giá thực tế: 10 ngày.
- Cấp Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc

Quy trình nội bộ số 2

2. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy – Mã TTHC: 1.013110

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Chuyên viên tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã	03 ngày làm việc
Bước 2	Phân công	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	06 giờ làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng chuyên môn	10 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét kết quả thẩm định	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	06 giờ làm việc
Bước 5	Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	07 giờ làm việc
Bước 6	Cho số, đóng dấu hồ sơ	Văn thư Sở	03 giờ làm việc
Bước 7	Trả kết quả	Chuyên viên Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: - Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 10 ngày. - Cấp Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc			

Quy trình nội bộ số 3

3. Thủ tục Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới – Mã TTHC: 1.001322

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Chuyên viên tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã	03 ngày làm việc
Bước 2	Phân công	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	06 giờ làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng chuyên môn	10 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét kết quả thẩm định	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	06 giờ làm việc
Bước 5	Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	07 giờ làm việc
Bước 6	Cho số, đóng dấu hồ sơ	Văn thư Sở	03 giờ làm việc
Bước 7	Trả kết quả	Chuyên viên Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: - Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 10 ngày. - Cấp Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc			

Quy trình nội bộ số 4

4. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới – Mã TTHC: 1.001296

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Chuyên viên tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã	03 ngày làm việc
Bước 2	Phân công	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	06 giờ làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng chuyên môn	10 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét kết quả thẩm định	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	06 giờ làm việc
Bước 5	Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	07 giờ làm việc
Bước 6	Cho số, đóng dấu hồ sơ	Văn thư Sở	03 giờ làm việc
Bước 7	Trả kết quả	Chuyên viên Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: - Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 10 ngày. - Cấp Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc			

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM THỰC HIỆN

Quy trình nội bộ số 5

5. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu – Mã TTHC: 1.013089

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	0,5 giờ làm việc
Bước 2	Xử lý hồ sơ	- Nhân viên nghiệp vụ văn phòng - Đăng kiểm viên	2,5 giờ làm việc
Bước 3	Ký duyệt Bước 3	Lãnh đạo đơn vị	0,25 giờ làm việc
Bước 4	Đóng dấu, phô tô lưu trữ hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	0,25 giờ làm việc
Bước 5	Chuyển sang bộ phận thu phí	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	0,25 giờ làm việc
Bước 7	Trả kết quả	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	0,25 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC 04 giờ làm việc			

Quy trình nội bộ số 6

6. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy) – Mã TTHC: 1.005103

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	01 giờ làm việc
Bước 2	Xử lý hồ sơ	- Nhân viên nghiệp vụ văn phòng - Đăng kiểm viên	03 giờ làm việc
Bước 3	Ký duyệt Bước 3	Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	01 giờ làm việc
Bước 4	Đóng dấu, phô tô lưu trữ hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	02 giờ làm việc
Bước 5	Chuyển sang bộ phận thu phí	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	0,5 giờ làm việc
Bước 6	Trả kết quả	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	0,5 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: trong ngày làm việc			

Quy trình nội bộ số 7

7. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe máy chuyên dùng – Mã TTHC: 1.013205

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	01 giờ làm việc
Bước 2	Xử lý hồ sơ	- Nhân viên nghiệp vụ văn phòng - Đăng kiểm viên	03 giờ làm việc
Bước 3	Ký duyệt Bước 3	Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	01 giờ làm việc
Bước 4	Đóng dấu, phô tô lưu trữ hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	02 giờ làm việc
Bước 5	Chuyển sang bộ phận thu phí	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	0,5 giờ làm việc
Bước 6	Trả kết quả	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	0,5 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC trong ngày làm việc			

Quy trình nội bộ số 8

8. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng – Mã TTHC: 1.013092

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	0,5 giờ làm việc
Bước 2	Xử lý hồ sơ	- Nhân viên nghiệp vụ văn phòng - Đăng kiểm viên	2,5 giờ làm việc
Bước 3	Ký duyệt Bước 3	Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	0,25 giờ làm việc
Bước 4	Đóng dấu, phô tô lưu trữ hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	0,25 giờ làm việc
Bước 5	Chuyển sang bộ phận thu phí	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	0,25 giờ làm việc
Bước 6	Trả kết quả	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	0,25 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC 04 giờ làm việc			

Quy trình nội bộ số 9

9. Thủ tục Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo – Mã TTHC: 1.013206

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	0,5 giờ làm việc
Bước 2	Xử lý hồ sơ	- Nhân viên nghiệp vụ văn phòng - Đăng kiểm viên	2,5 giờ làm việc
Bước 3	Ký duyệt Bước 3	Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	0,25 giờ làm việc
Bước 4	Đóng dấu, phô tô lưu trữ hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	0,25 giờ làm việc
Bước 5	Chuyển sang bộ phận thu phí	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	0,25 giờ làm việc
Bước 6	Trả kết quả	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	0,25 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC 04 giờ làm việc			

Quy trình nội bộ số 10

10. Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo – Mã TTHC: 1.013097

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
I	**Đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm**		
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	01 giờ làm việc
Bước 2	Xử lý hồ sơ	- Nhân viên nghiệp vụ văn phòng - Đăng kiểm viên	05 giờ làm việc
Bước 3	Ký duyệt Bước 3	Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	0,5 giờ làm việc
Bước 4	Đóng dấu, phô tô lưu trữ hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	0,5 giờ làm việc
Bước 5	Chuyển sang bộ phận thu phí	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	0,5 giờ làm việc
Bước 6	Trả kết quả	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	0,5 giờ làm việc
	Tổng thời gian giải quyết TTHC 01 ngày làm việc		
II	**Hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm khác**		
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	01 giờ làm việc
Bước 2	Xử lý hồ sơ	- Nhân viên nghiệp vụ văn phòng - Đăng kiểm viên	13 giờ làm việc
Bước 3	Ký duyệt Bước 3	Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	0,5 giờ làm việc
Bước 4	Đóng dấu, phô tô lưu trữ hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	0,5 giờ làm việc
Bước 5	Chuyển sang bộ phận thu phí	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	0,5 giờ làm việc
Bước 6	Trả kết quả	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	0,5 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC 02 ngày làm việc			

Quy trình nội bộ số 11

11. Thủ tục Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy - Mã TTHC: 1.013101

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	0,5 giờ làm việc
Bước 2	Xử lý hồ sơ	- Nhân viên nghiệp vụ văn phòng - Đăng kiểm viên	2,5 giờ làm việc
Bước 3	Ký duyệt Bước 3	Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	0,25 giờ làm việc
Bước 4	Đóng dấu, phô tô lưu trữ hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	0,25 giờ làm việc
Bước 5	Chuyển sang bộ phận thu phí	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	0,25 giờ làm việc
Bước 6	Trả kết quả	Nhân viên nghiệp vụ văn phòng	0,25 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC 04 giờ làm việc			